BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1932 /QĐ-ĐHTN	*Đắk Lắk, ngày 05 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 đã được sửa đổi;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh ban hành theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 819/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 14/5/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2020 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-ĐHTN ngày 04/10/2020 về việc công nhận điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2020;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 1887 thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2020 (có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thông báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo đúng quy chế hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo đại học, Phòng Công tác sinh viên, các đơn vị có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu: VT, ĐTĐH.(5)	**HIỆU TRƯỞNG** TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY THEO PHƯƠNG THỨC XÉT ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 1952..../QĐ-ĐHTN ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
** 7140201 - Giáo dục Mầm non*														
1	40014145	Mai Thị Hoàng Anh	19/02/2002	Nữ	M09	TO	6.2	NK1	8	NK2	7.5		1	22.45
2	40004794	Nguyễn Thị Phương Anh	28/09/2002	Nữ	M01	VA	6	NK1	6.5	NK2	7		1	20.25
3	40000005	Nông Thị Tú Anh	06/10/2002	Nữ	M01	VA	8.25	NK1	6.25	NK2	6.25	01	1	23.5
4	40001136	Võ Thị Quỳnh Anh	26/09/2002	Nữ	M01	VA	6.75	NK1	6.5	NK2	7		1	21
5	40001686	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	08/10/2002	Nữ	M09	TO	6.8	NK1	7	NK2	5.75		1	20.3
6	38012737	Trần Minh Ánh	05/02/2002	Nữ	M01	VA	7	NK1	7.25	NK2	6.5		1	21.5
7	38002090	Kpă H' Arên	12/07/2002	Nữ	M01	VA	5.75	NK1	7	NK2	7	01	1	22.5
8	40009493	H' Bi Êban	04/05/2002	Nữ	M09	TO	7	NK1	7.25	NK2	6.5	01	1	23.5
9	63002303	H - Biếu	12/04/2001	Nữ	M01	VA	5.5	NK1	6.75	NK2	7.5	01	1	22.5
10	40012544	H Braĩ Niê	23/10/2002	Nữ	M01	VA	5.5	NK1	7	NK2	7.75	01	1	23
11	40009507	Lê Thảo Chi	07/08/2002	Nữ	M01	VA	6.25	NK1	8.5	NK2	7.75		1	23.25
12	63000082	Vũ Thị Kim Chi	26/11/2002	Nữ	M01	VA	7.25	NK1	8	NK2	7.75		1	23.75
13	38010831	Đinh Thị Chiu	06/08/2002	Nữ	M09	TO	7	NK1	6.5	NK2	6.75	01	1	23
14	38003094	Puih H' Chức	08/12/2002	Nữ	M09	TO	7	NK1	8.25	NK2	6.5	01	1	24.5
15	40014907	Võ Thị Hồng Cúc	12/12/2001	Nữ	M01	VA	7.75	NK1	7.25	NK2	7.5		2NT	23
16	40007655	H Dêna Mlô	02/01/2002	Nữ	M01	VA	6	NK1	7.25	NK2	8	01	1	24
17	42001395	Rơ Ông K Diều	18/12/2002	Nữ	M01	VA	6.5	NK1	6.25	NK2	6.75	01	1	22.25
18	63001842	Ngô Thị Duyên	11/07/2002	Nữ	M09	TO	7.2	NK1	7	NK2	6.5		1	21.45
19	38009640	Rmah H' Duyên	06/11/2002	Nữ	M01	VA	5.75	NK1	6.75	NK2	6.75	01	1	22
20	38000027	Nay H' Đao	26/07/2002	Nữ	M01	VA	7.25	NK1	6.25	NK2	6	01	1	22.25
21	40003684	H' Đao Mlô	13/01/2002	Nữ	M01	VA	8.25	NK1	7.5	NK2	9.25	01	1	27.75
22	38003660	Ksor H' Điệp	21/08/2001	Nữ	M09	TO	5.4	NK1	6.75	NK2	7	01	1	21.9
23	38006348	Nay H' Đen	05/02/2002	Nữ	M09	TO	7	NK1	7	NK2	6	01	1	22.75

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
24	40001223	H Êsther Uông	31/05/2002	Nữ	M01	VA	5.25	NK1	6.5	NK2	8.38	01	1	22.88
25	63000225	H' Ha	11/09/2002	Nữ	M01	VA	5.5	NK1	7.25	NK2	6.75	01	1	22.25
26	40009615	Đỗ Thị Kim Hạnh	30/04/2002	Nữ	M01	VA	7.5	NK1	7.5	NK2	7.5		1	23.25
27	38005703	Nguyễn Thị Minh Hảo	05/04/2002	Nữ	M01	VA	6.75	NK1	7.12	NK2	6.5		1	21.12
28	38005707	Lê Nguyễn Kiều Hân	06/03/2002	Nữ	M01	VA	6.5	NK1	6.72	NK2	6.5		1	20.47
29	40015219	Võ Ngọc Tiểu Hân	14/01/2002	Nữ	M01	VA	7.25	NK1	7.25	NK2	6.25		1	21.5
30	63004119	Trịnh Thị Thu Hiền	24/04/2002	Nữ	M09	TO	7.8	NK1	8	NK2	6.25		1	22.8
31	40001266	H Hồng Phôk	02/06/2000	Nữ	M01	VA	5.5	NK1	6.75	NK2	8	01	1	23
32	38004567	Rơlan H'Thúy	20/02/2001	Nữ	M01	VA	7.5	NK1	6.75	NK2	6.75	01	1	23.75
33	40015854	Vũ Khánh Huyền	11/10/2002	Nữ	M09	TO	8.4	NK1	6.75	NK2	9.5		1	25.4
34	63005810	H' Hương	08/02/1999	Nữ	M01	VA	6	NK1	6.5	NK2	6.25	01	1	21.5
35	40001897	H Hương Niê	25/11/2001	Nữ	M01	VA	6	NK1	6	NK2	7.5	01	1	22.25
36	40003930	Hoàng Thị Lan Hương	04/02/2002	Nữ	M01	VA	7.25	NK1	7	NK2	7	01	1	24
37	38004090	Nay H' Hương	20/06/2000	Nữ	M09	TO	6.4	NK1	8	NK2	6.75	01	1	23.9
38	40013001	H Ji Ha Mlô	08/03/2002	Nữ	M01	VA	7.5	NK1	7.5	NK2	8.5	01	1	26.25
39	40013002	H Ji Huy Mlô	08/03/2002	Nữ	M01	VA	6.5	NK1	6.75	NK2	7	01	1	23
40	38011248	Võ Thị Xuân Kiều	25/04/2002	Nữ	M09	TO	6.2	NK1	6.25	NK2	7		1	20.2
41	38005355	Rah Lan H' Kih	24/08/2001	Nữ	M01	VA	6.67	NK1	6.75	NK2	7.75	01	1	23.92
42	38009729	Trần Thị Lan	15/02/2002	Nữ	M01	VA	7.5	NK1	7	NK2	6.25	01	1	23.5
43	40011398	Lại Hoàng Huyền Lê	12/04/2002	Nữ	M01	VA	6.25	NK1	6.75	NK2	7		1	20.75
44	40001934	Hoàng Thị Mỹ Lệ	09/09/2002	Nữ	M01	VA	7	NK1	8	NK2	8.5	01	1	26.25
45	38008352	Lê Thị Lệ	06/11/2002	Nữ	M01	VA	7.5	NK1	6.25	NK2	7.5		1	22
46	40016804	Lê Thị Diệu Linh	27/03/2002	Nữ	M01	VA	7	NK1	7	NK2	7.88		1	22.63
47	63005267	Nguyễn Thị Mỹ Linh	19/10/2002	Nữ	M09	TO	7	NK1	6.25	NK2	8.13		1	22.13
48	63000631	H' Lớt	26/09/2002	Nữ	M01	VA	6.5	NK1	6.5	NK2	9	01	1	24.75
49	40006738	H Luyến Byă	28/09/2000	Nữ	M01	VA	6.75	NK1	7.5	NK2	7.25	01	1	24.25
50	40001349	H' Lương Ndu	29/07/2002	Nữ	M01	VA	6.25	NK1	6	NK2	7.5	01	1	22.5
51	40016882	Nguyễn Diệu Ly	10/05/2002	Nữ	M01	VA	6.25	NK1	6.75	NK2	8		1	21.75
52	63003500	Nguyễn Thị Yến Ly	23/04/2002	Nữ	M09	TO	6.4	NK1	6.5	NK2	7.25		1	20.9

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
53	63001450	Trần Thị Hương Ly	09/10/2002	Nữ	M01	VA	6.75	NK1	7	NK2	8.25		1	22.75
54	40006748	Hà Như Mai	27/07/2002	Nữ	M01	VA	5.5	NK1	7	NK2	6.5	01	1	21.75
55	63000657	Thị Mi La	10/05/2000	Nữ	M01	VA	6	NK1	7	NK2	9	01	1	24.75
56	40006767	Trần Gia Diễm Minh	16/01/2002	Nữ	M01	VA	6	NK1	6.25	NK2	6.75		1	19.75
57	40000819	Đinh Thị Trà My	16/03/2002	Nữ	M01	VA	6.5	NK1	6.5	NK2	7.25		1	21
58	38009774	Siu Li Na	20/01/2002	Nữ	M01	VA	6.75	NK1	7	NK2	7.25	01	1	23.75
59	38010968	Nghệ	00/00/2002	Nữ	M09	TO	6.6	NK1	6	NK2	6.25	01	1	21.6
60	40016499	Y Ngoen	21/08/2001	Nữ	M01	VA	8.25	NK1	8	NK2	8.25	01	1	27.25
61	38006438	Ksor H' Nguyệt	11/10/2001	Nữ	M01	VA	6.25	NK1	5.75	NK2	7	01	1	21.75
62	40002059	H Nhin Byă	28/11/2002	Nữ	M01	VA	8	NK1	7.25	NK2	6.75	01	1	24.75
63	38003339	Ksor - H' Nhung	02/01/2002	Nữ	M09	TO	7.4	NK1	6.75	NK2	7	01	1	23.9
64	40017813	Nguyễn Thị Kim Nhung	19/11/2002	Nữ	M09	TO	8.2	NK1	8.5	NK2	8		1	25.45
65	40017827	H Nhung Hđơk	24/07/2001	Nữ	M09	TO	7.6	NK1	6.5	NK2	6.25	01	1	23.1
66	38006448	Nay H' Nhuy	08/12/2002	Nữ	M09	TO	6.4	NK1	6.5	NK2	6.75	01	1	22.4
67	38013051	Siu H' Nhúy	20/08/2002	Nữ	M01	VA	5.5	NK1	6	NK2	5.5	01	1	19.75
68	38003343	Rahlan H' Nhuyên	10/10/2002	Nữ	M01	VA	7	NK1	7	NK2	6.75	01	1	23.5
69	40002074	H Niêr Ksơr	09/07/2002	Nữ	M01	VA	7.5	NK1	6	NK2	5.75	01	1	22
70	63000741	H Nil	17/12/2002	Nữ	M01	VA	7.75	NK1	6.75	NK2	6.75	01	1	24
71	40004469	H-Niu Niê	13/09/2002	Nữ	M09	TO	7.8	NK1	6.75	NK2	6.25	01	1	23.55
72	38000093	Nay H' Noen	26/10/2002	Nữ	M01	VA	7.75	NK1	6.75	NK2	7	01	1	24.25
73	38013057	Hiao H' Nuk	09/08/2002	Nữ	M09	TO	5.8	NK1	6.75	NK2	7	01	1	22.3
74	42001720	Dơng Gur K' Phen	02/03/2002	Nữ	M01	VA	6.75	NK1	7.25	NK2	8	01	1	24.75
75	40010119	Nguyễn Thị Lâm Phương	17/06/2002	Nữ	M01	VA	6.25	NK1	6.75	NK2	7.5		1	21.25
76	42004169	Rơ Yuông Nai Quyên	02/01/2002	Nữ	M01	VA	7.5	NK1	6.75	NK2	6.5	01	1	23.5
77	63005446	Bùi Thị Diễm Quỳnh	01/01/2002	Nữ	M01	VA	7	NK1	7.13	NK2	7.75		1	22.63
78	40012190	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	25/03/2002	Nữ	M09	TO	6.8	NK1	7.6	NK2	6.25		1	21.4
79	40012194	Trương Thị Ngọc Quỳnh	02/02/2002	Nữ	M01	VA	6	NK1	7.13	NK2	6.75		1	20.63
80	40003307	H - Ria Ksơr	20/08/2001	Nữ	M09	TO	5.8	NK1	6.5	NK2	6.75	01	1	21.8
81	40006911	H Sa Lin Niê	07/04/2002	Nữ	M09	TO	5.4	NK1	6.5	NK2	7	01	1	21.65

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
82	63001027	H' Sài	02/04/2002	Nữ	M01	VA	6.25	NK1	7	NK2	7.5	01	1	23.5
83	38005879	Siu H' Sara	06/07/2002	Nữ	M01	VA	5.75	NK1	7.25	NK2	6.5	01	1	22.25
84	38009852	Nay H' Sen	21/11/2002	Nữ	M09	TO	5.4	NK1	7.1	NK2	6.5	01	1	21.75
85	40001500	H Sra Dăk Căt	15/09/1999	Nữ	M01	VA	6.5	NK1	6.75	NK2	8	01	1	24
86	38003411	Puih H' Sư	16/05/2002	Nữ	M01	VA	6.5	NK1	6.5	NK2	7.25	01	1	23
87	40005509	H Than	25/03/2000	Nữ	M01	VA	5.75	NK1	7.25	NK2	8.25	01	1	24
88	40016569	Hoàng Thị Thanh	02/10/2001	Nữ	M09	TO	8	NK1	8.38	NK2	7.5		2NT	24.38
89	63002638	Phạm Thị Thanh	01/12/2002	Nữ	M09	TO	8.4	NK1	6.75	NK2	7.5		1	23.4
90	63005521	Nguyễn Thị Dạ Thảo	09/06/2002	Nữ	M01	VA	7.5	NK1	7	NK2	7.75		1	23
91	40009810	Trần Thị Thanh Thảo	09/12/2001	Nữ	M01	VA	6.5	NK1	7.98	NK2	7		1	22.23
92	40004156	H' Thảo Mlô	26/05/2002	Nữ	M01	VA	7.5	NK1	6.5	NK2	6.25	01	1	23
93	42005676	Lơ Mu K' Thoa	15/03/2002	Nữ	M01	VA	8	NK1	8	NK2	6.25	01	1	25
94	38006497	Nay H' Thoa	30/08/2001	Nữ	M01	VA	5.25	NK1	6.5	NK2	6.5	01	1	21
95	40016592	Y Thoih	22/02/2001	Nữ	M09	TO	7.6	NK1	7.75	NK2	7.25	01	1	25.35
96	40017003	H' Thơ Mlô	26/01/2002	Nữ	M01	VA	7.75	NK1	7.5	NK2	8.5	01	1	26.5
97	40011758	Nguyễn Thị Ánh Thơm	27/09/2002	Nữ	M09	TO	7.8	NK1	7.75	NK2	6.25		1	22.55
98	38009141	Nguyễn Thị Phương Thúy	11/02/2002	Nữ	M09	TO	6.6	NK1	7.13	NK2	6		1	20.48
99	40017992	Phạm Thị Diệu Thư	06/10/2002	Nữ	M09	TO	7.6	NK1	8	NK2	6.5		1	22.85
100	40017087	Phan Thị Minh Thương	10/04/2002	Nữ	M01	VA	6.75	NK1	7.5	NK2	6.5		1	21.5
101	38004755	Rơ Châm Thương	26/10/2002	Nữ	M01	VA	8.25	NK1	7	NK2	7.5	01	1	25.5
102	40010274	H Tín Adrơng	03/04/2002	Nữ	M01	VA	6.75	NK1	6	NK2	6	01	1	21.5
103	38004769	Rơmah Tôm	24/06/2001	Nữ	M01	VA	7	NK1	7	NK2	7.75	01	1	24.5
104	40002234	Nguyễn Thị Hoài Trang	04/02/2002	Nữ	M01	VA	7.25	NK1	6	NK2	7.63		1	21.63
105	63002202	Phạm Thị Huyền Trang	11/01/2002	Nữ	M01	VA	6.5	NK1	7	NK2	6.25		1	20.5
106	38002511	Puih H' Trang	17/03/2002	Nữ	M01	VA	7.25	NK1	6.25	NK2	8.5	01	1	24.75
107	38002989	Trần Thị Quỳnh Trang	12/01/2002	Nữ	M09	TO	7.6	NK1	6.75	NK2	8.38		1	23.48
108	38005942	Nguyễn Thị Thùy Trâm	10/12/2002	Nữ	M01	VA	8.25	NK1	8.25	NK2	9		1	26.25
109	40013177	Nguyễn Thị Trâm	08/03/2002	Nữ	M09	TO	6.6	NK1	7.5	NK2	9		1	23.85
110	40019166	Nguyễn Đắc Thùy Trinh	25/06/2002	Nữ	M09	TO	7.6	NK1	6.5	NK2	8.38		1	23.23

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
111	40006349	Trịnh Thị Mai Trinh	29/06/2002	Nữ	M01	VA	7	NK1	6.25	NK2	6.13		1	20.13
112	63004369	Nguyễn Thị Thanh Trúc	01/03/2002	Nữ	M09	TO	6	NK1	6.5	NK2	8.75		1	22
113	40004744	H' Truyền Mlô	17/03/2002	Nữ	M01	VA	5.25	NK1	6.25	NK2	7	01	1	21.25
114	40008050	H Tuyêt Mlô	07/08/2001	Nữ	M01	VA	6	NK1	6.25	NK2	6.5	01	1	21.5
115	38006282	Nay H' Tuyết	18/10/2002	Nữ	M01	VA	6.5	NK1	6.5	NK2	8.8	01	1	24.55
116	38000131	Ksor H' Uyên	07/02/2002	Nữ	M09	TO	6.8	NK1	5.5	NK2	8.13	01	1	23.18
117	63000886	Ngô Thị Thảo Uyên	10/08/2002	Nữ	M01	VA	6.75	NK1	7.35	NK2	8.38		1	23.23
118	40009854	Phạm Nữ Phương Uyên	03/11/2001	Nữ	M09	TO	6.6	NK1	7.25	NK2	7.63		1	22.23
119	40001623	Phạm Thị Diễm Uyên	29/01/2001	Nữ	M01	VA	6	NK1	7	NK2	9.25		1	23
120	38006526	Nay H' Vân	02/08/2002	Nữ	M01	VA	7	NK1	5.5	NK2	9	01	1	24.25
121	38009932	Nay H' Vân	23/02/2002	Nữ	M01	VA	6	NK1	6.5	NK2	9.13	01	1	24.38
122	63004931	Nguyễn Phan Thúy Vân	22/08/2002	Nữ	M09	TO	8.4	NK1	6.5	NK2	8.63		1	24.28
123	38013241	Siu H' Viên	01/11/2002	Nữ	M01	VA	5.75	NK1	5.75	NK2	8.75	01	1	23
124	40007559	H Xa Bin Niê	21/07/2002	Nữ	M09	TO	7.4	NK1	6.5	NK2	7.25	01	1	23.9
125	63002270	Nguyễn Thị Ý	10/10/2002	Nữ	M09	TO	7.2	NK1	6.75	NK2	6.75		1	21.45
126	38000139	Ksor H' Yến	25/06/2002	Nữ	M01	VA	7.5	NK1	6.25	NK2	7.5	01	1	24
127	40019415	Nguyễn Hoàng Đình Yến	11/04/2002	Nữ	M01	VA	6.25	NK1	7	NK2	8.13		1	22.13
128	38009960	R' Ô H' Yuên	25/08/2002	Nữ	M01	VA	6.25	NK1	6.75	NK2	7	01	1	22.75
**** 7140202 - Giáo dục Tiểu học***														
1	40010392	Phan Hồng Anh	02/08/2002	Nam	C00	VA	6.25	SU	8	DI	8.5		1	23.5
2	40014239	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/01/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	8	DI	9.25		1	24.5
3	40014252	Vũ Thị Nguyệt Ánh	23/07/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	7.25	DI	8.25		1	23.75
4	40014254	H' Asơka Mlô	17/01/2002	Nữ	C00	VA	8.75	SU	4.5	DI	7.25	01	1	23.25
5	40014277	H' Bách Niê	27/12/2002	Nữ	C03	TO	7.6	VA	7	SU	4.75	01	1	22.1
6	38005994	Nay H' Ban	16/06/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	7.5	DI	7.5	01	1	25
7	38003589	Kpă H' Bay	28/12/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	7.5	HO	5.75	01	1	23.6
8	38009239	Blĕm	02/06/2002	Nữ	A00	TO	6.6	LI	6.25	HO	6.25	01	1	21.85
9	38004042	Nay H' Blui	01/01/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	5.25	DI	7.75	01	1	23.5
10	40009503	Thái Văn Châu	24/01/2002	Nam	C00	VA	6.75	SU	7.5	DI	8.75		1	23.75

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
11	38006335	Ksor H' Chiêu	25/09/2002	Nữ	C00	VA	6.75	SU	7.5	DI	7.25	01	1	24.25
12	40002404	Ksơr-H' Chưa	29/03/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	6.25	DI	8		1	22.25
13	40004921	Trần Thị Hải Diễm	10/05/2001	Nữ	C00	VA	7.75	SU	7.5	DI	6.5		1	22.5
14	42001396	Ká Diệu	15/01/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	5.75	DI	8	01	1	23.75
15	40014545	H Djung Niê	15/05/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	5.25	DI	7.5	01	1	23
16	40006531	Lò Thị Dua	26/03/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	7.25	DI	9	01	1	26
17	38010856	Duy	19/08/2001	Nữ	C00	VA	6.25	SU	6	DI	7.75	01	1	22.75
18	40009559	Vũ Thị Thùy Duyên	27/05/1998	Nữ	A00	TO	8.2	LI	6.75	HO	8.5		1	24.2
19	40004980	Trần Thị Khánh Dương	22/05/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	5.25	DI	8.5		1	21.5
20	42007195	K' Đào	15/11/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	4	DI	7.5	01	1	21.75
21	63005769	Ma Thị Đẹp	23/01/2002	Nữ	C03	TO	6	VA	6.75	SU	6.25	01	1	21.75
22	42005381	Klong K' Đim	17/10/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	5.25	DI	6.75	01	1	21.75
23	38008271	Siu Đôi	05/02/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	5.75	DI	7.75	01	1	24
24	40015096	H' Yem Êban	01/09/2002	Nữ	C00	VA	8.25	SU	4.75	DI	7	01	1	22.75
25	42003536	K' Han	14/03/2002	Nữ	C00	VA	6.75	SU	5.5	DI	6.5	01	1	21.5
26	40001237	Luân Thị Hạnh	26/12/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	7.25	DI	7.25	01	1	25
27	42001468	Ka Hảo	08/12/2002	Nữ	C00	VA	8.25	SU	8.5	DI	8.5	01	1	28
28	40005104	H Hap Kbuôr	10/09/2002	Nữ	C00	VA	6.25	SU	5.25	DI	7.25	01	1	21.5
29	40015182	Nguyễn Thị Hằng	01/01/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	7.5	DI	8.25		1	24.25
30	40001823	Hoàng Thị Thanh Hiền	08/03/2002	Nữ	C00	VA	8.5	SU	8.75	DI	8.25		1	26.25
31	38005308	Ngô Thị Lệ Hiếu	16/04/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	8.25	DI	8		1	24
32	63000328	Thị Hoa	29/12/2000	Nữ	C00	VA	7	SU	6.25	DI	6.75	01	1	22.75
33	40012918	Nguyễn Quang Hoàng	04/01/2002	Nam	C00	VA	7.25	SU	9.25	DI	9.5		1	26.75
34	42008722	Ka Hos	09/06/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	6.75	DI	8.5	01	1	25.25
35	40001265	Y Hồ Bkrông	12/05/2000	Nam	C00	VA	7	SU	8.5	DI	7.25	01	1	25.5
36	38010900	Ksor H' Hông	13/08/2000	Nữ	C00	VA	8.25	SU	4.5	DI	6.75	01	1	22.25
37	40002620	H' Hồng Ñĩ Niê	03/02/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	5.75	DI	7.75	01	1	23.5
38	40001863	Đoàn Thị Huê	10/01/2002	Nữ	C00	VA	9	SU	9.5	DI	8.25		1	27.5
39	38010905	Huơr	00/00/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	7.25	DI	8	01	1	24

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
40	38012163	Đinh Thúy Hương	26/09/2002	Nữ	C00	VA	6.75	SU	6.5	DI	7.25	01	1	23.25
41	42012996	Ka Hương	17/12/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	6	DI	6.5	01	1	22.25
42	38000051	Ksor - Hương	28/07/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	6.25	DI	7.25	01	1	23.75
43	38009353	Ksor H'Yăn	22/11/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	5.25	DI	7.75	01	1	22.75
44	40016331	H Sinh - Kêñ	30/11/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	5	DI	7.75	01	1	22
45	40016332	H' Khuêt Kễn	07/12/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	5	DI	6.5	01	1	22
46	38006379	Siu Khơm	17/09/2002	Nam	C00	VA	7	SU	7	DI	7.25	01	1	24
47	40006688	H Kiều Anh Mlô	31/12/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	5	DI	7	01	1	21.75
48	40016450	H' Kluit Knul	01/11/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	6.75	DI	7	01	1	23.75
49	40000193	Lý Thị Ngọc Lan	07/08/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	7.25	DI	7.75	01	1	25
50	40013402	Vi Thị Lan	17/09/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	7.75	DI	8.75	01	1	26.5
51	40013405	H Laplat Niê	17/03/2002	Nữ	C00	VA	6.75	SU	7.25	DI	7.25	01	1	24
52	40003972	H Lara Mlô	19/10/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	5.5	DI	8	01	1	23.25
53	38010935	Đinh Thị Lat	01/09/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	4.5	DI	7	01	1	21.5
54	42013005	Ka Lầm	24/03/2001	Nữ	C00	VA	6.5	SU	5.5	DI	7	01	1	21.75
55	40016775	H' Lệ Kpă	27/03/2000	Nữ	C00	VA	7.25	SU	4.5	DI	7	01	1	21.5
56	38007590	Rơ Châm Lê Na	09/06/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	6.25	DI	7.75	01	1	22.75
57	40016781	Đinh Thị Hạnh Liêm	10/04/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	5.75	DI	6.25	01	1	22.25
58	38006114	Ksor H' Liên	22/08/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	6	DI	7	01	1	23
59	40001330	H Lin Đa Bdap	18/12/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	4.75	DI	7.25	01	1	22.25
60	40014817	Lý Thị Mỹ Linh	08/02/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	8.25	DI	8	01	1	26.5
61	38010941	Ksor H' Lip	06/11/2002	Nữ	C00	VA	8	SU	6.25	DI	8	01	1	25
62	38010127	Ksor Trần Thị Loan	11/04/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	6.25	DI	7.25	01	1	23.75
63	38010945	Ksor Lôi	30/06/2001	Nam	C00	VA	6.25	SU	6.5	DI	7.25	01	1	22.75
64	38010131	Kpă H' Lỡi	22/12/1999	Nữ	C00	VA	6.75	SU	5.5	DI	6.5	01	1	21.5
65	38012972	Ksor H' Lơn	06/11/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	5	DI	7.5	01	1	22.75
66	42003058	Krã Jãn Luynh	04/04/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	6	DI	8	01	1	23.25
67	38006778	Hoàng Thị Lương	20/03/2001	Nữ	C00	VA	7.25	SU	5	DI	7.5	01	1	22.5
68	63005285	Nguyễn Thị Lưu	09/12/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	8.5	HO	8	01	1	27.45

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
69	63000637	Huỳnh Thị Trúc Ly	15/01/2002	Nữ	C03	TO	7.8	VA	7	SU	6		1	21.55
70	38000071	Ksor H' Mai	02/08/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	7.5	DI	7.75	01	1	24.5
71	40004046	Đinh Thị Ngọc May	04/02/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	7.25	DI	8.25	01	1	25.75
72	40001361	H Mêri Êung	12/03/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	6.5	DI	6.25	01	1	22.5
73	40009156	Y Yê Rê Mi Knul	24/04/2002	Nam	C00	VA	7	SU	6.25	DI	6.5	01	1	22.5
74	38006132	Rmah H' Muôn	20/08/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	7.75	DI	8.75	01	1	27
75	40017370	H' Nara Knul	21/04/2002	Nữ	C03	TO	6.8	VA	7	SU	6.25	01	1	22.8
76	42005534	Lơ Mu Nay Sa	04/06/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	6.75	DI	8.25	01	1	25.25
77	40017387	H Ngan Niê	01/08/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	6.5	DI	6.75	01	1	23.5
78	40001384	H Ngát Kuan	10/04/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	5	DI	7.75	01	1	22.5
79	40003132	Phạm Cao Nguyên	26/11/2002	Nam	C00	VA	6.25	SU	8	DI	7.5		1	22.5
80	38005436	Lường Thị Nguyệt	24/04/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	6.25	DI	7.5		1	22
81	40003160	Đỗ Hoàng Linh Nhi	04/05/2002	Nữ	C00	VA	6.75	SU	6.5	DI	7.75	01	1	23.75
82	40004428	Nguyễn Thị Thu Nhi	12/11/2002	Nữ	C00	VA	5.75	SU	7.75	DI	7.75		1	22
83	38000090	Rơ Mah Nhiên	11/07/2001	Nữ	C00	VA	7.5	SU	7.5	DI	7.75	01	1	25.5
84	40001425	H' Nho Êñuôl	29/09/2000	Nữ	C00	VA	7	SU	6.5	DI	8	01	1	24.25
85	40017824	Trần Thị Hồng Nhung	28/02/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	6	DI	7.75		1	22.25
86	40009249	Trần Thị Hồng Nhung	07/05/2002	Nữ	C03	TO	8.8	VA	6.75	SU	5.25		1	21.55
87	40010077	Trương Thị Nhung	28/01/2002	Nữ	C00	VA	5.75	SU	5.75	DI	8	01	1	22.25
88	40017828	H' Nhung Niê	12/10/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	6.5	DI	6.5	01	1	23.5
89	40017830	H' Như H'Mõk	06/03/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	6.75	DI	6.75	01	1	23.25
90	40004462	La Thị Quỳnh Như	11/04/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	7	DI	7.75	01	1	24
91	38003862	Ksor H' Nuynh	19/07/2002	Nữ	A00	TO	6.6	LI	6.75	HO	7	01	1	23.1
92	30011905	Trần Thị Kiều Oanh	12/02/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	6.75	DI	8.75		2NT	23.75
93	63004263	H Ñon Byă	12/05/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	6.25	DI	7.25	01	1	23.25
94	42006833	Hồ Thị Kim Phụng	18/07/2002	Nữ	C03	TO	8.6	VA	8	SU	6.25		1	23.6
95	40004080	Hoàng Thị Minh Phương	29/03/2001	Nữ	C00	VA	8.5	SU	8.25	DI	7.25	01	1	26.75
96	40000908	Lê Thị Phượng	16/11/2002	Nữ	C03	TO	7.4	VA	7.75	SU	6.75		1	22.65
97	40018795	Trần Thục Quyên	15/07/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	7	DI	6.75		1	22

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
98	40006905	Phan Thủy Như Quỳnh	12/02/2002	Nữ	C03	TO	7	VA	8	SU	7.25		1	23
99	40018885	H' Ram Ktla	23/04/2002	Nữ	C00	VA	8.75	SU	7.5	DI	8	01	1	27
100	40008902	H' Sa Knul	05/03/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	5.5	DI	7.75	01	1	22.5
101	38011028	Ksor Ly Sa	17/07/2002	Nữ	C00	VA	8.75	SU	7	DI	7.5	01	1	26
102	38011031	Ksor H' Samuen	27/05/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	7.5	DI	8	01	1	25.5
103	38003914	Ksor Sang	27/06/2001	Nam	C00	VA	6.25	SU	6	DI	7	01	1	22
104	40003320	Nay H Sine	02/09/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	6.5	DI	7.75	01	1	23.5
105	42013087	Điểu K Sinh	22/09/2002	Nam	C00	VA	6.75	SU	5.5	DI	7	01	1	22
106	40002141	H Sơla Ksơr	28/09/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	8	DI	6.25	01	1	24.5
107	40004104	Nguyễn Đình Sơn	15/02/2002	Nam	C00	VA	6	SU	7.25	DI	8.25		1	22.25
108	42003108	Krăi Jăn Ta Bi Tha	01/02/2002	Nữ	C00	VA	8	SU	7.25	DI	6.75	01	1	24.75
109	40003360	Siu H' Thao	30/04/2000	Nữ	C00	VA	6.5	SU	9	DI	7.5	01	1	25.75
110	40003365	Dương Thị Thu Thảo	21/08/2002	Nữ	C00	VA	5.5	SU	5.75	DI	7.5	01	1	21.5
111	40005532	H Thảo Ktla	02/04/2002	Nữ	C00	VA	8.25	SU	7	DI	7.75	01	1	25.75
112	40004143	Hà Thị Thảo	10/04/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	4.5	DI	7.75	01	1	22
113	40013831	Nguyễn Phương Thảo	31/03/2002	Nữ	C00	VA	8.5	SU	8.25	DI	7.25		1	24.75
114	40012217	Nguyễn Thị Thắm	16/11/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	6.25	HO	7.25		1	21.85
115	38006493	Ksor Thăng	21/12/2001	Nam	C00	VA	6.5	SU	7.75	DI	8.5	01	1	25.5
116	40001530	La Chiến Thắng	20/08/2002	Nam	C00	VA	8	SU	9.25	DI	10	01	1	30
117	42001822	K' Thu	27/03/2001	Nữ	A00	TO	7.8	LI	7.5	HO	7.25	01	1	25.3
118	18007102	Phạm Hồng Thuận	12/07/2002	Nam	C00	VA	7.25	SU	7	DI	7		1	22
119	38006958	Đinh Thị Thúy	25/01/2002	Nữ	C00	VA	6.25	SU	7	DI	7.75	01	1	23.75
120	40017058	Nguyễn Lê Anh Thư	09/07/2002	Nữ	C03	TO	8	VA	6.25	SU	6.5		1	21.5
121	29016548	Hồ Hữu Tình	22/11/2002	Nam	C00	VA	7.5	SU	8	DI	7.75		2NT	23.75
122	63004347	Thái Thị Thanh Tình	22/10/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	6.25	DI	7.5		1	21.75
123	42013123	Ka Ru Tơ	20/08/2001	Nữ	C00	VA	7.5	SU	6	DI	5.25	01	1	21.5
124	40002676	Phan Thị Quỳnh Trang	12/12/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	9.25	DI	8		1	24.5
125	63001705	Trần Thùy Trang	12/11/2002	Nữ	C03	TO	7.8	VA	6.5	SU	6.5		1	21.55
126	40010296	Võ Thị Thùy Trang	15/04/2002	Nữ	C03	TO	8.6	VA	6.25	SU	6.25		1	21.85

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
127	40002243	H Trâm Ksơr	07/01/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	6	DI	7.25	01	1	23.25
128	38013208	Mã Siu Thị Trinh	08/09/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	4.75	DI	7.5	01	1	22
129	38007682	Rơ Châm Trinh	02/09/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	5.25	DI	7	01	1	22
130	38006260	Huỳnh Thanh Trúc	12/08/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	8	HO	8.25		1	25.2
131	40006375	H Truk Ksơr	12/05/2002	Nữ	C00	VA	5.5	SU	6.75	DI	6.5	01	1	21.5
132	40002767	H - Tuyết - Mlô	08/12/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	6.25	DI	7.25	01	1	22.25
133	42005762	K' Uân	09/04/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	6.25	DI	5.5	01	1	22
134	63000882	H' Uyên	15/05/2002	Nữ	C00	VA	5.75	SU	5.75	DI	7.25	01	1	21.5
135	40002781	H' Uyên Adrơng	01/11/2001	Nữ	C03	TO	8	VA	6.75	SU	6.5	01	1	24
136	40009859	H'- Ưm - Knul	05/07/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	8.25	DI	8.25	01	1	26.5
137	38009931	Nay H' Ước	13/12/2002	Nữ	C00	VA	6.75	SU	5.5	DI	6.75	01	1	21.75
138	40009860	H- Ưu-Adrơng	12/05/2002	Nữ	C00	VA	7.33	SU	7.75	DI	8	01	1	25.83
139	40013291	Mông Thị Vân	29/01/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	5.75	DI	8.75	01	1	23.75
140	63000909	Thị Lê Vi	01/03/2002	Nữ	C00	VA	6.25	SU	5.5	DI	7	01	1	21.5
141	40013304	Bùi Thị Vĩ	06/01/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	9	DI	9.25		1	26.75
142	42001926	Kon Sa K' Vôs	20/09/2002	Nữ	C00	VA	6.25	SU	5.75	DI	7.25	01	1	22
143	40002300	H Vương Mlô	17/07/2000	Nữ	C00	VA	6	SU	6.75	DI	6.75	01	1	22.25
144	42001933	Bon Yô Thiên Vy	20/01/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	6.5	DI	7.5	01	1	24
145	40018700	H' Wui Mlô	07/07/2002	Nữ	C00	VA	6.25	SU	7.75	DI	8.25	01	1	25
146	40011862	H Yan Byă	07/06/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	6.25	DI	6.5	01	1	21.5
147	38009593	Yem	06/03/2001	Nữ	C00	VA	8	SU	5.25	DI	6.75	01	1	22.75
148	40003500	Nay H' Yeng	01/01/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	6	DI	6.75	01	1	22
149	63005709	Phan Thị Yến	29/05/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	7.25	HO	8.5		1	24.7
150	38013262	Rơ Ô H' Yuên	15/05/2002	Nữ	C00	VA	6.75	SU	4.5	DI	7.5	01	1	21.5
**** 7140202JR - Giáo dục Tiểu học Tiếng Jrai***														
1	38003076	Rmăh H' Ayưm	19/03/2001	Nữ	C00	VA	7.25	SU	5.25	DI	5.75	01	1	21
2	38009983	Kpă H' Bet	26/07/2001	Nữ	C00	VA	6.5	SU	4.25	DI	6.5	01	1	20
3	38005637	Rơ Châm Chen	16/03/2002	Nữ	C00	VA	5	SU	6	DI	6.75	01	1	20.5
4	38010833	Đinh Choai	08/09/2000	Nam	C00	VA	6	SU	6.5	DI	7.5	01	1	22.75

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
5	38010862	Ksor H' Duyêt	12/03/2002	Nữ	A00	TO	6.4	LI	3.25	HO	6.5	01	1	18.9
6	38010044	Nay H' Hen	17/04/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	4.5	DI	7	01	1	21.5
7	38007565	Rơ Châm H'Huyền	06/10/2000	Nữ	C00	VA	7.5	SU	5	DI	8.25	01	1	23.5
8	38005713	Kpuih Hiền	24/12/2000	Nữ	C00	VA	6.5	SU	4.25	DI	5.5	01	1	19
9	40002924	Hứa Thị Hường	18/11/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	6.5	DI	7.25	01	1	23.5
10	38003739	Alê H' Jrao	06/07/2001	Nữ	C00	VA	6.25	SU	3.25	DI	7	01	1	19.25
11	40009914	Y- Khôi Niê	23/02/2002	Nam	C00	VA	5.5	SU	4.25	DI	8.25	01	1	20.75
12	38000059	Rơ Mah Kít	04/10/2001	Nam	A00	TO	8.6	LI	7.5	HO	8	01	1	26.85
13	40016941	H - Mri - Byă	05/05/2002	Nữ	C00	VA	6.75	SU	5	DI	7.25	01	1	21.75
14	38005435	Rơ Mah H' Nguyên	10/10/2002	Nữ	C00	VA	8.25	SU	8.5	DI	7.75	01	1	27.25
15	40017711	H' Nguyệt Adrơng	11/12/2001	Nữ	C00	VA	5	SU	3.75	DI	7.5	01	1	19
16	40017790	H' Nhip Niê	20/07/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	7.5	DI	7.75	01	1	25.5
17	38003875	Rơ Ô H' Phinh	07/10/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	4.25	DI	6.25	01	1	20.25
18	40004540	Trần Xuân Quang	07/01/2002	Nam	C00	VA	6.5	SU	6	DI	7.25		1	20.5
19	40018892	H' Rita Êban	11/12/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	5.25	DI	6.25	01	1	20.25
20	38010247	Siu H' Sa	31/08/2001	Nữ	C00	VA	7.75	SU	5.5	DI	5.5	01	1	21.5
21	38011042	Ksor Thái	23/12/2002	Nam	A00	TO	5.8	LI	6	HO	4.5	01	1	19.05
22	40017501	Bùi Kiều Trang	30/06/2002	Nữ	D01	TO	8.4	VA	8.25	N1	4.2		1	21.6
23	40017573	Vũ Trần Minh Trân	24/05/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	5.5	DI	7.5		1	21.25
24	38004196	Ksor H' Truh	20/11/2001	Nữ	D01	TO	5.4	VA	6.75	N1	3.8	01	1	18.7
25	38000135	R'Cõm - H' Xiêm	07/02/2002	Nữ	C00	VA	5.75	SU	5.25	DI	6.5	01	1	20.25
26	40016716	Y Kruin Adrơng	16/07/2000	Nam	C00	VA	6.5	SU	3.5	DI	5.75	01	1	18.5
27	38002571	Rah Lan Yêm	23/07/2002	Nữ	C00	VA	4.75	SU	4.25	DI	8.25	01	1	20
**** 7140205 - Giáo dục Chính trị***														
1	40014215	Trịnh Ngọc Châu Anh	20/09/2002	Nữ	C19	VA	6.25	SU	4.5	GD	8.75		1	20.25
2	38006557	Cao Quốc Bảo	17/03/2002	Nam	C00	VA	7.5	SU	5	DI	7		1	20.25
3	40001716	Sầm Quang Chính	05/02/2002	Nam	C00	VA	4.75	SU	6.25	DI	7.75	01	1	21.5
4	40014464	Y - Chuyên Byă	02/11/2002	Nam	C20	VA	6	DI	6	GD	7.5	01	1	22.25
5	40014495	H' Dam Hwing	13/07/2002	Nữ	C19	VA	7	SU	6	GD	9	01	1	24.75

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
6	38010002	Huỳnh Thị Bích Dân	21/08/2002	Nữ	C20	VA	8.25	DI	5.75	GD	8.5		1	23.25
7	63005044	Bùi Trung Dũng	22/07/2001	Nam	C00	VA	5.75	SU	5.5	DI	7.75		1	19.75
8	40014599	Lê Thị Thảo Duyên	18/03/2002	Nữ	C20	VA	4.75	DI	6.25	GD	7.5		1	19.25
9	40014998	Đoàn Ngọc Tấn Đạt	16/01/2002	Nam	C19	VA	5.5	SU	6.75	GD	8.25		1	21.25
10	40015000	Hoàng Bá Đạt	03/09/2002	Nam	C00	VA	5.25	SU	5	DI	7.5		1	18.5
11	40005014	H' Đen-Ni-M Lô	07/03/2001	Nữ	C20	VA	5.75	DI	6	GD	8	01	1	22.5
12	40015093	H' Luyt Êban	18/08/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	4.25	DI	7.25	01	1	21.5
13	30011636	Bùi Ngọc Linh Giang	20/02/2002	Nữ	C20	VA	7.75	DI	6.25	GD	8.5		2NT	23
14	40005066	H Gluên Ayũn	09/01/2002	Nữ	C20	VA	5	DI	4.5	GD	7.5	01	1	19.75
15	63006061	Đặng Đình Hà	08/01/2002	Nam	C00	VA	6.5	SU	6.75	DI	8.5		1	22.5
16	63000265	Trịnh Thị Hạnh	24/09/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	4.5	DI	8.25		1	20.5
17	40015200	H' Hân - Ayũn	23/08/2002	Nữ	C20	VA	6	DI	7.5	GD	9.75	01	1	26
18	40015243	Nguyễn Thị Bích Hiền	19/12/2002	Nữ	C00	VA	6.75	SU	7.25	DI	8		1	22.75
19	63005788	Đỗ Hào Hiệp	15/08/2002	Nam	C20	VA	5	DI	7.75	GD	8		1	21.5
20	40003832	Phan Hữu Hiếu	20/12/2002	Nam	C20	VA	6.25	DI	8.5	GD	9.75		1	25.25
21	40007286	H: Hlun Mlô	16/05/2002	Nữ	C20	VA	5.25	DI	5.75	GD	6.75	01	1	20.5
22	40001259	H Hoa Bhôk	22/12/2002	Nữ	C00	VA	6.25	SU	4.5	DI	6.25	01	1	19.75
23	42012983	Ka Hối	15/02/2001	Nữ	C20	VA	7.25	DI	7.75	GD	9.25	01	1	27
24	38007820	Nguyễn Thị Hồng	16/06/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	8.75	DI	8.5		1	25.5
25	38012882	Nguyễn Thị Hồng	10/09/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	6	DI	7		1	21.5
26	38010903	Hue	28/01/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	3	DI	6.5	01	1	18.75
27	40003887	Cao Minh Huệ	10/01/2002	Nam	C20	VA	5.75	DI	6.5	GD	9		1	22
28	40005269	Phan Thị Huyên	21/07/2002	Nữ	C19	VA	6.75	SU	4.5	GD	6.75	01	1	20.75
29	40007318	Nông Thị Hương	06/04/2001	Nữ	C20	VA	5.5	DI	6.5	GD	8	01	1	22.75
30	40005344	H Khuynh Niê	04/07/2002	Nữ	C20	VA	6.25	DI	5.25	GD	7.75	01	1	22
31	38009733	Siu H' Liêm	26/04/2002	Nữ	C20	VA	7	DI	5	GD	6.25	01	1	21
32	63002485	Phan Thị Ngọc Linh	15/02/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	4.75	DI	7		1	18.5
33	40007349	H- Lơi Ayũn	05/10/2002	Nữ	C20	VA	6.25	DI	7	GD	8.25	01	1	24.25
34	40001961	Nông Thị Lợi	03/09/2002	Nữ	C19	VA	7.25	SU	6	GD	9.5	01	1	25.5

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
35	40006747	Sùng Thị Mà	15/11/2001	Nữ	C20	VA	6.5	DI	8.25	GD	8.75	01	1	26.25
36	63005293	Hồ Văn Mạnh	14/04/2001	Nam	C00	VA	7.25	SU	9	DI	8.5		1	25.5
37	40006771	H' Moi Niê	20/10/2001	Nữ	C00	VA	6.25	SU	4.75	DI	6	01	1	19.75
38	63002525	Phạm Phương Nam	05/05/2002	Nam	C00	VA	6.25	SU	7.5	DI	8.25		1	22.75
39	63005318	Võ Văn Nam	24/06/2002	Nam	C00	VA	6.25	SU	7.5	DI	8.25		1	22.75
40	40001406	H Nguyên Buôn Jrang	01/04/2002	Nữ	C20	VA	5.5	DI	7	GD	8.25	01	1	23.5
41	40006814	Quách Thị Trang Nhã	06/09/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	6.5	DI	6.25	01	1	22.75
42	63005887	Nông Văn Nhất	16/10/2000	Nam	C00	VA	5.5	SU	4.25	DI	7.25	01	1	19.75
43	40004062	H Nhị Kpă	17/03/2000	Nữ	C00	VA	6	SU	5.25	DI	7	01	1	21
44	40002060	H Nhoel Ksơr	23/05/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	4.25	DI	6.25	01	1	20.25
45	40005979	H Pho Ayŭn	04/12/2002	Nữ	C20	VA	5	DI	6.25	GD	8.5	01	1	22.5
46	40017900	Lê Nguyễn Nhật Phong	29/07/2002	Nam	C20	VA	6.25	DI	7.75	GD	8.25		1	23
47	40002103	H Pry Din Niê	05/04/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	5.75	DI	6.5	01	1	22.25
48	40000342	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	07/04/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	7.75	DI	7.5		1	23.25
49	40004088	H' Razer Mlô	20/03/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	3	DI	5.5	01	1	18.75
50	42003443	Rơ Yam Rôsa	27/07/2002	Nữ	C19	VA	7	SU	6.75	GD	9	01	1	25.5
51	40001496	Y Sinh Teh	25/12/2001	Nam	C00	VA	3.5	SU	7.25	DI	7.5	01	1	21
52	40006104	Y Sô Ny Ayŭn	14/11/2002	Nam	C00	VA	4	SU	6	DI	6.25	01	1	19
53	63005928	Bùi Văn Sơn	20/10/2000	Nam	C00	VA	6.25	SU	5.25	DI	7.5	01	1	21.75
54	40010199	Nguyễn Sỹ Phi Hùng Tân	01/10/2002	Nam	C20	VA	7.5	DI	7.5	GD	9.25		1	25
55	40001511	Y Thanh Rơ Lủk	28/06/2000	Nam	C20	VA	6	DI	4.25	GD	7.5	01	1	20.5
56	40002166	Hoàng Ngọc Thành	06/02/2002	Nam	C00	VA	7	SU	5.5	DI	5.75		1	19
57	40003396	H- Theo Niê	28/01/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	3.75	DI	6.5	01	1	19
58	63006190	Trần Quang Thiện	13/02/2002	Nam	C00	VA	6.25	SU	7.5	DI	7.25		1	21.75
59	40001544	H Thoại Lưk	06/03/2002	Nữ	C19	VA	6.75	SU	7.75	GD	8.25	01	1	25.5
60	40006209	H Thu Mlô	21/04/2002	Nữ	C20	VA	5.75	DI	6.5	GD	6.25	01	1	21.25
61	42001825	Dà Cắt K' Thúy	29/08/2002	Nữ	C20	VA	6	DI	5	GD	8.25	01	1	22
62	40001010	Cao Thị Diệu Thư	07/08/2002	Nữ	C19	VA	7.75	SU	6.75	GD	9		1	24.25
63	40010270	Lê Công Tiến	30/04/2002	Nam	C20	VA	7	DI	7.5	GD	8		1	23.25

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
64	40017491	Y- Tối Niê	15/05/2002	Nam	C20	VA	5	DI	8.25	GD	8.75	01	1	24.75
65	40008501	Phan Đoàn Minh Trí	20/10/2002	Nam	C00	VA	5.5	SU	7.25	DI	7		1	20.5
66	40008508	Lương Quang Trình	26/02/2002	Nam	C20	VA	4.75	DI	7	GD	8.25		1	20.75
67	38003997	Nay Trúc	27/10/2002	Nam	C20	VA	6.25	DI	8	GD	9.5	01	1	26.5
68	40000457	Nguyễn Hữu Trung	29/11/2001	Nam	C20	VA	6.25	DI	7.75	GD	9.25		1	24
69	40001589	H Trừ Bdap	06/07/2002	Nữ	C19	VA	6.5	SU	8.25	GD	9.25	01	1	26.75
70	40001618	H Uyên Kbuôr	04/01/2002	Nữ	C20	VA	5	DI	5.5	GD	6	01	1	19.25
71	40001620	H Uyên Uông	09/03/2001	Nữ	C20	VA	6.75	DI	6.75	GD	7.5	01	1	23.75
72	40018631	Nguyễn Quang Vinh	22/05/2002	Nam	C00	VA	5.5	SU	7	DI	6.25		1	19.5
73	38011129	Vũ	19/12/2001	Nam	C00	VA	5.25	SU	5.75	DI	6.25	01	1	20
74	40005608	H Wiêm Ayŭn	17/01/2002	Nữ	C20	VA	6	DI	5.25	GD	8.5	01	1	22.5
75	40001647	Y' Wưng B'Krông	25/01/2001	Nam	C00	VA	5.75	SU	5.5	DI	5.5	01	1	19.5
**** 7140206 - Ngành Giáo dục Thể chất***														
1	40014344	Nguyễn Thanh Bình	23/06/2002	Nam	T01	TO	5.6	NK3	9	NK4	9		1	24.35
2	40014956	Nguyễn Tiến Duy	10/02/2002	Nam	T01	TO	8	NK3	9	NK4	10		1	27.75
3	40014995	Bùi Tuấn Đạt	24/03/2002	Nam	T20	VA	6.25	NK3	9	NK4	9		1	25
4	42003172	Phùng Văn Đông	26/05/2002	Nam	T20	VA	5.75	NK3	10	NK4	10		1	26.5
5	42005388	Lơ Mu Ê Xê Chia	24/09/2002	Nam	T20	VA	7.75	NK3	10	NK4	10	01	1	30.5
6	40001298	Y' Jek - Bdáp	05/07/2000	Nam	T20	VA	5.67	NK3	9	NK4	9	01	1	26.42
7	42003395	Kon Sơ Ha Lợi	23/05/2001	Nam	T20	VA	5.5	NK3	10	NK4	10	01	1	28.25
8	40000899	Đinh Thanh Phương	30/06/2000	Nam	T20	VA	6.5	NK3	9	NK4	10		1	26.25
9	40018610	Nguyễn Tường Vi	01/01/2002	Nam	T01	TO	7	NK3	10	NK4	10		1	27.75
10	40002810	Ksơr Y Việt	01/06/2002	Nam	T20	VA	5	NK3	10	NK4	10	01	1	27.75
**** 7140209 - Sư phạm Toán học***														
1	40014087	Đào Minh Anh	10/08/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	5.75	HO	7.5		1	22.2
2	40009495	Nguyễn Văn Bình	21/05/2002	Nam	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	7.5		1	25.1
3	45001099	Thành Văn Danh	10/05/2002	Nam	A00	TO	7	LI	6.25	HO	6.75	01	1	22.75
4	63005043	Trần Thị Ánh Dung	14/10/2002	Nữ	A00	TO	9	LI	8	HO	7.75		1	25.5
5	40009554	Trần Sỹ Khánh Duy	26/06/2002	Nam	A01	TO	7.8	LI	6.25	N1	5.4		1	20.2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
6	40015537	Nguyễn Vũ Đạt	12/02/2002	Nam	A00	TO	8.8	LI	6.75	HO	7.75		1	24.05
7	63002369	Phạm Thị Thúy Giang	14/01/2002	Nữ	A02	TO	7.2	LI	6.25	SI	6.5		1	20.7
8	40015252	Trần Thị Minh Hiền	15/07/2000	Nữ	B00	TO	7.6	HO	6	SI	5.75		1	20.1
9	40015342	Trần Đăng Hoàng	20/02/2001	Nam	A00	TO	9	LI	6.5	HO	8.25		1	24.5
10	40002917	Lê Đinh Quỳnh Hương	31/05/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	8	HO	7		1	23.95
11	40016338	Trần Võ Sĩ Khải	20/11/2002	Nam	A00	TO	8	LI	6.25	HO	8		1	23
12	40002997	Nguyễn Thị Phương Linh	01/09/2002	Nữ	A00	TO	8.6	LI	7.25	HO	7.5		1	24.1
13	40013035	Lưu Xuân Long	01/01/2001	Nam	A00	TO	8.6	LI	8.25	HO	8.5		1	26.1
14	35008583	Nguyễn Thị Diễm My	22/09/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	6	SI	5.25		2NT	19.15
15	40010012	Phạm Thoại Mỹ	05/06/2002	Nữ	A00	TO	7.8	LI	6.75	HO	5.5		1	20.8
16	40004058	H Nghâm Mlô	24/09/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	8	HO	7	01	1	25.35
17	40018175	Bùi Duy Nguyên	15/05/2002	Nam	A00	TO	9.2	LI	7.5	HO	8.25		1	25.7
18	40008257	Nguyễn Thị Nguyệt	19/02/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	5.75	HO	6.5		1	21.2
19	40011977	Lê Đức Nhật	22/07/2002	Nam	A00	TO	7.6	LI	7.25	HO	7		1	22.6
20	40018276	Dương Thị Hồng Nhung	14/01/2002	Nữ	A00	TO	7.4	LI	6.25	HO	7		1	21.4
21	38008726	Phạm Văn Quân	22/08/2002	Nam	A02	TO	8	LI	7.5	SI	5.5		1	21.75
22	42012525	Võ Văn Quí	19/09/2002	Nam	A00	TO	8	LI	6.5	HO	6.5		1	21.75
23	40018981	Mai Thị Tài	25/02/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	7.25		1	23.95
24	38013146	Phạm Thị Thêm	12/04/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	7.5	SI	7.5		1	24.55
25	38011075	Hoàng Thị Thương	15/09/2001	Nữ	A00	TO	8	LI	6.5	HO	5.5	01	1	22.75
26	40018074	Nguyễn Hồng Trang	10/05/2002	Nữ	A00	TO	7.2	LI	6.5	HO	7		1	21.45
27	40018086	Nguyễn Thu Trang	19/11/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8		1	25.85
28	40010301	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	27/11/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	5.75	HO	6.25		1	20.95
29	01066450	Nguyễn Đức Trọng	11/04/2002	Nam	A00	TO	9	LI	7.25	HO	8		2	24.5
30	38011105	Nay Tuế	30/04/2002	Nam	B00	TO	8	HO	8.5	SI	6.25	01	1	25.5
31	40006434	Đỗ Thị Vân	27/09/2002	Nữ	A00	TO	8.8	LI	7.25	HO	8.5		1	25.3
32	40007543	Trần Thị Thảo Vi	13/05/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	5.5	HO	4.75		1	18.6
33	63003989	Nguyễn Nữ Thảo Vy	07/11/2002	Nữ	A01	TO	8.8	LI	8	N1	7.4		1	24.95
34	40015497	Phạm Hoàng Hải Yến	11/01/2002	Nữ	A00	TO	9	LI	7.25	HO	7.25		1	24.25

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
**** 7140211 - Sư phạm Vật lí***														
1	40017232	Trần Văn Lợi	07/11/2002	Nam	A01	TO	9	LI	7.5	N1	8		1	25.25
2	40019047	Hà Huy Thạch	01/01/2002	Nam	A00	TO	8.8	LI	8.25	HO	8		1	25.8
3	63002776	Nguyễn Thị Mai Uyên	03/08/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	7.25	HO	6.5		1	22.1
**** 7140212 - Sư phạm Hóa học***														
1	40012549	Phạm Nguyễn Căn	21/08/2002	Nam	D07	TO	6.2	HO	7.25	N1	4.6		1	18.8
2	40001831	H Hiêng Mlô	30/11/2002	Nữ	A00	TO	7.4	LI	7.5	HO	8	01	1	25.65
3	40015700	Phạm Ngọc Hiếu	21/01/2002	Nữ	D07	TO	7.2	HO	7.5	N1	7		1	22.45
4	40016265	Trần Khánh Huyền	03/01/2002	Nữ	A00	TO	6.8	LI	4.5	HO	7		1	19.05
5	42012180	Lữ Khánh Linh	06/09/2002	Nữ	B00	TO	5.8	HO	4.5	SI	7.75		1	18.8
6	40017638	Lê Nguyễn Hoàng Ngân	22/09/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	6.5	HO	8.25		1	23.7
7	63003650	Nguyễn Hồng Nhung	18/06/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	6.25	HO	8.25		1	22.85
8	40017956	Lê Thị Thanh Thuận	03/05/2002	Nữ	D07	TO	6.4	HO	6.25	N1	5.8		1	19.2
9	40019185	Nguyễn Văn Trọng	08/03/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8	SI	6.5		1	24.25
10	63000883	Lê Thị Ngọc Uyên	29/09/2001	Nữ	B00	TO	5.6	HO	7.75	SI	5.5		1	19.6
**** 7140213 - Sư phạm Sinh học***														
1	47005068	K Thị Hậu	25/05/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	5.75	SI	7	01	1	22.9
**** 7140217 - Sư phạm Ngữ văn***														
1	40009492	H- Bê Êñuôl	27/03/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	6.5	DI	8	01	1	23.75
2	34014491	Đinh Thị Châu	07/04/2002	Nữ	C20	VA	5.25	DI	6	GD	7	01	1	21
3	63000074	Bùi Thị Kim Chi	03/12/2002	Nữ	C20	VA	6.75	DI	7	GD	7		1	21.5
4	40001195	Lê Thị Mộng Duyên	09/04/2002	Nữ	C20	VA	5	DI	6.75	GD	8.75		1	21.25
5	40014608	Trần Thị Mỹ Duyên	07/11/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	4.25	DI	7		1	18.5
6	40009584	Lã Xuân Định	05/05/1999	Nam	C00	VA	4.5	SU	7.25	DI	8.75		1	21.25
7	40015070	H Đũm Niê	16/03/2002	Nữ	C20	VA	6	DI	6.25	GD	7.75	01	1	22.75
8	42003174	Đỗ Minh Đức	01/02/2002	Nam	C00	VA	8	SU	9.5	DI	7.25		1	25.5
9	63004529	Hoàng Mạnh Đức	23/09/2002	Nam	C00	VA	5.25	SU	4.75	DI	6	01	1	18.75
10	38009647	Ngô Hồng Đức	20/12/2002	Nam	C20	VA	6.5	DI	6.75	GD	8		1	22

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
11	40009600	Phạm Minh Giang	07/11/2002	Nữ	C20	VA	5.25	DI	7.75	GD	8.5		1	22.25
12	40015152	Thiều Thị Ngọc Hà	19/08/2002	Nữ	C00	VA	8	SU	5	DI	6.5		1	20.25
13	40009634	Đỗ Hồng Gia Hân	25/07/2001	Nữ	C20	VA	7	DI	8	GD	8		1	23.75
14	42005057	K' Hậu	26/04/2002	Nữ	C20	VA	5.75	DI	7	GD	8.25	01	1	23.75
15	38003690	Kpă H' Hiêm	17/12/2002	Nữ	C00	VA	8.5	SU	7.25	DI	8	01	1	26.5
16	40008755	Lê Thị Diệu Hiền	11/09/2002	Nữ	C19	VA	6	SU	4.75	GD	8		1	19.5
17	38012116	Hoàng Thị Hoa	25/11/2001	Nữ	C00	VA	6.25	SU	4.75	DI	7.25	01	1	21
18	40016301	Nguyễn Thụy Quỳnh Hương	22/10/2002	Nữ	C20	VA	7	DI	7.75	GD	9		1	24.5
19	40016307	Tô Trần Thanh Hương	08/02/2002	Nữ	C20	VA	7.25	DI	6.5	GD	8.75		1	23.25
20	40005303	Y Inh Ayũn	09/09/2002	Nam	C00	VA	4.25	SU	7	DI	7.25	01	1	21.25
21	40005341	H Khóc Ayũn	24/07/2002	Nữ	C20	VA	6.75	DI	4.75	GD	7.25	01	1	21.5
22	38000061	Lem	20/07/2001	Nữ	C20	VA	8.25	DI	6	GD	9.75	01	1	26.75
23	42003386	Rơ Ông K' Da Len	22/02/2002	Nữ	C00	VA	8	SU	6.5	DI	8.75	01	1	26
24	63004185	Trần Thị Liễu	26/12/2002	Nữ	C20	VA	6.5	DI	7.75	GD	7.75		1	22.75
25	40016802	Lê Diệp Linh	10/10/2002	Nữ	C00	VA	6.75	SU	5.25	DI	7.25		1	20
26	63006119	Trần Thị Thùy Linh	30/04/2002	Nữ	C20	VA	5.5	DI	8	GD	6.5		1	20.75
27	40009961	H- Loet Êban	06/05/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	4	DI	7.5	01	1	21.25
28	40016887	Nguyễn Thị Trúc Ly	19/01/2002	Nữ	C20	VA	4.75	DI	6	GD	7.25		1	18.75
29	40002015	Lê Thị Năm	21/03/2002	Nữ	C00	VA	7.75	SU	4.5	DI	7.25		1	20.25
30	40001378	H Nem Ndu	06/12/2000	Nữ	C20	VA	6.75	DI	6.5	GD	8	01	1	24
31	63005877	H' Nghẹt	11/12/2002	Nữ	C19	VA	6.25	SU	7.25	GD	8	01	1	24.25
32	40017662	H Nghiêp Buôn Yă	16/03/2002	Nữ	C20	VA	5.75	DI	6.25	GD	8.5	01	1	23.25
33	40017670	Huỳnh Anh Hoàn Ngọc	12/09/2002	Nữ	C20	VA	7.5	DI	7	GD	9.25		1	24.5
34	40013601	Trịnh Thị Hồng Ngọc	15/01/2002	Nữ	C20	VA	4.25	DI	8	GD	8.5		1	21.5
35	40001417	H Nhel Bhôk	16/03/2002	Nữ	C19	VA	5.5	SU	7.75	GD	8.5	01	1	24.5
36	40000286	Lương Yến Nhi	09/03/2002	Nữ	C00	VA	8	SU	6	DI	8.5		1	23.25
37	42013047	Điểu Thị Nhì	11/10/2000	Nữ	C19	VA	7.5	SU	4.5	GD	6.5	01	1	21.25
38	40005943	Vũ Hồng Nhung	19/06/2002	Nữ	C20	VA	7.25	DI	6.25	GD	7		1	21.25
39	63002066	Vũ Thị Quỳnh Như	08/01/2002	Nữ	C20	VA	5.75	DI	6.5	GD	6.5		1	19.5

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
40	40005957	H' Nisan Niê	06/05/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	4	DI	5.75	01	1	19.75
41	40017856	H' Nuên Êban	12/02/2002	Nữ	C20	VA	4.75	DI	7	GD	7.5	01	1	22
42	38006455	Ksor H' Nuin	09/11/2002	Nữ	C19	VA	6.75	SU	6.75	GD	7.25	01	1	23.5
43	38012404	Hoàng Thị Pè	30/01/2000	Nữ	C00	VA	6.5	SU	6	DI	6.75	01	1	22
44	40017898	Trần Thái Phi	19/12/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	5.75	DI	7.25		1	20.25
45	40005993	H Phua Niê	11/09/2002	Nữ	C00	VA	5.5	SU	4	DI	7	01	1	19.25
46	40013728	Lâm Thị Hà Phương	10/09/2002	Nữ	C00	VA	4.25	SU	4	DI	7.5	01	1	18.5
47	40018430	Nguyễn Thị Thu Phương	20/11/2002	Nữ	C19	VA	7.5	SU	7.5	GD	9.25		1	25
48	40001466	Y Quang Lủk	10/07/2002	Nam	C00	VA	6.5	SU	4.5	DI	7	01	1	20.75
49	40018852	Nguyễn Thị Oanh Quỳnh	29/05/2002	Nữ	C20	VA	5.75	DI	5	GD	7.25		1	18.75
50	40001481	Nguyễn Thanh Quỳnh	24/10/2002	Nữ	C20	VA	7.75	DI	7.5	GD	7.5		1	23.5
51	40006083	Võ Diễm Quỳnh	10/11/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	5.5	DI	7.75		1	21
52	40001485	Vũ Thu Quỳnh	13/11/2002	Nữ	C00	VA	6.5	SU	4.75	DI	6.75		1	18.75
53	40004097	H' Sâm Mlô	29/07/2002	Nữ	C00	VA	5.75	SU	5.25	DI	7.25	01	1	21
54	63001032	Thị Sí	08/05/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	6.25	DI	7.25	01	1	22.25
55	38008454	Siu Y Suyn	14/12/2001	Nam	C19	VA	6.75	SU	4	GD	8.25	01	1	21.75
56	40018975	Đào Nguyễn Nhân Tài	05/08/2001	Nam	C00	VA	6.75	SU	5.5	DI	6.5		1	19.5
57	40019019	Nguyễn Nhân Tâm	12/08/2002	Nam	C00	VA	7	SU	7.5	DI	6.75		1	22
58	40019128	Nguyễn Lê Thu Thảo	14/10/2002	Nữ	C00	VA	6.75	SU	7.5	DI	9		1	24
59	40001527	Trần Phương Thảo	12/10/2002	Nữ	C20	VA	8	DI	8.5	GD	9		1	26.25
60	40008035	H Thúy Hà Mlô	14/01/2002	Nữ	C00	VA	5.5	SU	5	DI	6.5	01	1	19.75
61	40006324	Trần Thị Huyền Trang	01/07/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	7.75	DI	8.5		1	24.25
62	40017585	H' Trim Bdap	29/08/2002	Nữ	C00	VA	8.25	SU	6.25	DI	8.5	01	1	25.75
63	63002736	Tống Thị Tuyết Trinh	06/11/2002	Nữ	C20	VA	6.25	DI	6.75	GD	8.5		1	22.25
64	40001585	Nguyễn Thị Thanh Trúc	08/09/2002	Nữ	C20	VA	6.75	DI	5.25	GD	6.75		1	19.5
65	40018528	H Tý Byă	02/03/2002	Nữ	C20	VA	6.5	DI	8.5	GD	9.5	01	1	27.25
66	40018534	Diệp Phi Uyên	21/06/2002	Nữ	C20	VA	7.5	DI	6.5	GD	8.5		1	23.25
67	40001621	Nguyễn Kiều Uyên	27/09/2002	Nữ	C20	VA	6.25	DI	7.25	GD	7.75		1	22
68	42005292	K' Thành Ven	16/09/2002	Nữ	C00	VA	8	SU	5.5	DI	7	01	1	23.25

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
69	40008125	H Wơt Niê	20/07/2001	Nữ	C00	VA	6.5	SU	3.5	DI	5.75	01	1	18.5
70	38006534	Ksor H' Ý	18/06/2001	Nữ	C00	VA	5.25	SU	6.75	DI	6.5	01	1	21.25
71	40001113	Phạm Thị Như Ý	04/03/2001	Nữ	C00	VA	7.25	SU	6.25	DI	6.5		1	20.75
**** 7140231 - Sư phạm Tiếng Anh***														
1	47007911	Nguyễn Ngọc Anh	05/04/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	7.5	N1	5.2		1	20.05
2	40010379	Nguyễn Thị Giang Anh	02/09/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	6.25	N1	5		1	19.4
3	40014172	Nguyễn Thị Vân Anh	29/03/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.75	N1	7.4		1	23.7
4	40014177	Phạm Ngọc Anh	28/09/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	7	N1	7.8		1	23.55
5	40014221	Võ Thị Vân Anh	15/03/2002	Nữ	D66	VA	7.75	N1	5.6	GD	10		1	24.1
6	40001684	Lại Thị Minh Ánh	18/05/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	8.25	N1	5.6		1	22.4
7	40014235	Nguyễn Ngọc Ánh	20/01/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	6.5	N1	9		1	24.85
8	40014334	Phan Thị Ngọc Bích	23/01/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	7	N1	6.8		1	22.55
9	40014385	Nguyễn Minh Châu	09/03/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	8.25	N1	9		1	25.6
10	63004039	Đỗ Thị Quỳnh Chi	12/08/2002	Nữ	D15	VA	7	DI	6.5	N1	5.2		1	19.45
11	40014436	H' Chin Mlô	08/02/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	8	N1	4.4	01	1	21.35
12	38011996	Võ Nguyên Cương	22/10/2001	Nam	D01	TO	7.4	VA	6.5	N1	4.6		1	19.25
13	30014385	Lê Nữ Hoàng Diệp	07/11/2002	Nữ	D66	VA	7.75	N1	5.2	GD	9.25		1	22.95
14	42006321	Lê Thị Mỹ Dung	19/03/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	7	N1	4.2		1	18.75
15	40014925	Y - Dung - Êban	20/01/2002	Nam	D01	TO	7.6	VA	6.25	N1	6.2	01	1	22.8
16	40014597	Đinh Kỳ Duyên	26/08/2002	Nữ	D66	VA	6.75	N1	4.2	GD	8.5	01	1	22.2
17	40015514	Phạm Thị Hồng Đào	26/12/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7	N1	6.4		1	21.55
18	40015027	Trần Tiến Đạt	22/03/2002	Nam	D01	TO	7	VA	7.5	N1	8		1	23.25
19	40014658	H' Duyên Êban	03/01/1998	Nữ	D66	VA	5.5	N1	4	GD	8.25	01	1	20.5
20	40015109	Dương Thùy Hương Giang	19/05/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7	N1	7.2		1	22.75
21	40000622	Nguyễn Xuân Hà Giang	14/09/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	7	N1	5.6		1	19.95
22	40015596	Lê Thu Hà	02/09/2002	Nữ	D01	TO	9	VA	6.75	N1	9		1	25.5
23	40015598	Ngô Thị Ngọc Hà	02/09/2002	Nữ	D01	TO	9	VA	7.5	N1	9.4		1	26.65
24	38008286	Đỗ Thị Thúy Hạnh	05/05/2002	Nữ	D01	TO	9	VA	8.75	N1	7.6		1	26.1
25	38010032	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	02/09/2002	Nữ	D14	VA	8	SU	8.5	N1	5.4		1	22.65

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
26	38010879	Trương Thị Hạnh	22/02/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	7.5	N1	5.8	01	1	22.85
27	38009314	H'Đên	22/02/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	8	N1	4.2	01	1	21.35
28	38002201	Puih H'Liyơ	11/10/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	5.75	N1	3.6	01	1	18.5
29	40007287	Nguyễn Thị Hoa	08/03/2002	Nữ	D15	VA	6.25	DI	8	N1	5.8		1	20.8
30	63000327	Phạm Thị Thanh Hoa	21/08/2002	Nữ	D15	VA	6.5	DI	7.75	N1	6.4		1	21.4
31	63005162	Nguyễn Kim Hoàn	15/10/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	6.5	N1	6.4		1	21.45
32	36001935	Phạm Đình Hùng	20/04/1993	Nam	D14	VA	8	SU	8.25	N1	6.2		1	23.2
33	40015797	Ma Kiên Huy	17/10/2002	Nam	D01	TO	7.6	VA	7	N1	7.8	01	1	25.15
34	40001292	Vũ Thị Hương	07/12/2001	Nữ	D01	TO	7.6	VA	7.75	N1	6		1	22.1
35	40016421	Hồ Duy Khương	09/05/2002	Nam	D01	TO	7.6	VA	6	N1	8		1	22.35
36	40016768	Nguyễn Trần Sơn Lâm	01/04/2002	Nam	D01	TO	7.2	VA	7.75	N1	7		1	22.7
37	40013413	H Liang Niê	17/03/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	6	N1	5.6	01	1	20.55
38	40016788	Châu Khánh Linh	01/03/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	6.75	N1	6.8	01	1	22.9
39	40009947	Nguyễn Thị Lan Linh	13/11/2002	Nữ	D01	TO	8.8	VA	8.25	N1	5.2		1	23
40	40016824	Phạm Thị Diệu Linh	15/07/2002	Nữ	D66	VA	7	N1	6.6	GD	8.75		1	23.1
41	40016871	H' Lusia Êčăm	15/07/2002	Nữ	D14	VA	6.5	SU	9.5	N1	5.8	01	1	24.55
42	40016881	Lê Thị Hương Ly	17/02/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7	N1	6.4		1	21.55
43	40004039	Hồ Thị Sương Mai	25/05/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	8	N1	7		1	23.55
44	40017257	Nguyễn Thị Ngọc Mai	06/09/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	6.75	N1	6.4		1	21.5
45	40008202	H Lueng Mlô	30/07/2001	Nữ	D01	TO	7.4	VA	6.75	N1	5.8	01	1	22.7
46	40004340	Đoàn Thị Kim Mỹ	26/04/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	6.75	N1	5.6		1	21.3
47	40002005	Trần Thị Mỹ	02/01/2002	Nữ	D66	VA	8.75	N1	6.6	GD	9.25		1	25.35
48	40017335	Hà Chung Nam	01/09/2002	Nam	D01	TO	6	VA	4.75	N1	8	01	1	21.5
49	63004233	H Neo Byă	28/11/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	7	N1	5.8	01	1	22.75
50	38006145	Nay H' Ngọc	02/04/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7	N1	7	01	1	24.55
51	40009208	Nguyễn Bảo Ngọc	11/09/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	7.75	N1	7.4		1	23.9
52	39004056	Đinh Thị Bảo Nhi	09/11/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	7.75	N1	7.4		2NT	24.25
53	63002054	Hoàng Thị Ngọc Nhi	10/10/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.25	N1	4.6		1	20.4
54	63001511	Trần Thị Tuyết Nhi	15/01/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	8	N1	5.6		1	22.35

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
55	40017817	Nguyễn Thị Thảo Nhung	01/06/2002	Nữ	D66	VA	7.75	N1	7	GD	9		1	24.5
56	40000881	H En Ni Hra	05/11/2001	Nữ	D01	TO	6.2	VA	6	N1	3.6	01	1	18.55
57	40007410	Y Phong Niê	30/01/2002	Nam	D66	VA	5	N1	3.8	GD	8.75	01	1	20.3
58	63004276	Nguyễn Nam Phương	12/11/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7	N1	4		1	19.55
59	40018425	Nguyễn Ngọc Tâm Phương	27/10/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	7	N1	6.4		1	20.75
60	40007426	Nguyễn Thị Hằng Quyên	26/05/2002	Nữ	D01	TO	9.2	VA	8	N1	7.2		1	25.15
61	40018817	Hoàng Nguyễn Diễm Quỳnh	29/04/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	6.75	N1	4.6		1	19.3
62	34016030	Ngô Phan Như Quỳnh	03/11/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	6.75	N1	4.8		1	20.3
63	40010149	Nguyễn Thị Như Quỳnh	26/01/2002	Nữ	D15	VA	7	DI	6.75	N1	4.2		1	18.7
64	40018861	Phan Như Quỳnh	13/12/2002	Nữ	D15	VA	6.75	DI	7.75	N1	5.2		1	20.45
65	41012933	Văn Thị Diễm Quỳnh	01/09/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7	N1	7.6		2NT	23.3
66	38002410	H - Reng	16/09/2001	Nữ	D66	VA	6	N1	3	GD	7.75	01	1	19.5
67	40015983	Sùng A Sừ	12/10/1999	Nam	D01	TO	6.2	VA	7.5	N1	2.8	01	1	19.25
68	40019022	Nguyễn Thị Thanh Tâm	23/06/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	7.75	N1	5.4		1	20.7
69	40019130	Nguyễn Thị Phương Thảo	03/02/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	5.75	N1	5.8		1	19.7
70	38011060	Đinh Thị Thiết	05/05/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	7.33	N1	4.2	01	1	21.88
71	40017951	Từ Nguyễn Anh Thơ	09/06/2002	Nữ	D01	TO	8.8	VA	7.75	N1	7.2		1	24.5
72	40017022	Đặng Lê Vi Thùy	28/11/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	6.5	N1	6.6		1	21.05
73	40017962	Đào Thị Thu Thủy	28/05/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	8.5	N1	5.4		1	22.45
74	40017035	Nguyễn Thị Thu Thủy	18/07/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	7.5	N1	7.8		1	24.05
75	40017052	Đào Thị Quỳnh Thư	11/10/2001	Nữ	D15	VA	5.25	DI	7	N1	6.4		1	19.4
76	40004640	Mai Thị Anh Thư	13/01/2002	Nữ	D66	VA	7.75	N1	5	GD	7.75		1	21.25
77	63001677	Quách Thị Thương	11/01/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	6	N1	5.2		1	20.55
78	40007478	Trần Nguyễn Ngọc Thương	12/03/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	7.5	N1	4.4		1	20.25
79	40018055	Võ Bá Toàn	06/11/2002	Nam	D01	TO	7.8	VA	6.75	N1	6.8		1	22.1
80	38006254	Rô H' Trang	12/10/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	8	N1	3	01	1	20.75
81	38007478	Vũ Thị Kiều Trang	03/11/2001	Nữ	D01	TO	8.4	VA	8.5	N1	6.8		1	24.45
82	40008043	Lê Thị Huyền Trâm	30/12/2001	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7	N1	5.2		1	20.35
83	40018517	Đỗ Thị Ánh Tuyết	02/01/2002	Nữ	D01	TO	8.4	VA	7.25	N1	7		1	23.4

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
84	63003290	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	08/01/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7.75	N1	6.2		1	22.9
85	40018554	Nguyễn Ngọc Tú Uyên	01/01/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	6.25	N1	5.8		1	21
86	40018558	Nguyễn Thị Mai Uyên	20/05/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	7.5	N1	6.8		1	21.05
87	40018583	Dương Nữ Tường Vân	29/05/2002	Nữ	D01	TO	9.2	VA	8.5	N1	8.8		1	27.25
88	40019317	Nguyễn Thị Hồng Vân	23/12/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	6.5	N1	6.2		1	21.65
89	40007549	Trần Văn Vinh	18/02/2002	Nam	D01	TO	8.8	VA	7	N1	4.4		1	20.95
90	40004262	Nguyễn Thúy Vy	10/12/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	8	N1	7.6		1	23.55
91	40009888	Thái Thảo Vy	09/09/2002	Nữ	D66	VA	7.5	N1	5	GD	8.75		1	22
92	40016113	H' Wel Hđơk	07/02/1997	Nữ	D15	VA	6.25	DI	8	N1	5.8	01	1	22.8
93	40018697	Buôn Krông Wi Ya Pô Dam	20/11/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7	N1	9.2	01	1	27.15
94	63000944	Phạm Thị Thanh Xuân	30/03/2002	Nữ	D01	TO	8.8	VA	7.75	N1	6		1	23.3
95	40010340	Nguyễn Thị Hải Yến	18/11/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	6	N1	6.8		1	22.15
96	38009958	Rah Lan H' Yoar	08/03/2001	Nữ	D01	TO	5.6	VA	7.25	N1	5	01	1	20.6
**** 7220201 - Ngôn ngữ Anh***														
1	38009224	Amốt	29/11/2001	Nam	D66	VA	6.25	N1	3	GD	8.75	01	1	20.75
2	40003515	Bế Tuấn Anh	21/07/2002	Nam	D14	VA	5.25	SU	8.75	N1	5.4	01	1	22.15
3	40009463	Hoàng Duy Anh	10/12/2002	Nam	D15	VA	5.5	DI	7.25	N1	3.4		1	16.9
4	40014134	Lê Thị Trâm Anh	24/04/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	8.25	N1	5.6		1	22.2
5	63002839	Nguyễn Thế Anh	20/02/2002	Nam	D01	TO	6.4	VA	5.5	N1	4.6		1	17.25
6	40014176	Phạm Lan Anh	14/01/2002	Nữ	D66	VA	6	N1	4.2	GD	9		1	19.95
7	22004245	Nguyễn Vũ Ngọc Ánh	28/09/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	7.5	N1	4.4		2NT	19.6
8	40004825	H' Avina Ayŭn	02/12/2002	Nữ	D15	VA	5.75	DI	5.25	N1	3.4	01	1	17.15
9	40014317	Vương Gia Bảo	09/09/2002	Nam	D01	TO	6.8	VA	6.75	N1	5	01	1	21.3
10	40000542	Đỗ Hữu Thanh Bình	20/09/2002	Nam	D01	TO	6.2	VA	6.75	N1	3.8		1	17.5
11	40010449	Nguyễn Thị Thanh Bình	14/09/2001	Nữ	D15	VA	7	DI	6.25	N1	4.8		1	18.8
12	40014363	Y Saka Bkrông	04/11/2002	Nam	D15	VA	7.5	DI	7.5	N1	5.8	01	1	23.55
13	40010477	Võ Thị Diệu Châu	02/01/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	6.5	N1	3		1	18.05
14	40000032	Võ Thị Kim Chi	19/09/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	7.75	N1	4.8		1	20.3
15	39000452	Lê Thị Chính	10/03/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	6.25	N1	3.8		2	16.7

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
16	40003590	Hoàng Văn Chung	07/09/2002	Nam	D14	VA	6.25	SU	7	N1	2.6		1	16.6
17	40014479	Võ Song Cương	22/03/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	4.25	N1	4.6		1	17.8
18	40008649	Võ Thị Xuân Diệu	02/06/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	6.75	N1	4.4		1	20.5
19	40004941	Lê Thị Thuỳ Dung	23/11/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	7.25	N1	2.2		1	16.4
20	40007699	Y Dương Kbuôr	09/11/2000	Nam	D66	VA	5.75	N1	4	GD	8	01	1	20.5
21	63004079	Lưu Tiến Đạt	16/02/2002	Nam	D66	VA	5.5	N1	3.6	GD	7.25		1	17.1
22	40015051	Mai Hạ Đình Đình	13/09/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	7.25	N1	6.6		1	20.6
23	38010026	Nay H' Đun	18/09/2002	Nữ	D66	VA	6.75	N1	4.2	GD	8.75	01	1	22.45
24	40015150	Phạm Thị Thu Hà	01/09/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	8.25	N1	7		1	23
25	63003044	Trần Thị Minh Hà	27/11/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	6.75	N1	5		1	20.5
26	40009627	Nguyễn Thị Minh Hằng	14/10/2002	Nữ	D01	TO	8.4	VA	6.25	N1	3.8		1	19.2
27	40015631	Nguyễn Thị Thúy Hằng	12/03/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	7	N1	6.8		1	22.55
28	40005122	H' Hân Kbuôr	29/04/2002	Nữ	D15	VA	6.5	DI	6.75	N1	4	01	1	20
29	40015210	Nguyễn Thị Ngọc Hân	05/10/2002	Nữ	D15	VA	7.58	DI	7	N1	7.4		1	22.73
30	40005143	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/09/2002	Nữ	D15	VA	6.5	DI	7.5	N1	4.6		1	19.35
31	63006069	Nông Thị Thúy Hiền	19/08/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	5.75	N1	4.6	01	1	19.9
32	41009351	Phan Chí Hiếu	13/02/2002	Nam	D01	TO	7	VA	6	N1	6.2		2	19.45
33	40002610	Trần Thị Hoàn	22/02/2002	Nữ	D66	VA	7.25	N1	3.8	GD	9.25	01	1	23.05
34	29002325	Nguyễn Tiến Hội	06/04/2002	Nam	D15	VA	8	DI	7.5	N1	5.6		1	21.85
35	38012151	Lương Thị Linh Huệ	16/02/2002	Nữ	D66	VA	6.25	N1	3.6	GD	9	01	1	21.6
36	40015824	Bùi Lê Khánh Huyền	02/02/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	7.5	N1	7		1	22.85
37	40016245	Cao Mai Ngọc Huyền	25/07/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	8	N1	6		1	23.35
38	40016287	Châu Thị Lan Hương	09/11/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	6	N1	6		1	20.95
39	40000164	Vi Thị Hương	06/05/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7.25	N1	5	01	1	22.4
40	40009738	Y Ji Win Êban	22/01/2002	Nam	D66	VA	5.5	N1	2.8	GD	8.75	01	1	19.8
41	40005319	H Sư Niê Kdăm	11/06/2002	Nữ	D15	VA	5	DI	6.25	N1	3.4	01	1	17.4
42	63005214	Lê Trần Đức Khải	17/04/2002	Nam	D01	TO	8.2	VA	6.75	N1	4.2		1	19.9
43	40016417	Cao Nghiêm Mỹ Khuyên	22/08/2002	Nữ	D15	VA	7.5	DI	8.5	N1	5		1	21.75
44	40009923	Trần Thị Kiều	06/10/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	7.25	N1	4		1	19.2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
45	40000188	Trương Việt Kiều	18/04/2002	Nữ	D01	TO	8.4	VA	7.75	N1	5.4	01	1	24.3
46	40013393	Nguyễn Trường Kỳ	31/07/2002	Nam	D01	TO	7.2	VA	6.5	N1	6.4		1	20.85
47	40016463	Cao Thị Mai Lan	13/04/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	8.25	N1	7.4		1	24.2
48	40007332	H' Liêm Mlô	23/06/2002	Nữ	D66	VA	5.5	N1	5.2	GD	9.25	01	1	22.7
49	40002985	H Lin Ksơr	24/08/2001	Nữ	D66	VA	7.25	N1	5	GD	8.5	01	1	23.5
50	63006115	Nguyễn Ngọc Linh	31/10/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	6	N1	5.2		1	19.75
51	40009112	Nông Thị Diệu Linh	28/03/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	5.75	N1	6.8	01	1	23.3
52	40016822	Phạm Huỳnh Thùy Linh	20/08/2002	Nữ	D66	VA	6.75	N1	5.8	GD	8.75		1	22.05
53	40016826	Phạm Thị Nhật Linh	20/09/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	7.5	N1	5.6		1	20.65
54	40003011	Phạm Ngọc Long	14/04/2002	Nam	D01	TO	8.6	VA	7	N1	6.2		1	22.55
55	40001348	H Lũnh Long Ding	15/10/2001	Nữ	D66	VA	5.5	N1	4	GD	8.25	01	1	20.5
56	40016899	Đặng Ngọc Mai	04/09/2002	Nữ	D66	VA	6.75	N1	5.8	GD	8.75		1	22.05
57	38006129	Kpă H' Xuân Mai	03/01/2002	Nữ	D15	VA	5.75	DI	6	N1	3.6	01	1	18.1
58	40016922	H Meiji Êban	14/12/2002	Nữ	D01	TO	5.2	VA	6	N1	3.6	01	1	17.55
59	40016938	H Mlin Êban	05/11/2002	Nữ	D66	VA	6.75	N1	5.6	GD	9.25	01	1	24.35
60	40011535	Phan Thị Mơ	03/08/2002	Nữ	D66	VA	4.5	N1	4	GD	8.75		1	18
61	40010013	Đặng Thùy Mi Na	06/03/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	8	N1	6.2		1	22.95
62	40008221	H' Naomi Niê	02/06/2002	Nữ	D66	VA	7.25	N1	3	GD	7.5	01	1	20.5
63	40017383	Phạm Thị Thúy Nga	09/12/2002	Nữ	D15	VA	7	DI	7.5	N1	2.6		1	17.85
64	40017388	Lê Thị Thu Ngàn	16/03/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	4.25	N1	6.4		1	19.6
65	40017675	Nguyễn Minh Ngọc	01/03/2002	Nữ	D66	VA	7	N1	5.8	GD	9		1	22.55
66	40018234	Nguyễn Thành Nhất	06/04/2002	Nam	D01	TO	6.6	VA	6	N1	6.6		1	19.95
67	40018247	Hoàng Bảo Nhi	03/09/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7.25	N1	8		1	24.2
68	40017814	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	01/09/2002	Nữ	D66	VA	6.75	N1	6.6	GD	9		1	23.1
69	36002056	Y Nhưn	26/01/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	7.5	N1	6.4	01	1	23.45
70	38013056	Ksor H' Nui	10/02/2002	Nữ	D15	VA	8.25	DI	7.5	N1	5	01	1	23.5
71	63005898	H' Oanh	18/04/2002	Nữ	D66	VA	6.25	N1	3.4	GD	9.25	01	1	21.65
72	40003215	Nguyễn Thị Kim Oanh	08/09/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.67	N1	4.4		1	20.62
73	40009290	Nguyễn Văn Phúc	20/11/2002	Nam	D01	TO	8.2	VA	5	N1	5.2		1	19.15

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
74	40018838	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	16/04/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	6.25	N1	5.8		1	21.4
75	40018868	Trần Thị Diễm Quỳnh	09/04/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	7	N1	7		1	23.35
76	40018875	Trần Vũ Diễm Quỳnh	29/01/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7	N1	7		1	22.95
77	38004156	Nay Sa Ra	30/10/2002	Nữ	D66	VA	5.25	N1	4	GD	7.75	01	1	19.75
78	43002713	Điểu Rong	21/03/2001	Nam	D01	TO	6.8	VA	5.75	N1	6.2	01	1	21.5
79	40006089	H- Rôna Niê	13/05/2002	Nữ	D15	VA	5.5	DI	8.25	N1	3	01	1	19.5
80	40007437	H Sa Lê Na Mlô Niê Kdăm	06/11/2001	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7.25	N1	6	01	1	23.4
81	40018964	H' Suên Buôn Krông	23/07/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	6.75	N1	5.6	01	1	22.1
82	63003804	Nguyễn Thị Thảo Sương	05/03/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	7.25	N1	4.8		1	19.8
83	40006939	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	22/09/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.75	N1	6.2		1	22.5
84	40019054	Nguyễn Hoàng Thái	11/11/2002	Nam	D66	VA	5.25	N1	7.2	GD	7.5		1	20.7
85	40019131	Nguyễn Thị Phương Thảo	06/01/2002	Nữ	D01	TO	9	VA	7.25	N1	7.8		1	24.8
86	40019146	Võ Thị Phương Thảo	30/04/2002	Nữ	D15	VA	6.5	DI	7.75	N1	5.6		1	20.6
87	63001089	Thị Thiệp	01/03/2002	Nữ	D14	VA	8	SU	7.5	N1	4.2	01	1	22.45
88	40008431	Bạch Thị Bích Thuy	17/11/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7	N1	7		1	22.95
89	40006225	Nguyễn Thị Phương Thùy	23/09/2002	Nữ	D01	TO	5.4	VA	6	N1	4.4		1	16.55
90	40006230	Đặng Thị Thu Thủy	03/08/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	5.5	N1	3.6		1	16.25
91	63005574	H - Thuyền	19/09/2002	Nữ	D01	TO	5	VA	6	N1	3.6	01	1	17.35
92	40017054	Hoàng Đặng Anh Thư	20/04/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	8	N1	5.8		1	22.55
93	36001292	Nguyễn Hoàng Anh Thư	09/06/2002	Nữ	D15	VA	6.25	DI	8	N1	3.6		1	18.6
94	40017983	Nguyễn Minh Thư	05/03/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	8.25	N1	6.2		1	23
95	40000414	Võ Phạm Thanh Thư	22/11/2002	Nữ	D14	VA	6.5	SU	6.5	N1	6.4		1	20.15
96	40007017	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	15/03/2002	Nữ	D14	VA	7.25	SU	4.75	N1	5.4		1	18.15
97	63003948	Nguyễn Trần Nữ Thủy Tiên	01/01/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7.25	N1	5.4		1	20.8
98	63004345	Vũ Minh Tiến	08/02/2002	Nam	D15	VA	4.5	DI	7.5	N1	6.4		1	19.15
99	40006299	Giang Thanh Trà	27/09/2002	Nữ	D15	VA	6.5	DI	7.75	N1	3		1	18
100	63005610	Nguyễn Thị Huyền Trang	30/01/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7.75	N1	5.6		1	22.3
101	40017525	Nguyễn Thùy Trang	04/05/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	7.25	N1	6		1	20.2
102	39005949	Lê Bảo Trâm	26/02/2001	Nữ	D01	TO	8.6	VA	7.25	N1	6.4		2NT	22.75

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
103	63004363	Lê Thị Bích Trâm	16/10/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	7	N1	5		1	19.95
104	40006341	Ban Thị Đặng Triều	06/11/2002	Nữ	D15	VA	5	DI	6.75	N1	3.8	01	1	18.3
105	42013127	Điểu Thị Trinh	20/03/2001	Nữ	D66	VA	7	N1	6.2	GD	8.25	01	1	24.2
106	39002121	Ngô Ngọc Trinh	02/04/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.25	N1	3.4		2NT	18.95
107	40010321	Võ Văn Trịnh	16/02/2000	Nam	D15	VA	7	DI	8	N1	4.4		1	20.15
108	40006366	Lê Thị Thanh Trúc	02/02/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	7.75	N1	4.4		1	19.3
109	40018503	H- Tuệ Niê	24/08/2002	Nữ	D14	VA	7.25	SU	5.25	N1	5.6	01	1	20.85
110	42001901	Bon Dơng K' Tuyên	26/03/2002	Nữ	D15	VA	6	DI	7.25	N1	5.4	01	1	21.4
111	40009837	Trần Thị Ánh Tuyết	15/05/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	7	N1	3.8		1	18.55
112	40018550	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	14/03/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	4.25	N1	6.8		1	19.6
113	63003306	Phan Thảo Uyên	27/09/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	6	N1	3.2		1	16.15
114	40016107	Võ Trần Hồng Vân	13/10/2001	Nữ	D01	TO	5.2	VA	7.25	N1	4		1	17.2
115	40018606	Nguyễn Ngọc Hạnh Vi	06/09/2002	Nữ	D66	VA	5.5	N1	4.6	GD	8.5		1	19.35
116	40002803	Nguyễn Thị Tường Vi	04/10/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	7.25	N1	4.8		1	19.8
117	40016109	Trần Nhật Việt	31/03/2000	Nam	D01	TO	7	VA	5.5	N1	6.2		1	19.45
118	63004411	Nguyễn Đình Vinh	27/01/2002	Nam	D66	VA	4	N1	4.4	GD	7.75		1	16.9
119	40018644	Nguyễn Trần Vũ	17/01/2002	Nam	D01	TO	7.2	VA	7.25	N1	6		1	21.2
120	63000931	Thào Thị Vũ	01/06/2000	Nữ	D01	TO	6.8	VA	7.5	N1	4.8	01	1	21.85
121	40019367	Trần Huỳnh Anh Vũ	26/05/2002	Nam	D01	TO	6	VA	6	N1	6		1	18.75
122	38002058	Trần Thanh Vũ	15/11/2001	Nam	D01	TO	4.8	VA	7.25	N1	3.4		1	16.2
123	40001107	Ngô Thị Hải Vy	06/02/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	5	N1	6.4		1	18.75
124	40018692	Trần Thị Yến Vy	16/10/2002	Nữ	D15	VA	7	DI	8.75	N1	5.2		1	21.7
125	40018702	H' Wun Aliô Niê	24/02/2002	Nữ	D01	TO	4.2	VA	7	N1	6	01	1	19.95
126	63004427	Y' Dream Ya	08/05/2002	Nam	D01	TO	7.6	VA	4.5	N1	2.8	01	1	17.65
127	63003999	Hà Hải Yến	14/07/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	6.5	N1	4.6		1	18.85
**** 7229001 - Triết học***														
1	40014300	Nguyễn Quốc Bảo	19/07/2002	Nam	C00	VA	7	SU	5.75	DI	7.25		1	20.75
2	40014320	Nguyễn Đình Bắc	16/04/2002	Nam	C00	VA	4.25	SU	4.75	DI	6		1	15.75
3	40001149	Bdap Du Y' Bi	12/08/2000	Nam	C19	VA	3.5	SU	4.5	GD	7	01	1	17.75

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
4	38012581	Nguyễn Tấn Chi	23/07/2002	Nam	C19	VA	6.25	SU	7.25	GD	9.75		1	24
5	40014474	Trần Nguyễn Thành Công	02/06/2002	Nam	C00	VA	5.25	SU	3.5	DI	6.25		1	15.75
6	40005100	Phạm Thị Hảo	06/11/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	3	DI	5.5		1	15.25
7	40016414	Bùi Thị Minh Khuê	14/05/2002	Nữ	C00	VA	8	SU	4.5	DI	7.25		1	20.5
8	35011851	Hồ Thị Khuyến	16/08/2002	Nữ	C00	VA	3.75	SU	3.25	DI	6.75	01	1	16.5
9	40001307	Y Khuyn Bhôk	10/02/2000	Nam	C00	VA	4.5	SU	6	DI	8	01	1	21.25
10	40016948	Huỳnh Thị Trà My	29/07/2002	Nữ	C00	VA	7.25	SU	5.75	DI	5.75		1	19.5
11	40017857	Nguyễn Xuân Núi	21/06/2002	Nam	C19	VA	4.75	SU	7.5	GD	8.25		1	21.25
12	40007977	Y Quôc Niê	13/12/2002	Nam	C00	VA	4.75	SU	5.25	DI	5.5	01	1	18.25
13	40006098	Y - Sanka Buôn Yă	19/12/2002	Nam	C00	VA	6.75	SU	6.5	DI	6.25	01	1	22.25
14	40019103	Võ Trung Thành	01/06/2001	Nam	C00	VA	6.75	SU	7.75	DI	8		1	23.25
15	40017018	Phạm Văn Thuận	10/08/2002	Nam	C19	VA	7.25	SU	5.5	GD	8.5		1	22
16	40017129	Ngô Đức Tín	15/07/2002	Nam	C00	VA	6.25	SU	5.75	DI	7.5		1	20.25
17	40004746	Đinh Vũ Trường	30/07/2002	Nam	C00	VA	5.25	SU	5.25	DI	6.75		1	18
18	40008106	Hồ Thái Vy	20/04/2002	Nữ	C00	VA	7	SU	4.5	DI	6.5		1	18.75
**** 7229030 - Văn học***														
1	40006502	Đinh Công Chương	27/11/2002	Nam	C00	VA	4	SU	5.5	DI	7	01	1	19.25
2	63004063	Trần Thị Phương Dung	15/04/2002	Nữ	C20	VA	5.5	DI	6	GD	5		1	17.25
3	40007253	H- Đinh Kpă	04/02/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	3.5	DI	6	01	1	18.25
4	40001798	Nguyễn Trọng Hà	15/04/2002	Nam	C00	VA	6	SU	5	DI	7.25		1	19
5	38005336	Ksor H Húy	05/10/2001	Nữ	C20	VA	6.75	DI	6.5	GD	8	01	1	24
6	40009753	Y- Khoan - Buôn Krông	02/02/2002	Nam	C20	VA	6	DI	6.75	GD	7	01	1	22.5
7	40001313	Trần Vũ Kiệt	15/11/2002	Nam	C20	VA	7	DI	7.5	GD	8.25		1	23.5
8	40016449	Y Kiu Ktul	11/09/2000	Nam	C00	VA	5.75	SU	8.75	DI	7.75	01	1	25
9	40007327	Y- Kophi Niê	04/06/1998	Nam	C00	VA	3	SU	4.5	DI	7	01	1	17.25
10	40002975	Hứa Thị Mỹ Lệ	05/07/2002	Nữ	C00	VA	7.5	SU	6.25	DI	8.25	01	1	24.75
11	63004188	Đoàn Thị Diệu Linh	28/09/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	4.5	DI	8.75		1	20
12	40001358	H' Mê Trei	02/09/1999	Nữ	C20	VA	6.25	DI	6.25	GD	7.75	01	1	23
13	40017361	Nguyễn Văn Nam	21/12/2000	Nam	C00	VA	7	SU	9	DI	7.75		1	24.5

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
14	63004234	Hoàng Thị Nga	10/05/2002	Nữ	C20	VA	5.5	DI	6.75	GD	7		1	20
15	40004487	Nguyễn Thanh Phong	05/08/2002	Nam	C00	VA	6	SU	6.75	DI	8.25		1	21.75
16	63002595	Đỗ Thị Minh Phượng	15/12/2000	Nữ	C00	VA	6.5	SU	5	DI	6.25		1	18.5
17	40018863	Phan Thị Diễm Quỳnh	01/11/2002	Nữ	C00	VA	6	SU	3.25	DI	6	01	1	18
18	40010154	H- Ran Êñuôl	30/12/2002	Nữ	C00	VA	8.25	SU	7	DI	7.75	01	1	25.75
19	38004163	Nguyễn Ngọc Sơn	02/03/2002	Nam	C00	VA	5.75	SU	6.25	DI	7.5		1	20.25
20	41000307	Hà Minh Thảo	08/06/2002	Nam	C20	VA	4	DI	6.75	GD	7.5	01	1	21
21	41005446	Nguyễn Thị Ngọc Thêm	06/11/2002	Nữ	C20	VA	6.5	DI	5.75	GD	7		2	19.5
22	40000391	Hoàng Thị Thiềm	08/09/2002	Nữ	C19	VA	7.17	SU	8.25	GD	8.25	01	1	26.42
23	40006282	Nguyễn Trần Trung Tín	30/04/2002	Nam	C20	VA	6.75	DI	9	GD	10		1	26.5
24	41005920	Nguyễn Thị Ngọc Trân	06/03/2002	Nữ	C20	VA	6	DI	5.5	GD	6.25		2	18
25	40007499	Niê Minh Trí	18/08/2000	Nam	C00	VA	4.75	SU	3.75	DI	6	01	1	17.25
26	41005931	Nguyễn Thị Diễm Trinh	20/08/2002	Nữ	C20	VA	6.42	DI	7.25	GD	7.75		2	21.67
27	40018117	Nguyễn Đình Việt Trung	02/11/2002	Nam	C00	VA	6.75	SU	4	DI	8.25		1	19.75
28	63003269	Hoàng Anh Tuấn	19/11/2001	Nam	C20	VA	4.25	DI	6	GD	8.5	01	1	21.5
29	40005574	H Vân Niê	20/02/2002	Nữ	C20	VA	5.5	DI	5	GD	5	01	1	18.25
30	40005586	Trần Thị Ái Vi	25/11/2002	Nữ	C19	VA	6	SU	2.75	GD	5.5		1	15
31	40013331	Tô Văn Vũ	19/05/2002	Nam	C00	VA	5.5	SU	4.25	DI	7.25	01	1	19.75
**** 7310101 - Kinh tế***														
1	40014158	Nguyễn Nhật Anh	05/01/2002	Nam	D01	TO	4.4	VA	6.5	N1	5		1	16.65
2	63004021	Vũ Thị Phương Anh	15/12/2002	Nữ	D01	TO	5.4	VA	6.25	N1	3		1	15.4
3	40010408	Đinh Thị Ngọc Ánh	07/06/2002	Nữ	D07	TO	8.2	HO	7.75	N1	6		1	22.7
4	40007599	Phạm Ngọc Ánh	01/07/2002	Nữ	D01	TO	5	VA	6.5	N1	3		1	15.25
5	40004852	Mai Văn Bình	19/09/2002	Nam	A00	TO	4.2	LI	4.75	HO	4	01	1	15.7
6	63000163	Phan Trọng Đại	01/10/2002	Nam	A00	TO	8.2	LI	6.5	HO	7.5		1	22.95
7	40010825	Đặng Thị Diễm Hậu	24/10/2001	Nữ	A00	TO	7.6	LI	6.5	HO	7.75		1	22.6
8	40015233	Võ Thị Ánh Hậu	29/06/2002	Nữ	D01	TO	8.4	VA	7.5	N1	3.6		1	20.25
9	40015733	Đậu Ngọc Hoàng	03/11/2000	Nam	D01	TO	4.4	VA	6.25	N1	3.6		1	15
10	40001267	Luân Thị Hồng	26/12/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	7.25	N1	3.6	01	1	20.2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
11	40016256	Nguyễn Thị Thu Huyền	23/06/2002	Nữ	A01	TO	8.2	LI	7.5	N1	7.2		1	23.65
12	40015862	Hoàng Việt Hưng	14/07/2002	Nam	D01	TO	6	VA	7.5	N1	6.2		1	20.45
13	02024438	Lý Thành Hưng	12/08/2001	Nam	A00	TO	7.6	LI	5	HO	5.5		3	18.1
14	40005354	Nguyễn Văn Kiên	15/05/2002	Nam	D01	TO	6	VA	5.75	N1	3.6		1	16.1
15	40017176	Lê Trần Phương Linh	08/09/2002	Nữ	A01	TO	8.2	LI	7.75	N1	5.6		1	22.3
16	40001950	Nông Văn Liu	26/12/2002	Nam	A00	TO	8	LI	6	HO	5.25	01	1	22
17	63003472	Đậu Phi Long	20/07/2002	Nam	D01	TO	5.8	VA	6	N1	3.8		1	16.35
18	40001344	Nguyễn Thị Lợi	17/11/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	6.5	N1	2.6		1	16.85
19	40016879	Hoàng Hoa Thảo Ly	13/01/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7.5	N1	4.6		1	20.25
20	63005287	Nông Thị Mai Ly	13/01/2002	Nữ	D01	TO	5.2	VA	6.5	N1	2.6	01	1	17.05
21	40000225	Nguyễn Thị Lý	18/10/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	6.75	N1	3.6		1	18.5
22	40016914	Bùi Tấn Mạnh	06/03/2002	Nam	D01	TO	7	VA	6.25	N1	3.8		1	17.8
23	40008197	Nguyên Bảo Minh	27/01/2002	Nam	A00	TO	8.2	LI	6.25	HO	7.25		1	22.45
24	40016933	Phạm Nhật Hồng Minh	14/11/2002	Nữ	D01	TO	5.2	VA	8	N1	1.6		1	15.55
25	40010014	Phan Thị Lê Na	03/08/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	8	N1	4		1	20.35
26	40017358	Nguyễn Tiến Nam	16/07/2002	Nam	D01	TO	6.6	VA	5.5	N1	6.6		1	19.45
27	63005321	Lang Thị Linh Nga	07/12/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	6.5	N1	2.8	01	1	18.45
28	40010029	Bùi Thị Mỹ Ngọc	19/01/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	7	N1	2.6		1	16.55
29	40017679	Nguyễn Thị Bích Ngọc	02/02/2002	Nữ	D01	TO	5.8	VA	5.75	N1	3.6		1	15.9
30	40018201	Nguyễn Võ Khánh Nguyên	08/06/2002	Nữ	D07	TO	6.8	HO	7.5	N1	6.2		1	21.25
31	47005139	K Văn Nhân	21/10/2002	Nam	D01	TO	6	VA	7.75	N1	3	01	1	19.5
32	40005905	Nguyễn Ngọc Nhật	19/02/2002	Nam	A00	TO	7.2	LI	5.5	HO	4.25		1	17.7
33	40010060	Hoàng Thị Yến Nhi	07/10/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	7	N1	2.2		1	16.75
34	40004421	Lê Thị Nhi	20/05/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	7	N1	4.6		1	19.95
35	40018268	Tô Trần Tuyết Nhi	19/07/2002	Nữ	A01	TO	7.4	LI	8	N1	5.2		1	21.35
36	40007395	Y- Nhơ Mlô	09/01/2001	Nam	D01	TO	3.6	VA	6.75	N1	2.4	01	1	15.5
37	40017795	H' Nhu Êban	09/09/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	7.25	N1	3.2	01	1	19.2
38	38000092	Rơ Châm Nhương	16/11/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.25	N1	3.4	01	1	21.2
39	35002011	Võ Hoàng Oanh	06/02/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	7	N1	3		2NT	17.1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
40	63004269	Nguyễn Cao Phú	23/09/2002	Nam	D01	TO	6.8	VA	5	N1	4.2		1	16.75
41	40018377	Nguyễn Văn Phúc	18/09/2002	Nam	A00	TO	7	LI	6.25	HO	6.75		1	20.75
42	40012114	Nguyễn Khánh Như Phương	30/11/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	7.75	HO	6.75		1	23.65
43	40018839	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	17/04/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.25	N1	8.6		1	24.4
44	40018896	H' Ruien - Adrơng	11/04/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	5.75	N1	3.4	01	1	18.7
45	38013104	Mai Thanh Sang	13/05/2002	Nam	A00	TO	8.6	LI	5	HO	8.5		1	22.85
46	40016550	H-Sine Buôn Yă	18/03/2002	Nữ	A00	TO	5	LI	3.5	HO	4.5	01	1	15.75
47	40016008	Trần Phương Thảo	19/04/2001	Nữ	A00	TO	7	LI	5.25	HO	5.75		1	18.75
48	40010224	Nguyễn Xuân Thắng	04/10/2000	Nam	D01	TO	7	VA	5.75	N1	3.6		1	17.1
49	40017073	Lê Đỗ Anh Thương	12/10/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	6.25	N1	3.8		1	17.2
50	40001560	Lê Thị Thương	08/01/2002	Nữ	A00	TO	7	LI	7	HO	7.25		1	22
51	63001110	Kiều Thị Thủy Tiên	22/09/2002	Nữ	A00	TO	8	LI	5.5	HO	5.25		1	19.5
52	40017535	Trần Thị Mỹ Trang	28/06/2002	Nữ	D01	TO	4.8	VA	5.75	N1	2.8	01	1	16.1
53	40019167	Nguyễn Hà Việt Trinh	17/05/2002	Nữ	A00	TO	8.8	LI	6.75	HO	7.5		1	23.8
54	38009179	Nguyễn Thị Hoa Trinh	02/09/2002	Nữ	A00	TO	7.2	LI	7.5	HO	4.25		1	19.7
55	40007510	Phạm Thị Thanh Trúc	06/06/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	6	N1	3.8		1	17.15
56	40019205	Võ Viết Trung	28/07/2002	Nam	A01	TO	7.6	LI	5.25	N1	5.2		1	18.8
57	40002730	Trương Thị Ngọc Tú	21/05/2002	Nữ	A01	TO	7.4	LI	6.25	N1	5		1	19.4
58	40018543	Hoàng Vũ Phương Uyên	14/08/2002	Nữ	D01	TO	8.4	VA	6.25	N1	8.4		1	23.8
59	40019313	H Vân Mlô	18/02/2002	Nữ	A00	TO	6.8	LI	4.5	HO	5.5	01	1	19.55
60	40019316	Nguyễn Thảo Vân	07/04/2002	Nữ	A01	TO	8.6	LI	6.75	N1	6		1	22.1
61	40018609	Nguyễn Thị Thảo Vi	25/09/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	6.25	N1	2.2		1	15.8
62	63001767	Nguyễn Trọng Vũ	14/12/2001	Nam	D01	TO	5.2	VA	7.25	N1	3.2		1	16.4
63	40008113	Nguyễn Như Tường Vy	20/08/2002	Nữ	A00	TO	7	LI	5	HO	6.25		1	19
**** 7310105 - Kinh tế phát triển***														
1	40014352	Phan Thị Bình	20/01/2002	Nữ	A00	TO	8.8	LI	6.75	HO	7.5		1	23.8
2	40004870	Hoàng Thị Linh Chi	22/08/2002	Nữ	D01	TO	5.4	VA	6.25	N1	2.6		1	15
3	40009609	Đỗ Văn Thanh Hải	30/11/2002	Nam	D01	TO	7.6	VA	5.25	N1	2.8		1	16.4
4	40004010	H Lisa Mlô	10/06/2001	Nữ	A00	TO	7.2	LI	5.5	HO	5.5	01	1	20.95

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
5	40000223	Hồ Thị Hương Ly	30/10/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	5.75	N1	4		1	17.9
6	40017658	Nguyễn Đức Nghĩa	10/06/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	4.5	HO	6.5		1	19.55
7	40010107	Hoàng Văn Phúc	16/05/2002	Nam	D01	TO	5.6	VA	5.25	N1	2.8	01	1	16.4
8	40006053	Trần Văn Quốc	23/04/2002	Nam	D01	TO	7.8	VA	4	N1	2.6		1	15.15
9	40000389	Trần Dương Thế	10/08/2001	Nam	D01	TO	5.4	VA	5.67	N1	3.8		1	15.62
**** 7340101 - Quản trị kinh doanh***														
1	63002273	Đinh Thị Ngọc An	04/11/2002	Nữ	A00	TO	7.4	LI	6.75	HO	7		1	21.9
2	40012444	Cao Thị Tuyết Anh	18/10/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	6.5	N1	4.8		1	19.05
3	63006018	Đinh Hồng Anh	17/12/2002	Nam	D01	TO	6.8	VA	7.75	N1	6.8		1	22.1
4	40014119	Lê Công Thế Anh	21/08/2001	Nam	D01	TO	8.4	VA	6.25	N1	3		1	18.4
5	40002336	Nguyễn Đặng Tâm Anh	11/03/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	5.75	HO	5.5		1	20.2
6	40001675	Nguyễn Thị Tú Anh	12/06/2002	Nữ	A00	TO	7.4	LI	8	HO	7.25		1	23.4
7	40014272	Nguyễn Thiên Ân	21/05/2002	Nam	D01	TO	7.6	VA	5.5	N1	7.2		1	21.05
8	40014274	Quách Đức Bá	04/02/2002	Nam	D01	TO	5.4	VA	6.25	N1	3.2	01	1	17.6
9	40014286	Hoàng Đình Bảo	19/10/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	5.5	HO	7		1	21.05
10	63002878	Vũ Hoàng Tiến Bảo	12/08/2002	Nam	D01	TO	5.6	VA	6.75	N1	3.8		1	16.9
11	63002881	Nguyễn Trọng Bằng	16/10/2002	Nam	D01	TO	6.4	VA	6.5	N1	4.6		1	18.25
12	38011980	Dương Văn Chân	28/09/2001	Nam	D01	TO	6	VA	5.5	N1	2.4	01	1	16.65
13	40007627	Cao Thị Phương Chi	28/02/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	6.5	N1	2.8		1	16.45
14	40000033	Bùi Minh Chí	24/07/2002	Nam	A00	TO	6.8	LI	7.75	HO	6.5		1	21.8
15	40001718	Trần Thị Thanh Chúc	26/05/2002	Nữ	A00	TO	7.2	LI	7.5	HO	5.75		1	21.2
16	40014459	Lê Hồng Chung	13/06/2002	Nam	A01	TO	8	LI	6.25	N1	5		1	20
17	63002917	Lê Tử Anh Cương	16/03/2002	Nam	D01	TO	8.4	VA	5	N1	3.8		1	17.95
18	40014502	Nguyễn Thành Danh	29/10/2002	Nam	A00	TO	7.2	LI	5.75	HO	5.25		1	18.95
19	43005478	Nguyễn Hoàng Dung	12/11/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	6.5	N1	4.8		1	18.65
20	40001742	Hồ Anh Dũng	08/02/2002	Nam	A00	TO	7.6	LI	5.25	HO	5.25		1	18.85
21	40014583	Võ Hoàng Dũng	05/11/2002	Nam	D01	TO	8.6	VA	6.75	N1	8.2		1	24.3
22	40014960	Trần Công Duy	18/12/2002	Nam	A00	TO	8	LI	7	HO	7.5		1	23.25
23	40007684	Trương Minh Duy	24/01/2002	Nam	A00	TO	6.8	LI	5.25	HO	5.5		1	18.3

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
24	40009555	Đặng Thị Mai Duyên	20/11/2001	Nữ	A00	TO	7.2	LI	5.75	HO	4.25		1	17.95
25	40004968	Phan Nguyên Kiều Duyên	14/08/2002	Nữ	D01	TO	8.4	VA	7.5	N1	3.2		1	19.85
26	40002478	Triệu Sinh Dương	20/10/2002	Nam	D01	TO	6.4	VA	5.5	N1	3.2	01	1	17.85
27	40003674	H' Đa Rich Niê	10/07/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	6	N1	2	01	1	17.35
28	40004986	H Đalen Êban	08/08/2002	Nữ	D01	TO	5.6	VA	5.25	N1	4.4	01	1	18
29	40010617	Chu Thị Đào	05/04/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	5.25	N1	2.2	01	1	17
30	40015017	Nguyễn Tiến Đạt	25/07/2002	Nam	D01	TO	7.8	VA	7.5	N1	5.8		1	21.85
31	40002494	Phạm Tiến Đạt	29/01/2002	Nam	D01	TO	6.6	VA	6.25	N1	3		1	16.6
32	40015067	H' Đôi H' Đơk	01/01/2002	Nữ	D01	TO	5.6	VA	7.25	N1	2.2	01	1	17.8
33	40015068	H' Lôi H' Đơk	01/01/2002	Nữ	D01	TO	5.8	VA	6.75	N1	2.8	01	1	18.1
34	40009590	Nguyễn Hồ Hoài Đức	02/07/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	7.25	N1	4		1	19.2
35	40010699	Dương Thị Trà Giang	16/04/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.25	N1	5.8		1	21.6
36	40015574	Hà Thị Giang	08/09/2002	Nữ	D07	TO	8	HO	8.5	N1	6.6		1	23.85
37	40007260	H - Giông - Ayũn	03/11/2002	Nữ	A00	TO	6.4	LI	5.25	HO	4.25	01	1	18.65
38	40005075	Lê Thị Thu Hà	11/08/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	7.5	N1	4.6		1	19.85
39	40015159	Vàng Ngọc Hạ	28/12/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	6.75	N1	3.4	01	1	21.1
40	40015170	Bế Thị Hành	10/02/2001	Nữ	D01	TO	6.4	VA	6.5	N1	3.4	01	1	19.05
41	40007775	Huỳnh Thị Lệ Hằng	07/10/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	5.25	HO	5.25		1	18.85
42	40015629	Lê Thị Mỹ Hằng	21/08/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	6.5	HO	7.75		1	23.2
43	40015185	Nguyễn Thị Thanh Hằng	27/12/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	6.25	N1	4.2		1	18.2
44	38009666	Nguyễn Thị Thúy Hằng	24/07/2002	Nữ	D01	TO	5.2	VA	7	N1	4		1	16.95
45	40015647	Đặng Công Hậu	28/01/2001	Nam	A00	TO	8	LI	6.5	HO	6.75		1	22
46	40015655	Trần Thị Bích Hậu	05/01/2002	Nữ	D07	TO	7.4	HO	6.5	N1	4.4		1	19.05
47	63005133	Dương Thị Thu Hiền	25/06/2002	Nữ	A00	TO	6.6	LI	7.5	HO	6.75		1	21.6
48	40012847	Đặng Đinh Thu Hiền	21/05/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	7.25	N1	4		1	19.6
49	40015664	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/08/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	6.5	HO	8.75		1	23.6
50	40015263	Hồ Sỹ Hiệp	10/10/2002	Nam	D01	TO	7.2	VA	6.75	N1	1.6		1	16.3
51	40010857	Vi Văn Hiệp	25/10/2002	Nam	D01	TO	6.8	VA	6.33	N1	3	01	1	18.88
52	40006623	Trần Thị Hoa	29/07/2002	Nữ	A00	TO	7.2	LI	5.5	HO	3.75		1	17.2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
53	40011175	Lưu Việt Hòa	12/12/2002	Nam	D01	TO	5.4	VA	6	N1	2.2	01	1	16.35
54	41009789	Nguyễn Thị Hòa	01/06/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	6.75	HO	7		2	22.4
55	40002877	Nguyễn Thị Hoài	25/06/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	6.25	N1	6		1	20.8
56	40015735	Lê Hoàng	13/04/2002	Nam	D01	TO	7	VA	6.25	N1	5.4		1	19.4
57	40007837	Nguyễn Trường Hoàng	20/11/2002	Nam	D01	TO	6.4	VA	5.25	N1	3.8		1	16.2
58	40011216	Cao Thị Mỹ Hồng	16/09/2002	Nữ	A00	TO	7	LI	6.25	HO	6.5		1	20.5
59	40011224	Đặng Văn Huấn	26/11/2002	Nam	A00	TO	7.6	LI	3.75	HO	7.5		1	19.6
60	63004149	Nguyễn Phi Hùng	07/10/2002	Nam	D01	TO	6	VA	6	N1	3.8		1	16.55
61	40015785	Trần Nguyên Minh Hùng	22/05/2002	Nam	D01	TO	6.2	VA	6	N1	4.2		1	17.15
62	63004610	Lò Hữu Huy	15/09/2002	Nam	A00	TO	8	LI	5.5	HO	6.5	01	1	22.75
63	40015818	Trần Quốc Huy	06/01/2002	Nam	D01	TO	7.4	VA	5.25	N1	3		1	16.4
64	40012970	Đậu Thị Mỹ Huyền	05/08/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	6.5	N1	5.4		1	20.65
65	40015836	Nguyễn Thị Bích Huyền	18/01/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	5.75	N1	2.4		1	16.5
66	40003960	H: Kloi Niê	05/09/2000	Nữ	D01	TO	3.8	VA	6	N1	3.6	01	1	16.15
67	40005372	Bùi Thị Thuý Lan	11/08/2002	Nữ	A00	TO	7.4	LI	3.75	HO	4.5		1	16.4
68	40002962	Lý Thị Hương Lan	19/03/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7	N1	3.8	01	1	20.95
69	40008165	Cao Nữ Ngọc Linh	20/04/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	8	N1	5.6		1	21.95
70	40015403	Lê Hoài Linh	15/06/2001	Nữ	A00	TO	8	LI	4.25	HO	8.75		1	21.75
71	63004190	Nguyễn Quang Linh	02/02/2002	Nam	D01	TO	6.8	VA	5.58	N1	3.4		1	16.53
72	40009949	Nguyễn Thị Mỹ Linh	08/01/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	8	N1	4.8		1	21.55
73	40006724	Nguyễn Thị Phương Linh	30/12/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	8	HO	7.75		1	24.9
74	40016820	Nguyễn Vũ Phương Linh	03/08/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	7.25	N1	3.8		1	18
75	42000986	Phan Lê Thành Long	23/09/2002	Nam	D01	TO	7.8	VA	6.75	N1	6.2		1	21.5
76	40016854	Vũ Bá Long	18/04/2002	Nam	D01	TO	6.2	VA	6.25	N1	5.2		1	18.4
77	40017225	Đinh Xuân Lộc	02/10/2002	Nam	A00	TO	6.8	LI	4.25	HO	6		1	17.8
78	40003021	Trần Pháp Luật	15/10/2002	Nam	A00	TO	7.6	LI	4.25	HO	4.25		1	16.85
79	40016876	Nguyễn Thị Hiền Lương	20/12/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	7.5	N1	5.6		1	21.45
80	40016880	Hường Thị Thảo Ly	06/06/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	6.75	N1	2.4		1	16.1
81	40007953	Dương Thị Tuyết Mai	19/11/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	7	N1	2.6		1	16.35

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
82	40013492	Hoàng Thị Mai	16/04/2002	Nữ	A00	TO	8	LI	5.25	HO	8	01	1	24
83	40017261	Y- Mal Byă	07/08/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	7.75	HO	7.25	01	1	25.55
84	40015416	Lê Đức Mạnh	05/03/2000	Nam	A00	TO	6.4	LI	6.75	HO	6.5		1	20.4
85	40011524	H Mê Li Za Byă	12/02/2002	Nữ	D01	TO	4.4	VA	6.25	N1	3.8	01	1	17.2
86	40009998	Nguyễn Đặng Bảo Minh	19/12/2002	Nam	D01	TO	6.6	VA	6	N1	7.8	06	1	22.15
87	40001369	Nguyễn Thị My	20/08/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	6.5	N1	3.6		1	17.25
88	40016964	Văn Thị Trà My	02/06/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7.75	N1	3.4		1	19.3
89	40017324	Lò Thị Ly Na	24/03/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	5.75	HO	6.5	01	1	22.6
90	40017331	H Na Sa B'Krông	17/08/2002	Nữ	A00	TO	8	LI	7	HO	6.75	01	1	24.5
91	40017625	Trần Huy Nam	01/01/2002	Nam	D01	TO	7.2	VA	7	N1	3		1	17.95
92	40000240	Chung Thị Nga	18/04/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	4.75	N1	4	01	1	17.5
93	40011573	H Ngat Byă	11/06/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	6.5	N1	4.8	01	1	21.65
94	40011575	Lý Thị Ngân	27/03/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	6.25	N1	3.2	01	1	19.8
95	40017404	Phạm Thị Thanh Ngân	15/04/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	6.5	N1	5.2		1	18.85
96	40017408	Trần Phan Thúy Ngân	05/10/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	7.5	N1	5.2		1	20.45
97	40017422	Nguyễn Đức Nghĩa	05/02/2002	Nam	D01	TO	5.6	VA	6	N1	4.4		1	16.75
98	63000695	Nguyễn Hữu Nghĩa	08/02/2002	Nam	D01	TO	8	VA	5.75	N1	5.2		1	19.7
99	40004371	H' Ngim Mlô	12/04/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	9	N1	3.8	01	1	23.15
100	63004238	Cao Nguyên Ngọc	05/11/2002	Nam	D01	TO	7.6	VA	5.25	N1	4		1	17.6
101	40017666	Đỗ Hồng Hoài Ngọc	05/01/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7	N1	6.8		1	22.75
102	40017673	Lê Lê Bích Ngọc	28/01/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	8	N1	3.4		1	19.75
103	40010033	Vũ Thị Bích Ngọc	10/01/2001	Nữ	D01	TO	7.2	VA	7	N1	3.8		1	18.75
104	40003125	Mông Văn Nguyên	03/12/2002	Nam	D01	TO	6.6	VA	6.5	N1	3.6	01	1	19.45
105	63003610	Phạm Đăng Nhã	18/06/2002	Nam	A00	TO	8.2	LI	7.25	HO	6.75		1	22.95
106	40008274	Lê Thị Yến Nhi	14/04/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	7	N1	4.8		1	20.15
107	40017772	Nguyễn Thị Yến Nhi	22/09/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	7	N1	4.8		1	19.75
108	40004430	Phạm Yến Nhi	01/08/2002	Nữ	A00	TO	7	LI	5.75	HO	4		1	17.5
109	40017808	Mã Thị Hồng Nhung	31/01/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	8	N1	4.6		1	20.35
110	40004448	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/06/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7.75	N1	5.2		1	21.9

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
111	40012030	Phạm Thị Tuyết Nhung	13/02/2002	Nữ	A00	TO	8.6	LI	6.75	HO	4.75		1	20.85
112	40017838	Nguyễn Thị Anh Như	11/01/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	6.75	N1	3		1	17.3
113	40010089	Bùi Thị Kim Oanh	08/07/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	7.5	N1	2.6		1	18.45
114	40001442	Hồ Thị Kiều Oanh	15/10/2002	Nữ	A00	TO	8	LI	5.75	HO	6.75		1	21.25
115	40017884	Trần Minh Pháp	17/11/2002	Nam	D01	TO	5	VA	6.5	N1	5		1	17.25
116	40010102	Y- Phing H Long	11/08/2002	Nam	D01	TO	6.8	VA	6.5	N1	3.6	01	1	19.65
117	40013705	Đỗ Quốc Phong	20/06/2002	Nam	D07	TO	8	HO	5.5	N1	5		1	19.25
118	40018372	Nguyễn Hoàng Phúc	15/02/2002	Nam	A01	TO	8	LI	7.5	N1	8.6		1	24.85
119	28020626	Nguyễn Văn Phúc	10/11/2002	Nam	D01	TO	7	VA	8.25	N1	3.2		2NT	18.95
120	40018382	Trần Hoàng Phúc	04/11/2002	Nam	D01	TO	5.8	VA	6.25	N1	3.6		1	16.4
121	40004506	Bùi Sỹ Phước	05/02/2001	Nam	A00	TO	7.4	LI	5	HO	7		1	20.15
122	40018724	Lê Uyên Phương	26/04/2002	Nữ	A00	TO	6.6	LI	6.75	HO	4.25		1	18.35
123	26018282	Nguyễn Tiến Phương	29/10/2002	Nam	D01	TO	7.6	VA	6.25	N1	2.6		2NT	16.95
124	40018460	Lê Trung Quý	01/06/2002	Nam	D01	TO	6.8	VA	5.75	N1	5.2		1	18.5
125	42011502	Nguyễn Thị Ngọc Quý	17/07/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	8	N1	4.4		1	20.15
126	40018788	Hoàng Đỗ Anh Quyên	20/08/2002	Nữ	A01	TO	9.2	LI	7.5	N1	8.6		1	26.05
127	40006892	Ngô Thị Thảo Quyên	06/08/2002	Nữ	A01	TO	8	LI	7.25	N1	4.6		1	20.6
128	40018476	Phạm Gia Minh Quyên	05/10/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	7	N1	4.8		1	19.55
129	40018814	Đoàn Diễm Quỳnh	22/09/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	7.5	N1	3.6		1	18.25
130	40018833	Nguyễn Như Quỳnh	02/11/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	6.25	N1	6.2		1	20
131	40018865	Phan Thị Thúy Quỳnh	01/11/2002	Nữ	D01	TO	4.8	VA	6.5	N1	3	01	1	17.05
132	40013086	Phạm Thị Như Quỳnh	12/03/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	6	N1	6.2		1	20.95
133	40018871	Trần Thị Diễm Quỳnh	26/11/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	6	HO	7		1	21.35
134	40018898	Ksơr H' Ly Sa	04/03/2002	Nữ	D01	TO	4.6	VA	7.5	N1	5.6	01	1	20.45
135	40018914	Trần Nguyễn Ngọc Sang	24/11/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	6.75	N1	3.8		1	18.7
136	40002132	Trần Thanh Sang	13/11/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	8.25	HO	6.5		1	23.1
137	40010168	Phùng Thị Sao	20/10/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	7	N1	2.4		1	16.75
138	40018933	Đàm Văn Sơn	24/05/2002	Nam	A00	TO	7.6	LI	5.5	HO	7		1	20.85
139	40002145	Lý Bình Sơn	20/10/2002	Nam	A00	TO	7.2	LI	6.5	HO	4.75	01	1	21.2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
140	40010190	Hoàng Văn Tài	10/10/2001	Nam	D01	TO	8	VA	6.25	N1	2.4		1	17.4
141	40005496	Hoàng Quốc Tâm	29/04/2002	Nam	D01	TO	7.2	VA	6	N1	2.8		1	16.75
142	40019011	Lê Thị Tịnh Tâm	06/03/2002	Nữ	D01	TO	4	VA	7	N1	5.2		1	16.95
143	40019018	Nguyễn Minh Tâm	31/10/2002	Nam	D01	TO	6.4	VA	5.75	N1	3.2		1	16.1
144	40005499	Vũ Thị Tâm	20/10/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	7	N1	5.8		1	20.55
145	40019039	Nguyễn Minh Tân	29/05/2002	Nam	D01	TO	8.2	VA	6.75	N1	3.4		1	19.1
146	40019046	Y Tê Phan Êban	27/05/2002	Nam	D01	TO	5.8	VA	6.5	N1	4	01	1	19.05
147	40019073	Nguyễn Thị Thanh	13/08/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.25	N1	3.6		1	19.4
148	40019078	Phạm Từ Thái Thanh	14/08/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.25	N1	5.8		1	21.6
149	40002175	Nguyễn Thị Thảo	22/06/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7.5	N1	4.2		1	20.65
150	63004812	Nông Thu Thảo	23/11/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	8	N1	2.6	01	1	19.55
151	63002660	Trần Đức Thắng	29/05/2001	Nam	A00	TO	8.8	LI	6.25	HO	7.5		1	23.3
152	40017030	Đỗ Thị Thủy	09/02/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	5.75	N1	2		1	16.7
153	40011784	Lộc Thị Thúy	12/09/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	6.5	N1	5	01	1	22.05
154	40003433	Muộn Thị Thúy	20/02/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	6	N1	3.4		1	16.35
155	40017105	Nguyễn Ngọc Tiên	23/11/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	6.75	N1	4.6		1	19.3
156	40018034	Lã Trần Nhật Tiến	26/11/2002	Nam	D01	TO	8.4	VA	7.75	N1	7.6		1	24.5
157	40012300	Đàm Văn Tiện	18/04/2002	Nam	D01	TO	6.8	VA	5	N1	2.8	01	1	17.35
158	63005593	Lương Thị Tình	27/09/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	6.25	N1	2.6		1	16.4
159	40017477	Lại Văn Toàn	29/03/2002	Nam	D01	TO	8	VA	5.25	N1	7.6		1	21.6
160	40006296	Y Tơn Niê	18/10/2002	Nam	D01	TO	7.6	VA	5	N1	4.4	01	1	19.75
161	40018061	Đỗ Thị Kim Trà	12/02/2002	Nữ	D01	TO	9	VA	8.75	N1	5.8		1	24.3
162	63005604	H Trang	02/09/2001	Nữ	D01	TO	4.2	VA	7	N1	2.6	01	1	16.55
163	40018073	Nguyễn Đình Quỳnh Trang	14/06/2002	Nữ	A00	TO	6.8	LI	6.25	HO	5		1	18.8
164	40018081	Nguyễn Thị Thu Trang	09/03/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	7.25	HO	7.5		1	23.9
165	40017532	Quách Thị Thùy Trang	12/03/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	7.75	N1	4.8		1	20.9
166	40017533	Trần Thảo Trang	06/07/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	6	N1	5.2		1	19.15
167	40018103	H Trâm Hđơk	27/08/2002	Nữ	A01	TO	6.2	LI	6	N1	5.2	01	1	20.15
168	40018487	Lưu Minh Trí	18/12/2002	Nam	A00	TO	8	LI	7.5	HO	6.5		1	22.75

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
169	40013191	Nguyễn Thị Thu Trinh	23/08/2001	Nữ	D01	TO	7.6	VA	6.5	N1	4.8		1	19.65
170	40007069	Trần Thanh Trinh	12/06/2002	Nữ	A00	TO	6	LI	4.5	HO	6.5		1	17.75
171	63001712	Hồ Đăng Trọng	04/01/2002	Nam	D01	TO	6	VA	6.25	N1	3.2		1	16.2
172	40004731	Nguyễn Phi Trọng	20/01/2002	Nam	D01	TO	7.4	VA	5.5	N1	2.8		1	16.45
173	40019189	Bùi Thị Thanh Trúc	01/04/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	7.5	HO	5.5		1	22.15
174	40002254	Nguyễn Thị Thanh Trúc	02/01/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	5.75	HO	5.25		1	19.95
175	40017611	Nguyễn Thanh Trúc	11/07/2002	Nữ	D01	TO	5.8	VA	7.33	N1	5		1	18.88
176	40016073	Trần Thị Thanh Trúc	29/11/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	8.25	N1	4		1	19.8
177	38005546	Rơ Châm Lan Trung	05/04/2002	Nam	A01	TO	7.6	LI	7	N1	4.6	01	1	21.95
178	41011475	Cao Văn Trực	05/02/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	7.5	HO	7		2	22.55
179	63002747	Vũ Đăng Trường	09/10/2001	Nam	A00	TO	6	LI	5.75	HO	5.25		1	17.75
180	40008527	Lê Anh Tú	04/01/2001	Nam	D01	TO	7.4	VA	6.5	N1	3		1	17.65
181	63003262	Nguyễn Thị Ngọc Tú	11/02/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	4.75	HO	3.75		1	16.85
182	40008544	Y Tuấn Mlô	12/04/2002	Nam	D01	TO	7	VA	6	N1	2.4	01	1	18.15
183	40011033	Nguyễn Quốc Tùng	07/05/2002	Nam	D01	TO	7.4	VA	5	N1	3.8		1	16.95
184	63002762	Nguyễn Trung Tùng	12/02/2002	Nam	D01	TO	8.4	VA	7.25	N1	4.4		1	20.8
185	40002760	Nay Tuyên	01/01/2001	Nam	D01	TO	3.6	VA	5.75	N1	4.2	01	1	16.3
186	40009833	Nguyễn Thị Kim Tuyến	18/05/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	6	N1	4.6		1	19.95
187	40018520	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	04/01/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	7.5	N1	5		1	19.25
188	40018527	Trần Quang Tứ	20/02/2002	Nam	D01	TO	7	VA	6.5	N1	3.8		1	18.05
189	40018533	Bùi Tố Mai Uyên	10/03/2002	Nữ	D01	TO	5	VA	8.25	N1	4.2		1	18.2
190	40011803	Đặng Thị Phương Uyên	15/08/2002	Nữ	A00	TO	7.8	LI	7.25	HO	8.5		1	24.3
191	40019291	Nguyễn Diệu Uyên	14/05/2002	Nữ	A00	TO	7.2	LI	6.75	HO	4.25		1	18.95
192	40018556	Nguyễn Thảo Uyên	10/02/2002	Nữ	D01	TO	5	VA	7.25	N1	4.6		1	17.6
193	40002289	Ma Thị Về	22/04/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	7.25	HO	7	01	1	25.2
194	40002805	Vũ Thị Tường Vi	24/04/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	7	N1	4		1	18.15
195	40018613	Đinh Trương Triệu Vĩ	05/04/2002	Nam	D01	TO	7.4	VA	8	N1	6.2		1	22.35
196	40019361	Nguyễn Hồ Nguyên Vũ	13/01/2002	Nam	A00	TO	9	LI	6.25	HO	8.25		1	24.25
197	40019366	Phạm Nguyên Vũ	02/09/2002	Nam	A00	TO	7.2	LI	7	HO	7		1	21.95

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
198	40018657	Đỗ Quang Vương	04/11/2002	Nam	D01	TO	5.6	VA	6.5	N1	5.2		1	18.05
199	39003036	Ksor Tiểu Vương	05/08/2002	Nữ	D01	TO	4.6	VA	5.5	N1	3.2	01	1	16.05
200	40011828	Đặng Thị Thúy Vy	07/05/2002	Nữ	A00	TO	8	LI	7.5	HO	8.25		1	24.5
201	40018672	Lê Mai Vy	08/11/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	6.5	N1	3.4		1	18.05
202	40018675	Lê Thị Yến Vy	09/01/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	7	N1	7		1	22.75
203	40019403	Lê Hoài Vỹ	11/03/2002	Nam	A00	TO	8.2	LI	6.5	HO	7.75		1	23.2
204	63005692	Trần Thị Diệp Xuân	22/05/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	5.75	HO	8		1	22.9
205	40019411	Nguyễn Thị Như Ý	20/12/2002	Nữ	A00	TO	7	LI	5.5	HO	4.25		1	17.5
206	40018714	Y Zôn Byă	06/11/2002	Nam	D01	TO	4.8	VA	6.25	N1	3.6	01	1	17.4
207	38006311	Ksor H' Yang	03/10/2002	Nữ	D01	TO	4	VA	5.75	N1	3.8	01	1	16.3
208	40018718	H' Yer Knul	06/04/2002	Nữ	D01	TO	5.8	VA	6.5	N1	5.6	01	1	20.65
209	40006456	Y Yôel Kbuôr	12/01/2002	Nam	A01	TO	5.4	LI	5.25	N1	5	01	1	18.4
210	40016121	H - Yơng Mlô	15/04/2001	Nữ	D01	TO	3.4	VA	7.25	N1	5.2	01	1	18.6
**** 7340121 - Kinh doanh thương mại***														
1	40014071	Trần Ngọc An	23/10/2002	Nam	D01	TO	5.4	VA	7	N1	3.8		1	16.95
2	40014581	Phạm Tuấn Dũng	01/01/2002	Nam	D01	TO	6.4	VA	6.75	N1	2.2		1	16.1
3	40005064	Triệu Thị Trà Giang	23/04/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	5.75	N1	3.4	01	1	17.9
4	40015768	Trần Lê Phương Hồng	01/05/2002	Nữ	D01	TO	5.8	VA	6.25	N1	3.2		1	16
5	40014754	Hoàng Thị Ngọc Huyền	12/09/2002	Nữ	D07	TO	6.6	HO	5.25	N1	4.8		1	17.4
6	40017246	Nguyễn Thị Cẩm Ly	29/03/2002	Nữ	A00	TO	7	LI	5	HO	8.25		1	21
7	40008195	Niê Mina	26/11/2002	Nữ	D01	TO	3.8	VA	6.75	N1	3.4	01	1	16.7
8	01063005	Nguyễn Văn Minh	06/07/2002	Nam	D01	TO	6	VA	6	N1	6.4		2	18.65
9	40002007	Hoàng Thị Lê Na	25/03/2002	Nữ	A00	TO	7.8	LI	6	HO	6.25		1	20.8
10	40017364	Trần Nguyễn Hoài Nam	21/05/2002	Nam	D01	TO	6.6	VA	6	N1	4		1	17.35
11	40017373	H Ne Ra Niê	29/06/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	6.5	N1	7.8	01	1	24.45
12	40000852	Đỗ Duy Cao Nguyên	15/05/2002	Nam	A00	TO	7.2	LI	5.25	HO	7.25		1	20.45
13	40010059	Đoàn Ngọc Cẩm Nhi	21/04/2002	Nữ	A00	TO	8.6	LI	5.75	HO	5.5		1	20.6
14	40008275	Lưu Thị Hương Nhi	28/06/2002	Nữ	A00	TO	7.4	LI	6	HO	5.75		1	19.9
15	40010917	Phan Yến Nhi	30/08/2001	Nữ	A01	TO	8.4	LI	7.75	N1	6.2		1	23.1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
16	40017794	Phạm Thành Nhơn	19/02/2002	Nam	D01	TO	6	VA	5.75	N1	3.6		1	16.1
17	40018277	Đinh Thị Hồng Nhung	21/07/2002	Nữ	A00	TO	8.8	LI	7	HO	7		1	23.55
18	40006836	Bùi Thị Quỳnh Như	22/09/2002	Nữ	A00	TO	7.8	LI	6.5	HO	6		1	21.05
19	40017850	Y Yin Niê	24/07/2002	Nam	D01	TO	7.8	VA	7	N1	3.2	01	1	20.75
20	40009278	Võ Văn Phi	15/09/2001	Nam	A00	TO	7	LI	7	HO	7.25		1	22
21	63004272	Nguyễn Trọng Phúc	21/07/2002	Nam	D01	TO	6	VA	6.25	N1	2		1	15
22	40018454	Đặng Vũ Minh Quốc	16/09/2002	Nam	D01	TO	6.6	VA	6	N1	4.2		1	17.55
23	40019001	Vương Quốc Tài	27/08/2002	Nam	A00	TO	6	LI	6.5	HO	3.5		1	16.75
24	40005500	Nguyễn Linh Tân	21/02/2002	Nam	D01	TO	6.6	VA	5.25	N1	3.2		1	15.8
25	40019063	Đỗ Duy Thanh	12/11/2002	Nam	D01	TO	7.2	VA	7.25	N1	6		1	21.2
26	38000113	Rahlan Siu Thiên	20/09/2002	Nam	D01	TO	5.6	VA	4.75	N1	2.8	01	1	15.9
27	40000399	Phan Văn Thông	25/04/2002	Nam	A00	TO	8.8	LI	6.25	HO	8.5		1	24.3
28	40017001	Trần Triệu Thông	01/07/2002	Nam	D01	TO	6.4	VA	5	N1	5.2		1	17.35
29	40004633	Nguyễn Thị Thu Thủy	21/10/2002	Nữ	D01	TO	5.4	VA	8	N1	5		1	19.15
30	40011785	Nguyễn Thị Thanh Thúy	12/05/2002	Nữ	D01	TO	4.4	VA	6.5	N1	3.4		1	15.05
31	40017096	Trương Ngọc Anh Thy	12/06/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	8.25	N1	9.6		1	27.2
32	63003215	Vũ Thị Thu Trang	22/02/2002	Nữ	A00	TO	7.8	LI	6.75	HO	6.75		1	22.05
33	40018137	Phan Oanh Tú	12/10/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	7.5	N1	3.6		1	18.85
34	40018514	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	02/11/2002	Nữ	D01	TO	5.6	VA	5	N1	3.8		1	15.15
35	40008049	Phạm Ngọc Kim Tuyến	06/05/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	6	N1	4.4		1	18.75
36	63005663	Trần Quang Tưởng	24/03/2002	Nam	A00	TO	8	LI	5	HO	6.5		1	20.25
37	40018611	Nguyễn Yến Vi	15/08/2002	Nữ	D01	TO	5.6	VA	5.5	N1	3.2		1	15.05
38	63003336	Nguyễn Xuân Vinh	08/05/2001	Nam	D01	TO	6.4	VA	5.5	N1	2.4		1	15.05
39	40019358	Lê Đặng Hoàng Vũ	28/11/2002	Nam	A00	TO	5.8	LI	4.25	HO	4.75		1	15.55
40	40000495	Lê Thành Vương	27/05/2002	Nam	A00	TO	6.8	LI	4	HO	6.25		1	17.8
41	40019385	Nguyễn Đỗ Hồng Vy	20/09/2002	Nữ	D07	TO	7	HO	7.75	N1	8		1	23.5
42	40018683	Nguyễn Thị Phương Vy	06/01/2002	Nữ	D01	TO	5.6	VA	7.25	N1	2.2		1	15.8
**** 7340201 - Tài chính - Ngân hàng***														
1	40009457	Nguyễn Thị Thái An	13/10/2001	Nữ	A00	TO	8.4	LI	6.5	HO	5.75		1	21.4

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
2	40003521	Hoàng Thị Ngọc Anh	08/10/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	9	N1	5.8		1	23.55
3	40014143	Lương Nguyễn Trâm Anh	28/01/2002	Nữ	A01	TO	8	LI	6.25	N1	6.4		1	21.4
4	63002840	Nguyễn Thị Mai Anh	18/12/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	7.75	N1	4.6		1	19.5
5	40014198	Trần Duy Anh	16/12/2002	Nam	D01	TO	6.4	VA	5.25	N1	4.2		1	16.6
6	40014289	Lê Kim Quốc Bảo	21/01/2002	Nam	A00	TO	7.4	LI	5.5	HO	5.5		1	19.15
7	30012187	Lê Thanh Bình	12/12/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	6.25	N1	3.8		2NT	18.15
8	38010828	Chẽm	23/06/2002	Nữ	D01	TO	5.6	VA	6.25	N1	2.8	01	1	17.4
9	40002411	Hoàng Thị Kim Cúc	20/06/2002	Nữ	A00	TO	7.4	LI	7.75	HO	6.25	01	1	24.15
10	40015621	Đỗ Thanh Hào	02/09/2001	Nam	D01	TO	4.8	VA	5.5	N1	4.2		1	15.25
11	40010808	Bùi Thị Diễm Hằng	22/09/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	6	N1	5.2		1	18.75
12	37008633	Lưu Thị Lê Hằng	15/10/2002	Nữ	A01	TO	7.4	LI	7	N1	6.8		1	21.95
13	40007783	Trần Thị Thu Hằng	22/09/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.25	N1	2.6		1	18.4
14	40015195	Chu Huỳnh Bảo Hân	01/05/2002	Nữ	D01	TO	5	VA	5.25	N1	4		1	15
15	40009650	Nguyễn Thu Hiền	05/12/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	6.5	N1	4.6		1	18.65
16	63000311	Nguyễn Thị Thảo Hiếu	12/11/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	8	N1	6.8		1	22.75
17	63004593	Lục Thị Hồi	14/03/2002	Nữ	A00	TO	7.8	LI	6.25	HO	8	01	1	24.8
18	40015812	Nguyễn Văn Huy	16/08/2002	Nam	D01	TO	4.8	VA	6.5	N1	4		1	16.05
19	40008155	Phạm Nữ Hồng Khuyên	05/04/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	6.75	N1	3.2		1	17.7
20	63000575	Nguyễn Tùng Lâm	05/08/2002	Nam	A00	TO	8.2	LI	7	HO	7.5		1	23.45
21	40017156	Đinh Quỳnh Liên	02/09/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7.25	N1	4.8		1	20.2
22	40009940	Đàm Thị Phương Linh	12/05/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	6	N1	5.2		1	17.95
23	63005254	Đặng Thị Thùy Linh	10/12/2002	Nữ	A00	TO	7.2	LI	6	HO	5.25		1	19.2
24	40001945	Nguyễn Thị Linh	11/04/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	6.75	N1	2.8		1	17.3
25	40009985	Nguyễn Thị Ly	23/05/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7.25	N1	5.4		1	20.8
26	41009868	Nguyễn Thị Ngọc Mi	06/06/2001	Nữ	A00	TO	6.4	LI	7.75	HO	6.5		2	20.9
27	63004224	Nguyễn Thị Trà My	18/06/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	6	N1	3.4		1	16.55
28	40007962	Đặng Ngọc Nam	01/06/2001	Nam	A00	TO	8.4	LI	6.75	HO	4.25		1	20.15
29	40017392	H' Ngân Niê	18/04/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	8	N1	4.2	01	1	22.15
30	40005866	Y Nguin Êban	18/08/2002	Nam	D01	TO	7	VA	5.5	N1	4.4	01	1	19.65

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
31	40005895	Trương Nhân	07/03/2002	Nam	A00	TO	6.8	LI	8	HO	4		1	19.55
32	40004412	Nguyễn Văn Nhật	10/03/2002	Nam	A00	TO	7	LI	6.5	HO	5.25		1	19.5
33	41001573	Nguyễn Hoàng Tú Nhi	25/09/2002	Nữ	A00	TO	7.8	LI	5.75	HO	6.25		1	20.55
34	40010070	Võ Thụy Mai Nhi	29/10/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	6.75	N1	2.6		1	17.7
35	40017809	Nguyễn Đỗ Tuyết Nhung	10/05/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	5.25	N1	3.2		1	15.4
36	40010086	Nguyễn Thị Nương Nương	11/09/2002	Nữ	D01	TO	5.2	VA	7.75	N1	2.6		1	16.3
37	40017925	Nguyễn Tấn Phúc	19/02/2002	Nam	D01	TO	7.4	VA	6.75	N1	3.2		1	18.1
38	40008348	Nguyễn Trường Quân	26/02/2002	Nam	D01	TO	7.2	VA	5.25	N1	3.2		1	16.4
39	40018467	H' Quyên Êban	29/11/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	5.75	N1	4.4	01	1	19.5
40	40018800	Phạm Văn Quyến	18/12/2002	Nam	D07	TO	8.2	HO	6.25	N1	5.2		1	20.4
41	40006068	Y: Quyn - Niê	15/05/2002	Nam	D01	TO	5.4	VA	6	N1	3.8	01	1	17.95
42	40018912	Nguyễn Thanh Sang Êban	24/04/2002	Nam	D01	TO	5.8	VA	4.75	N1	3.2	01	1	16.5
43	40013805	Mông Văn Thái	25/11/2002	Nam	A00	TO	7.2	LI	5	HO	6.25	01	1	21.2
44	40001526	Phạm Thị Thảo	19/01/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	7.25	N1	5		1	19
45	40008931	Vũ Ngọc Thắng	24/04/2001	Nam	A00	TO	8	LI	7.5	HO	6.25		1	22.5
46	40000388	Cao Ngọc Thanh Thế	04/09/2002	Nam	D01	TO	7.8	VA	7	N1	3.6		1	19.15
47	40017002	Trịnh Đình Thông	09/06/2002	Nam	D01	TO	6.6	VA	6	N1	3.2		1	16.55
48	40009384	Trịnh Thị Thuận	19/09/2001	Nữ	D01	TO	6	VA	6.25	N1	3.4		1	16.4
49	40017025	Lê Thị Thùy	13/05/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	6	N1	5		1	17.95
50	40017964	Hàn Lê Phương Thùy	30/01/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	7.25	N1	6		1	22
51	40012281	Nguyễn Thị Kiều Thương	26/09/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	6.25	N1	3.8		1	17.4
52	40004679	Lê Thanh Toàn	18/03/2002	Nam	A00	TO	7.4	LI	6.75	HO	4.75		1	19.65
53	40007044	Đoàn Thị Huyền Trang	16/04/2001	Nữ	A00	TO	7	LI	6.75	HO	7		1	21.5
54	40017508	Lê Hiền Trang	17/06/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	4.5	N1	3.6		1	16.45
55	40017609	Huỳnh Thanh Trúc	01/01/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7.5	N1	6.6		1	22.25
56	40002744	Nguyễn Quốc Tuấn	04/05/2002	Nam	A00	TO	6.2	LI	5.25	HO	3.5		1	15.7
57	40018540	H' Uyên Niê	09/01/2002	Nữ	D01	TO	5.4	VA	6	N1	3.6	01	1	17.75
58	63000497	Trịnh Nguyên Tố Uyên	13/05/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	6.25	HO	7.5		1	22.1
59	40008076	Trần Thị Thu Vân	17/06/2001	Nữ	D01	TO	8.2	VA	6.5	N1	4.4		1	19.85

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
60	40002845	Mai Thị Thanh Xuân	09/02/2002	Nữ	D01	TO	5.6	VA	6.5	N1	3		1	15.85
61	40018712	Trịnh Thị Như Ý	09/12/2001	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.5	N1	6		1	22.05
62	40018713	Y Dung Buôn Dap	01/02/2002	Nam	D01	TO	6.8	VA	6	N1	3.2	01	1	18.75
**** 7340301 - Kế toán***														
1	40014090	Đặng Phương Mai Anh	03/04/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	7.5	HO	7.25		1	23.7
2	63002821	Lê Đặng Kiều Anh	03/08/2002	Nữ	A01	TO	7.6	LI	7.75	N1	3.8		1	19.9
3	40014155	Nguyễn Ngọc Kim Anh	04/07/2001	Nữ	A00	TO	7.4	LI	4.75	HO	7		1	19.9
4	40000004	Nguyễn Thị Lan Anh	23/06/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	6.25	HO	7		1	21.6
5	40014181	Phạm Thị Ngọc Anh	03/12/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7	N1	4		1	19.55
6	40014207	Trần Thị Quỳnh Anh	12/10/2002	Nữ	D01	TO	8.8	VA	6.75	N1	4.2		1	20.5
7	63004022	Vũ Thị Quỳnh Anh	27/01/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	6	N1	5.4		1	20.15
8	40014230	Lê Huỳnh Ngọc Ánh	11/01/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	7	N1	4.6	01	1	22.35
9	40014257	H' Axilin Niê	25/01/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7.5	N1	6	01	1	24.45
10	40014336	H Bin Mlô	07/12/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	8.5	N1	3.8	01	1	21.45
11	40014357	Trần Thị Thanh Bình	23/01/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	8	N1	3.4		1	19.35
12	40004858	H' Bizơ Niê	03/05/2002	Nữ	D01	TO	5	VA	4.5	N1	3.6	01	1	15.85
13	40007212	Lê Thị Diệp	19/12/2002	Nữ	D01	TO	5.8	VA	6.42	N1	3.8		1	16.77
14	40007663	Nguyễn Trần Quỳnh Diệp	03/01/2002	Nữ	A00	TO	8.6	LI	6.75	HO	6.75		1	22.85
15	40014582	Trần Văn Dũng	25/02/2001	Nam	D01	TO	5.6	VA	5.75	N1	3.6		1	15.7
16	40014609	Trương Thị Duyên	17/02/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	7	N1	3.8		1	18.75
17	40014616	Châu Thị Thuỳ Dương	13/07/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	6.5	N1	4.6		1	18.85
18	40005004	Nguyễn Trung Đạt	08/02/2000	Nam	A00	TO	7.4	LI	4.25	HO	6.5		1	18.9
19	40010648	Võ Ngọc Điềm	05/06/2002	Nữ	A00	TO	8	LI	7	HO	7.25		1	23
20	40010657	Nguyễn Thị Định	28/07/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	5.75	N1	3.8		1	16.9
21	40015548	Nguyễn Thục Đoan	01/06/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	7.75	N1	6.2		1	21.9
22	40006573	Lê Thị Thanh Giang	08/03/2002	Nữ	A00	TO	6.8	LI	7	HO	6.75		1	21.3
23	40015122	Phạm Thị Hương Giang	29/09/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	6.25	N1	4.4		1	19.4
24	40015136	Đặng Thị Bích Hà	24/03/2002	Nữ	D01	TO	5.6	VA	7	N1	3.4		1	16.75
25	38006038	Nguyễn Thị Thu Hà	02/08/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	7.75	HO	5.25		1	21.35

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
26	40015181	Lê Dương Thúy Hằng	23/03/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	7	N1	5		1	19.55
27	40005113	Nguyễn Thị Hằng	15/06/2002	Nữ	D01	TO	5.2	VA	6	N1	4.6		1	16.55
28	40005126	Trần Thị Tuyết Hân	08/11/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	7	N1	4.4		1	19.75
29	40015237	Cao Văn Hiền	20/01/2002	Nam	D01	TO	6.6	VA	5.5	N1	5.6		1	18.45
30	40015248	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/08/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	6.5	N1	2.8		1	16.85
31	40015305	Đặng Thị Thanh Hoa	29/06/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	5.75	N1	5		1	19.1
32	40015327	Lưu Thị Hoài	17/02/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	7.33	N1	5.2		1	20.28
33	40016135	Ngô Minh Hoàng	08/10/2002	Nam	A00	TO	7	LI	6.5	HO	7.5		1	21.75
34	41010714	Võ Xuân Ánh Hồng	19/07/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	7.5	N1	3.6		2	17.35
35	40015770	H' Huen Niê	27/08/2002	Nữ	D01	TO	5.6	VA	8.25	N1	3.4	01	1	20
36	40003914	Đinh Nguyễn Thanh Huyền	24/04/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	5.5	N1	5.2		1	18.45
37	23007307	Bùi Thị Hà Khánh	21/02/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	6.75	N1	4	01	1	19.5
38	45004710	Nguyễn Thị Hoài Kiên	26/12/2002	Nữ	D01	TO	5.8	VA	6.75	N1	3.2		2NT	16.25
39	40016459	Nguyễn Thị Thúy Lài	12/05/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	5.5	N1	3.2		1	15.85
40	63004643	Bế Thị Lan	18/01/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	6.5	N1	4	01	1	21.05
41	38009730	Kpă H' Lão	16/01/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	6.75	N1	3.6	01	1	19.1
42	40009954	Phạm Thị Thùy Linh	11/11/2002	Nữ	A00	TO	7.2	LI	5	HO	5.75		1	18.7
43	40016831	Trần Ngọc Linh	14/05/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	6.5	N1	5.4		1	19.45
44	40009137	Dương Thị Như Ly	19/08/2002	Nữ	A00	TO	7.4	LI	7.25	HO	8.5		1	23.9
45	40005728	Nguyễn Thị Mỹ Ly	15/03/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	6.75	N1	4.4		1	19.9
46	40016893	Trần Thị Khánh Ly	25/10/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	6.5	N1	6.2		1	21.45
47	40017248	Trịnh Thị Thu Ly	14/09/2002	Nữ	A00	TO	6.6	LI	4	HO	7		1	18.35
48	40011887	Bùi Thị Mai	28/06/2002	Nữ	A00	TO	6.8	LI	4.75	HO	5.75		1	18.05
49	38004117	Rơ Ô H' Mlăch	21/11/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	6.25	N1	5.2	01	1	21
50	40016954	Nguyễn Ngọc Trúc My	21/02/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	6.5	N1	3.4	01	1	20.25
51	63002519	Nguyễn Thị Hà My	22/03/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7	N1	3.2		1	18.35
52	63004225	Nguyễn Thị Trà My	26/05/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	5.25	N1	3.6		1	15.8
53	40016962	Tạ Ngọc My	07/02/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	6.75	N1	3.2		1	17.3
54	40017328	Trần Thy Na	26/02/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7.5	N1	6		1	22.45

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
55	40017405	Phạm Thị Thanh Ngân	24/08/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	8	N1	7		1	23.35
56	40017665	Buôn Dap Như Ngọc	10/06/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	5	N1	6.2	01	1	21.75
57	40018154	Dương Thị Thanh Ngọc	24/11/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	6.5	HO	7		1	22.65
58	40001401	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	15/06/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	6.5	N1	3		1	17.65
59	63003585	Phạm Thị Bích Ngọc	02/02/2002	Nữ	A00	TO	8.6	LI	6.25	HO	6.25		1	21.85
60	38003823	Nay Ngok	30/05/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	7.5	HO	6.5	01	1	24.55
61	40007386	Đào Thị Mỹ Nguyên	08/07/2002	Nữ	D01	TO	5	VA	7	N1	3.8		1	16.55
62	40018190	Lường Thị Nguyên	20/10/2002	Nữ	A00	TO	5.6	LI	3.25	HO	6.75	01	1	18.35
63	38009794	Ksor H' Nha	26/01/2001	Nữ	D01	TO	4.2	VA	7	N1	2.8	01	1	16.75
64	40017721	Nguyễn Đoàn Xuân Nhã	30/07/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	8	N1	5.2		1	22.15
65	45004765	Nguyễn Thị Hoài Nhẫn	26/12/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	6.5	N1	4.2		2NT	18.8
66	40006823	Bùi Thị Lệ Nhi	22/09/2002	Nữ	A00	TO	8.6	LI	7	HO	7		1	23.35
67	40005912	Lâm Tâm Nhi	07/01/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	6.25	N1	1.8		1	15.6
68	40018258	Nguyễn Đoàn Thục Nhi	13/04/2002	Nữ	A00	TO	7.8	LI	6.5	HO	7		1	22.05
69	40017786	Trần Xuân Nhi	14/10/2002	Nữ	D01	TO	5.2	VA	7.25	N1	2.6		1	15.8
70	40005934	Ngô Thảo Nhung	23/06/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	7.75	N1	4.8		1	21.1
71	40012027	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	12/08/2001	Nữ	D01	TO	7	VA	8	N1	5.8		1	21.55
72	63000732	Phan Thị Nhung	23/01/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	6	N1	5		1	19.15
73	40004463	Nguyễn Quỳnh Như	15/10/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	8.25	N1	3.8		1	20
74	63003661	Văn Quỳnh Như	10/04/2002	Nữ	A00	TO	8.6	LI	4.75	HO	5.25		1	19.35
75	40018307	Lê Thị Nở	10/07/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	6.25	N1	4.2		1	19
76	40008303	H Nĕp Mlô	23/01/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	5.25	N1	3	01	1	17.4
77	40012100	Dương Thị Lan Phương	18/04/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	7.5	N1	5.2	01	1	24.05
78	40018415	Đỗ Thị Kim Phương	10/02/2002	Nữ	D01	TO	5.8	VA	6.75	N1	2.6		1	15.9
79	40018416	Hà Thị Phương	19/09/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	7.25	N1	4	01	1	22.6
80	40006869	Nguyễn Thị Lan Phương	27/06/2002	Nữ	D01	TO	6	VA	7.5	N1	4.2		1	18.45
81	38004370	Nguyễn Thị Mỹ Phương	16/08/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	7	N1	4.4		1	19.15
82	40010121	Tần Mỹ Phương	20/07/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	8	N1	4.4		1	20.35
83	40018791	Lưu Thị Nhật Quyên	15/03/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	7.75	HO	8	01	1	26.9

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
84	40018882	Vũ Thị Diễm Quỳnh	17/11/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	7.25	HO	7.25		1	23.45
85	40012198	H Rê A Bkrông	28/05/2002	Nữ	D01	TO	5.6	VA	7	N1	3.4	01	1	18.75
86	40015975	Nguyễn Công Sơn	15/12/1997	Nam	A01	TO	6	LI	4	N1	4	03	1	16.75
87	40018969	Nguyễn Văn Sỹ	05/07/2002	Nam	A00	TO	7.4	LI	5	HO	7		1	20.15
88	40008911	Dương Thị Tài	03/04/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	6.75	N1	3.4		1	18.1
89	40007994	Nguyễn Mỹ Tâm	10/09/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	6.75	N1	6		1	20.5
90	40019029	Trương Thị Thanh Tâm	22/07/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	5.75	N1	3.4		1	17.9
91	40011656	Nguyễn Thị Thanh Tân	03/03/2002	Nữ	D01	TO	7.8	VA	5.25	N1	5.2		1	19
92	40013149	Ngô Thị Ngọc Thanh	08/11/2002	Nữ	D01	TO	6.8	VA	5.75	N1	4.2		1	17.5
93	40019071	Nguyễn Thị Kim Thanh	11/07/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	8.5	HO	5.25		1	22.9
94	40013818	Vũ Đình Thành	21/06/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	6.25	HO	4.25		1	19.05
95	40005526	Nguyễn Thị Thao	12/02/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	7.08	N1	4		1	19.03
96	40003362	Cao Thị Phương Thảo	10/12/2001	Nữ	A00	TO	7.6	LI	6.25	HO	5.75		1	20.35
97	40017430	Nguyễn Thị Thu Thảo	18/07/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	3.5	HO	8		1	20.45
98	40006968	Nguyễn Thị Thu Thảo	30/08/2002	Nữ	A00	TO	7.4	LI	6.75	HO	5		1	19.9
99	40004149	Nguyễn Thị Thu Thảo	14/01/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	8.5	N1	2.6		1	19.25
100	38007649	Vũ Thị Phương Thảo	27/10/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	8.5	N1	4		1	20.25
101	40010219	Hoàng Thị Hồng Thắm	15/11/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	5.5	N1	3.6		1	16.45
102	40002187	Nguyễn Thị Mai Thiên	14/01/2002	Nữ	A00	TO	7.8	LI	7.25	HO	6.75		1	22.55
103	63004335	Nguyễn Đức Thiện	12/07/2002	Nam	A01	TO	9	LI	8.25	N1	6.8		1	24.8
104	40017008	Nguyễn Thị Thơm	29/12/2002	Nữ	D01	TO	8.4	VA	8.5	N1	4.6	01	1	24.25
105	38004180	Phạm Thị Thùy	11/12/2002	Nữ	D01	TO	7.6	VA	8.5	N1	4.4		1	21.25
106	38011070	Thẩm Thu Thủy	29/05/2002	Nữ	A00	TO	6.4	LI	5	HO	4.75	01	1	18.9
107	40010254	Nguyễn Hoàng Đan Thuyên	30/06/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	7	N1	4.4		1	18.35
108	40017065	Trần Anh Thư	27/04/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	5.75	N1	3.6		1	17.1
109	40001555	Võ Thị Anh Thư	03/02/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	7.75	N1	3		1	17.7
110	40013931	Lê Thị Vân Thương	04/10/2002	Nữ	D01	TO	7	VA	6	N1	3		1	16.75
111	40018022	Nguyễn Lê Quỳnh Tiên	17/09/2002	Nữ	A00	TO	7.8	LI	6	HO	8		1	22.55
112	40017115	Vũ Thị Thủy Tiên	07/04/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	7.5	N1	3.8		1	18.65

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
113	40017493	Bùi Thị Mỹ Trà	12/09/2002	Nữ	D01	TO	8.4	VA	7.75	N1	6.8		1	23.7
114	63003963	Nguyễn Thị Thanh Trà	22/03/2002	Nữ	D01	TO	5	VA	6.75	N1	3.4		1	15.9
115	40010279	H- Tra - Byă	25/04/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	7	N1	4.6	01	1	22.55
116	40002231	Hồ Thị Thu Trang	07/08/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	7	HO	6.25		1	22.4
117	40007046	Lê Thị Huyền Trang	13/08/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	7	N1	3.8		1	17.95
118	40017528	Phạm Thị Huyền Trang	16/03/2002	Nữ	D01	TO	3.6	VA	7.75	N1	3.8		1	15.9
119	40009443	Trần Thị Thùy Trang	01/02/2002	Nữ	A00	TO	6.6	LI	5.5	HO	7.75		1	20.6
120	40009447	Văn Thị Huyền Trang	25/11/2002	Nữ	D01	TO	5	VA	6.25	N1	4.2		1	16.2
121	40012364	Huỳnh Thị Bảo Trâm	10/01/2003	Nữ	A01	TO	6	LI	7.5	N1	5		1	19.25
122	40017546	Lê Ngọc Bảo Trâm	19/06/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	6.75	N1	2.4		1	17.3
123	40007057	Nguyễn Thị Hoài Trâm	08/12/2002	Nữ	A00	TO	8.2	LI	7.5	HO	4.75		1	21.2
124	40006333	Đặng Ngọc Trân	24/01/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	5.75	N1	4	01	1	19.1
125	40017596	Nguyễn Thùy Phương Trinh	25/04/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	7.25	N1	3.4		1	19.4
126	43005423	Bùi Hoàng Phương Trúc	21/12/2002	Nữ	A00	TO	7.4	LI	7	HO	7.25	01	1	24.4
127	40001077	Tô Thị Tư	08/11/2002	Nữ	D01	TO	6.6	VA	7	N1	3.8	01	1	20.15
128	40011799	Phạm Thị Tươi	29/07/2002	Nữ	A00	TO	6.4	LI	6.5	HO	4.25		1	17.9
129	40018547	Lê Thị Thu Uyên	17/02/2002	Nữ	D01	TO	8.6	VA	6.75	N1	8.2		1	24.3
130	40019311	Trần Thế Văn	15/12/2002	Nam	D07	TO	4.6	HO	7	N1	4.6		1	16.95
131	40007118	Huỳnh Thị Kiều Vân	30/06/2002	Nữ	A00	TO	7	LI	6.25	HO	4.5		1	18.5
132	36003598	Đỗ Xuân Việt	21/07/2002	Nam	A00	TO	8.8	LI	8.5	HO	9.75		1	27.8
133	40018636	Bùi Hữu Anh Vũ	04/11/2002	Nam	D01	TO	8	VA	4.75	N1	2.8		1	16.3
134	40019383	Lương Mai Thảo Vy	06/11/2002	Nữ	A00	TO	7	LI	4.25	HO	6.25		1	18.25
135	40018684	Nguyễn Thị Thảo Vy	04/01/2002	Nữ	D01	TO	8	VA	6.25	N1	4.8		1	19.8
136	63003993	Trần Nữ Yến Vy	22/09/2002	Nữ	D01	TO	7.4	VA	7.5	N1	4.2		1	19.85
137	40009893	Tăng Thượng Win	01/11/2001	Nam	D01	TO	7	VA	6.25	N1	3		1	17
138	40001650	Huỳnh Thị Hồng Xuân	24/11/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	5.75	N1	3.2		1	16.1
139	40008134	H Yên Mlô	24/01/2002	Nữ	D01	TO	7.2	VA	7	N1	3.4	01	1	20.35
140	63002802	Nguyễn Hải Yến	14/05/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	6.25	N1	5		1	18.4
141	28029369	Nguyễn Thị Hải Yến	26/02/2002	Nữ	D01	TO	8.2	VA	8.5	N1	5.4		2NT	22.6

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
** 7420201 - Công nghệ sinh học*														
1	63003363	Phan Thanh Hiếu	02/09/2002	Nam	B00	TO	5.4	HO	4.5	SI	6		1	16.65
2	40016269	Nguyễn Xuân Huynh	17/06/2002	Nam	B00	TO	7.6	HO	6.25	SI	6.75		1	21.35
3	45003102	Trần Trung Nghĩa	25/12/2002	Nam	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	7.5		2NT	24.85
4	40018278	Hoàng Thị Nhung	13/09/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	7.5	SI	8.5		1	25.95
5	63000990	Nguyễn Quốc Phát	19/11/2002	Nam	A00	TO	6.4	LI	5.5	HO	6.5		1	19.15
6	42001721	Kơ Triá K' Phiếu	21/04/2000	Nữ	B00	TO	6.4	HO	7.25	SI	7	01	1	23.4
7	45000229	Ngư Thị Sung Sướng	12/08/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	5.5	SI	6.5	01	1	22.15
8	40016599	Y' Thuel H' Đơk	04/03/1998	Nam	B00	TO	6	HO	5.5	SI	5.5	01	1	19.75
9	35008355	Nguyễn Anh Tú	10/12/2002	Nam	D08	TO	6.8	SI	6.25	N1	6.2		2NT	19.75
10	63004420	Nguyễn Tường Vy	23/03/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	5.75	SI	6.75		1	21.05
11	42005304	Hoàng Hải Yến	04/12/2002	Nữ	A00	TO	7	LI	5.25	HO	5.5		1	18.5
** 7480201 - Công nghệ thông tin*														
1	40003565	Y Biêp Mlô	06/03/2001	Nam	A00	TO	5.8	LI	5.5	HO	5.5	01	1	19.55
2	40007208	Phạm Hữu Cương	18/02/2002	Nam	A00	TO	5.4	LI	6.5	HO	5.75		1	18.4
3	40007682	Nguyễn Quốc Duy	19/09/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	8.5	HO	8		1	25.05
4	63004516	Nông Hà Dương	07/05/2002	Nam	A00	TO	6.8	LI	6	HO	7	01	1	22.55
5	40015573	Đinh Ngọc Hương Giang	30/06/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	5	HO	6.5		1	20.65
6	41009764	Nguyễn Trọng Hào	18/12/2002	Nam	A00	TO	6.8	LI	5.5	HO	4.5		2	17.05
7	41009779	Huỳnh Hoàng Hiến	05/04/1998	Nam	A00	TO	8.4	LI	5	HO	4		1	18.15
8	40015683	Cáp Văn Ngọc Hiếu	09/10/2002	Nam	A00	TO	7.2	LI	5.5	HO	6.25		1	19.7
9	40015721	Nguyễn Quang Hòa	25/12/2001	Nam	A01	TO	9	LI	6	N1	6.6		1	22.35
10	40015729	Bùi Văn Hoàng	02/01/2001	Nam	A00	TO	6.6	LI	6	HO	4.5		1	17.85
11	38004887	Đặng Văn Hoàng	02/03/2002	Nam	A00	TO	8.4	LI	6.25	HO	8.25		1	23.65
12	40006641	Trần Văn Hội	20/01/2002	Nam	A00	TO	7	LI	6	HO	4.5		1	18.25
13	63004144	Phạm Đức Huân	02/04/2002	Nam	A00	TO	5.6	LI	4.75	HO	5.75		1	16.85
14	40000702	Triệu Thị Huệ	11/05/2002	Nữ	A00	TO	8	LI	6.25	HO	7.5	01	1	24.5
15	40016200	Hoàng Đoàn Quốc Huy	27/10/2001	Nam	A00	TO	6.8	LI	6.75	HO	7.25		1	21.55

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
16	40016205	Huỳnh Minh Huy	03/05/2002	Nam	A00	TO	7.6	LI	5.75	HO	7.5		1	21.6
17	40003904	Mông Đức Huy	12/06/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	4.5	HO	5.75	01	1	20.8
18	40007866	Phan Nguyễn Dương Huy	25/10/2002	Nam	A00	TO	6.8	LI	4.25	HO	4		1	15.8
19	40009059	Văn Thị Mai Lệ Huyền	18/06/2001	Nữ	A00	TO	7.4	LI	6.75	HO	6.5		1	21.4
20	40016268	Vũ Ngọc Bích Huyền	29/01/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	4.5	HO	5.75		1	18.6
21	40016385	Đinh Nguyễn Lê Khoa	11/12/2002	Nam	A00	TO	4	LI	3	HO	5.75	01	1	15.5
22	40013459	Lý Đức Long	05/07/2002	Nam	A00	TO	7	LI	7	HO	6.25	01	1	23
23	40017619	Vương Đình Bảo Long	21/05/2002	Nam	A00	TO	7.4	LI	6	HO	5.75		1	19.9
24	38010952	Nay Sa Ma	28/02/2002	Nam	A00	TO	6.2	LI	4.5	HO	3.75	01	1	17.2
25	40017266	Đỗ Quốc Mạnh	25/05/2002	Nam	A00	TO	7.4	LI	6.25	HO	7.25		1	21.65
26	40004382	Hà Văn Việt Nguyên	15/01/2002	Nam	A00	TO	6.6	LI	5.75	HO	3.75		1	16.85
27	40018189	Lương Phúc Nguyên	18/10/2002	Nam	A01	TO	8	LI	7	N1	8.2	01	1	25.95
28	38010981	Ksor H' Nguyệt	17/03/2002	Nữ	A00	TO	5.6	LI	4.75	HO	3.25	01	1	16.35
29	40018240	Trần Hoàng Minh Nhật	25/01/2002	Nam	A01	TO	8.4	LI	7.75	N1	5.8		1	22.7
30	40008312	Huỳnh Duy Pháp	25/07/2002	Nam	A00	TO	7.4	LI	5.5	HO	6		1	19.65
31	40015922	Châu Văn Phúc	16/05/2001	Nam	A01	TO	5.2	LI	5	N1	7.8		1	18.75
32	63006151	Đỗ Viết Phương	01/06/2002	Nam	A00	TO	5.2	LI	4.25	HO	4	01	1	16.2
33	63004754	Chu Thị Phượng	01/06/2001	Nữ	A00	TO	7	LI	7	HO	7.5	01	1	24.25
34	38009845	Kpă H' Ruynh	02/04/2002	Nữ	A00	TO	8.6	LI	8.25	HO	7	01	1	26.6
35	40018911	Nguyễn Hoàng Sang	30/10/2000	Nam	A00	TO	6.8	LI	3	HO	6.75		1	17.3
36	40018951	Nguyễn Ngọc Sơn	02/01/2002	Nam	A00	TO	7	LI	4.5	HO	3.75		1	16
37	40017931	Bùi Thăng Tần	15/07/2002	Nam	A00	TO	8.4	LI	6.25	HO	7.75		1	23.15
38	40003404	Phạm Tấn Thiện	10/02/2002	Nam	A01	TO	7.2	LI	7.5	N1	4.8		1	20.25
39	40004167	Y Thiêng Ksơr	05/05/2002	Nam	A00	TO	6	LI	5.75	HO	4.25	01	1	18.75
40	63003912	Nguyễn Phương Thùy	24/08/2002	Nữ	A00	TO	8.4	LI	7	HO	5.25		1	21.4
41	40008453	Trương Trí Thức	08/04/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	8.25	HO	7		1	23.8
42	40004702	Thái Thị Huyền Trang	29/05/2002	Nữ	A00	TO	7.8	LI	6.25	HO	6.75		1	21.55
43	40019204	Trịnh Quốc Trung	26/12/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	5.25	HO	6.75		1	20.55
44	40000461	Nguyễn Thanh Trường	12/12/2002	Nam	A00	TO	5.6	LI	4.5	HO	4.75		1	15.6

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
45	40019222	Võ Quang Trường	11/08/2002	Nam	A00	TO	8.2	LI	7	HO	4.5		1	20.45
46	63006210	Đỗ Trọng Tuấn	20/02/2002	Nam	A00	TO	6	LI	5.75	HO	5		1	17.5
47	40019246	Nguyễn Quang Tuấn	09/04/2002	Nam	A00	TO	8.2	LI	6	HO	5.75		1	20.7
48	63002791	Vũ Văn Vĩnh	15/05/2002	Nam	A00	TO	7.4	LI	6.5	HO	8		1	22.65
**** 7510406 - Công nghệ kỹ thuật môi trường***														
1	63003799	Nguyễn Ngọc Sơn	21/07/2002	Nam	A00	TO	6	LI	5.5	HO	6.25		1	18.5
**** 7540101 - Công nghệ thực phẩm***														
1	63002818	Hoàng Thị Phương Anh	02/03/2002	Nữ	A00	TO	6.4	LI	3.75	HO	4.25		1	15.15
2	40014232	Lê Thị Ngọc Ánh	21/05/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	6.5		1	23.4
3	40014922	Phạm Thị Kim Dung	29/11/2002	Nữ	A02	TO	7.8	LI	4.25	SI	6.25		1	19.05
4	38010857	Đinh Yang Duy	19/11/2001	Nam	A00	TO	7	LI	6.5	HO	7.75	01	1	24
5	63005194	Hoàng Thị Huyền	16/11/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	6.75	SI	6.25		1	21.75
6	40018239	Phạm Hồng Nhật	21/06/2001	Nam	A00	TO	5.8	LI	4.75	HO	5.75		1	17.05
7	40018264	Phan Hoàng Yến Nhi	27/11/2002	Nữ	B00	TO	7	HO	7.25	SI	4.5		1	19.5
8	40018314	Huỳnh Hoàng Mỹ Oanh	16/05/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	5.25	HO	7.75		1	21.35
9	36000364	Y Qua	09/04/2002	Nữ	A02	TO	7.8	LI	7.25	SI	7	01	1	24.8
10	40017449	Tôn Thất Thắng	19/05/2002	Nam	A00	TO	7.2	LI	6.25	HO	5.75		1	19.95
**** 7620105 - Chăn nuôi***														
1	38008785	Nguyễn Văn Trí	28/05/2002	Nam	B00	TO	7.2	HO	4.75	SI	4		1	16.7
2	40019284	Đào Phương Vy Uyên	22/01/2002	Nữ	D08	TO	8.2	SI	6.75	N1	6.2		1	21.9
**** 7620110 - Khoa học cây trồng***														
1	40002414	Hoàng Quốc Cường	18/09/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	6.5	HO	7.5	01	1	24.55
2	38002121	Trần Thị Thùy Dung	10/02/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8	SI	8		1	25.15
3	40016234	Trần Anh Quốc Huy	12/06/2002	Nam	A00	TO	8.4	LI	7.75	HO	7.5		1	24.4
4	63001365	Trần Hoàng Huy	21/12/2001	Nam	B00	TO	7.6	HO	4.75	SI	4.75	06	1	18.85
5	63000634	Đặng Thị Ly	06/03/2002	Nữ	A02	TO	8	LI	6.75	SI	6		1	21.5
6	40006833	Đoàn Thị Kiều Nhung	15/05/2002	Nữ	B00	TO	6.6	HO	6.75	SI	5		1	19.1
7	46005733	Lê Thị Hồng Phúc	23/09/2002	Nữ	B00	TO	6.2	HO	5.5	SI	4.25		1	16.7

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
8	42001943	Liêng Hót K' Wiên	16/08/2001	Nữ	A00	TO	7.6	LI	7	HO	7.75	01	1	25.1
**** 7620112 - Bảo vệ thực vật***														
1	40015515	Trần Chí Đạo	19/04/2002	Nam	B00	TO	7.6	HO	8	SI	3.5		1	19.85
2	40000850	Dương Thị Nguyên	15/08/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	7.25	SI	5.25		1	20.45
3	40001407	Tăng Thành Nguyên	06/02/2002	Nam	B00	TO	7	HO	8	SI	5.5		1	21.25
4	38009808	Lê Thị Quỳnh Như	27/04/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	5	SI	6		1	19.35
5	40008935	Đặng Hữu Thuật	10/06/2001	Nam	A00	TO	7.4	LI	7	HO	8		1	23.15
6	36002177	Y - Yiang Thủy Tiên	07/11/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	5.75	SI	6.25	01	1	22.15
7	42006054	Bùi Đức Tuấn	03/12/2002	Nam	B00	TO	7.8	HO	4.75	SI	6.75		1	20.05
**** 7620115 - Kinh tế nông nghiệp***														
1	38003588	Kpă Báo	22/02/2002	Nam	D01	TO	4.8	VA	5.25	N1	2.4	01	1	15.2
2	40014372	Nguyễn Tấn Tài Byă	09/07/2002	Nam	D01	TO	5	VA	7	N1	5.6	01	1	20.35
3	40016281	Phạm Thành Hưng	20/06/2002	Nam	D01	TO	8	VA	4.5	N1	2.4		1	15.65
4	40016828	Phạm Văn Linh	02/06/2002	Nam	D01	TO	7.8	VA	5.5	N1	4		1	18.05
5	40005702	H Loenh Niê	15/03/2002	Nữ	D01	TO	6.4	VA	5	N1	3.8	01	1	17.95
6	40006759	Lò Thị Mây	18/03/2000	Nữ	D01	TO	7.4	VA	6.25	N1	3	01	1	19.4
7	38009777	Hiao Nam	03/03/2002	Nam	A00	TO	7.8	LI	6.5	HO	7	01	1	24.05
8	40010017	Y Nam Kmăn	03/11/2002	Nam	D01	TO	5.4	VA	4	N1	4.2	01	1	16.35
9	40018185	Lê Công Nguyên	23/04/2002	Nam	A00	TO	7.6	LI	5.5	HO	6.5		1	20.35
10	40010125	Y- Qoat Knul	27/02/2002	Nam	D01	TO	5.8	VA	5.75	N1	3.8	01	1	18.1
11	40010184	Y Suin Niê	24/07/2002	Nam	D01	TO	4.2	VA	5.75	N1	3.4	01	1	16.1
12	63001046	Nguyễn Chí Tâm	28/02/2002	Nam	D01	TO	6.2	VA	6	N1	3.4		1	16.35
13	40019040	Phạm Ngọc Trung Tân	27/03/2002	Nam	D01	TO	5.6	VA	6.5	N1	3.4		1	16.25
14	40013188	Mai Thị Kiều Trinh	06/04/2002	Nữ	D01	TO	5.8	VA	7.75	N1	5.2		1	19.5
15	40012425	Nguyễn Quang Trung	09/10/2002	Nam	D01	TO	7.2	VA	6	N1	2.8		1	16.75
16	38007509	Ksor Vina	08/09/2002	Nữ	D01	TO	6.2	VA	6.75	N1	4.4	01	1	20.1
17	38006539	Ksor Yu	25/02/2002	Nam	D01	TO	4.4	VA	6.25	N1	2.6	01	1	16
**** 7640101 - Thú y***														

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
1	40014095	Đinh Tuấn Anh	11/12/2002	Nam	B00	TO	7.8	HO	6.75	SI	5		1	20.3
2	63002868	Phan Thị Ngọc Ánh	12/10/2002	Nữ	A02	TO	6.4	LI	5.5	SI	5		1	17.65
3	63001824	Nguyễn Ngọc Chung	25/09/2002	Nam	B00	TO	7.4	HO	8.25	SI	5.5		1	21.9
4	63005747	Trần Kim Cương	29/09/2002	Nữ	B00	TO	6.2	HO	4.5	SI	4.5		1	15.95
5	40012605	Y Dăm Yi Niê	26/10/2000	Nam	B00	TO	7	HO	4.25	SI	5.5	01	1	19.5
6	40014517	Nguyễn Hồng Diễm	29/11/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	7.25	SI	6.75	01	1	25.15
7	02037879	Nguyễn Văn Dũng	28/05/2002	Nam	B00	TO	6.8	HO	6.25	SI	3.5		1	17.3
8	63002334	Lê Khắc Duy	01/01/2002	Nam	B00	TO	7.8	HO	5.25	SI	6		1	19.8
9	35002817	Nguyễn Mạnh Duy	15/06/2001	Nam	B00	TO	6.2	HO	3.75	SI	6.25		2	16.45
10	40008691	Lưu Tiến Đạt	13/09/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	7	SI	5.75		1	21.9
11	40007248	Y Đawit Kbuôr	08/12/2001	Nam	A02	TO	6.8	LI	5.5	SI	4.25	01	1	19.3
12	42001454	Đào Khánh Hà	29/01/2002	Nữ	B00	TO	6.8	HO	8.75	SI	6		1	22.3
13	63001296	Nguyễn Hải Hà	20/06/2001	Nữ	B00	TO	7.4	HO	8	SI	4.75		1	20.9
14	40002549	Nguyễn Thị Mỹ Hà	10/09/2002	Nữ	A02	TO	7.4	LI	5	SI	4.25		1	17.4
15	38010889	Nguyễn Tấn Hiệp	02/09/2002	Nam	A02	TO	6.8	LI	7.25	SI	5.75		1	20.55
16	38002196	Nguyễn Trung Hiếu	20/01/2002	Nam	B00	TO	5.8	HO	4	SI	6.5		1	17.05
17	40015704	Trần Trung Hiếu	22/02/2002	Nam	A02	TO	6.6	LI	5.25	SI	6.25	01	1	20.85
18	63001358	Nguyễn Quốc Hùng	22/11/2002	Nam	B00	TO	5.2	HO	5	SI	5.5		1	16.45
19	38007833	Đỗ Quốc Huy	17/03/2002	Nam	B00	TO	6.8	HO	6.75	SI	5		1	19.3
20	40016219	Nguyễn Đức Ngọc Huy	29/10/2002	Nam	A02	TO	6.8	LI	4.5	SI	4.75		1	16.8
21	35008521	Lê Thị Huyền	15/06/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	7.5	SI	5.25		2NT	20.85
22	40016297	Nguyễn Thị Hương	20/06/2002	Nữ	B00	TO	6.6	HO	6	SI	5		1	18.35
23	40001906	Phan Thị Quỳnh Hương	24/11/2001	Nữ	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	7.5		1	24.4
24	38010920	Rơô Khanh	04/05/2002	Nam	B00	TO	5.2	HO	5	SI	5.5	01	1	18.45
25	40008151	Phan Quốc Khánh	25/01/2002	Nam	B00	TO	6.4	HO	5	SI	3.5		1	15.65
26	36000209	Phạm Văn Kiên	09/02/2002	Nam	B00	TO	8	HO	7	SI	5.5		1	21.25
27	40017202	Trần Ngọc Trà Linh	30/07/2002	Nữ	B00	TO	6.8	HO	4.5	SI	4.5		1	16.55
28	63005840	Nguyễn Thúy Loan	02/11/2002	Nữ	B00	TO	6.6	HO	7.5	SI	6.75		1	21.6
29	40017216	Nguyễn Vũ Thành Long	23/03/2002	Nam	B00	TO	7.4	HO	7	SI	6.25		1	21.4

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
30	40005748	Nguyễn Thị Xuân Mai	12/03/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	4.25	SI	5		1	17.2
31	41003417	Nguyễn Hoàng Nam	25/11/2002	Nam	B00	TO	8.6	HO	7.5	SI	8		2NT	24.6
32	38004641	Phan Thị Thúy Nga	30/10/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	7.5		1	23.8
33	40016487	Lê Thị Đông Ngân	02/06/2001	Nữ	B00	TO	7.4	HO	6.25	SI	5		1	19.4
34	40017642	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	12/12/2001	Nữ	B00	TO	7	HO	4.5	SI	5.25		1	17.5
35	40017649	Võ Thị Ngân	26/03/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	6.25	SI	6.75		1	22.15
36	40002036	Phan Thị Nguyên	28/09/2002	Nữ	A02	TO	7.4	LI	6	SI	6.25		1	20.4
37	39005380	Đinh Ngọc Nhất	10/07/2002	Nam	B00	TO	7.2	HO	6.5	SI	4.25		2NT	18.45
38	40018336	Đặng Hoàng Phi	29/10/2002	Nam	B00	TO	8	HO	7.5	SI	5.75		1	22
39	41007578	Đỗ Bích Phụng	27/06/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	7.75	SI	6.75		2	22.75
40	40000333	Lý Phong Quang	12/07/2002	Nam	B00	TO	7	HO	6.25	SI	6.25	01	1	22.25
41	40013756	Lâm Minh Quân	21/04/2002	Nam	B00	TO	8	HO	6.5	SI	5.75	01	1	23
42	40013778	Bùi Thị Như Quỳnh	10/07/2002	Nữ	B00	TO	5.6	HO	5	SI	6.25		1	17.6
43	40007435	H' Riăk Niê	31/01/2001	Nữ	A02	TO	5.6	LI	4.5	SI	3.5	01	1	16.35
44	37001526	Tô Thành Ron	14/10/1994	Nam	B00	TO	5.2	HO	5.75	SI	5		1	16.7
45	40018907	Lâm Ngọc Sang	01/01/2002	Nam	B00	TO	7.2	HO	5.75	SI	5.25		1	18.95
46	40018909	Lương Trần Sang	10/01/2002	Nam	A02	TO	7.6	LI	7	SI	4.75		1	20.1
47	40003334	Nguyễn Thanh Tài	15/02/2002	Nam	A02	TO	6.8	LI	3.25	SI	5.25		1	16.05
48	63005947	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/01/2002	Nữ	A02	TO	7	LI	8	SI	5		1	20.75
49	02043661	Lê Vỏ Thủy Tiên	03/08/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	7.5	SI	4.75		3	19.45
50	40018020	Nguyễn Huyền Thủy Tiên	06/08/2002	Nữ	B00	TO	5.6	HO	5	SI	6.25		1	17.6
51	42007129	Bùi Thị Trang	09/08/2002	Nữ	A02	TO	7.8	LI	7.25	SI	6.25		1	22.05
52	37007949	Cao Thị Quế Trâm	21/05/2002	Nữ	A02	TO	6.8	LI	6.75	SI	7		2NT	21.05
53	63004366	Nguyễn Xuân Trâm	12/09/2002	Nữ	B00	TO	6.4	HO	6.25	SI	6.75		1	20.15
54	40002246	Võ Thị Bảo Trân	06/01/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	6	SI	4.25		1	18.6
55	40019156	Bùi Dương Triều	15/07/2002	Nam	A02	TO	8.4	LI	6.25	SI	4		1	19.4
56	40019174	Phạm Thị Lan Trinh	10/02/2002	Nữ	B00	TO	4.2	HO	6	SI	5		1	15.95
57	40011796	Dương Trọng Tuyển	10/10/2001	Nam	A02	TO	6.6	LI	3.5	SI	5		1	15.85
58	41011753	Nguyễn Đình Văn	22/09/2002	Nam	B00	TO	8.6	HO	8	SI	7.5		2	24.35

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
59	63003322	Trần Thị Kim Vân	29/10/2001	Nữ	B00	TO	7.6	HO	8	SI	5.5		1	21.85
60	63003976	Biện Thành Vinh	10/10/2002	Nam	A02	TO	6.6	LI	6	SI	7.25		1	20.6
61	40016111	Trần Thúy Vui	14/09/2001	Nữ	D08	TO	8	SI	8	N1	5.4		1	22.15
62	37008572	Nguyễn Thanh Xuân	22/06/2002	Nam	A02	TO	7.8	LI	7.5	SI	5		1	21.05
63	41013141	Lê Thị Hồng Yến	19/10/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	6.75	SI	5.75		2NT	21.4
64	40013365	H - Zurim Niê	15/07/2001	Nữ	B00	TO	8	HO	6.75	SI	7.25	01	1	24.75
** 7720101 - Y khoa*														
1	44003480	Nguyễn Mỹ An	22/02/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	9		2	26.15
2	40014124	Lê Minh Anh	30/08/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.75	SI	8.5		1	27
3	40014156	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	27/02/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9		1	26.6
4	42001347	Phạm Thế Anh	03/09/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	9.5	SI	7.75		1	26.4
5	34009130	Phạm Trung Anh	09/06/2002	Nam	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.5		2	26.35
6	40006468	Lê Thị Ánh	13/05/2002	Nữ	B00	TO	9.4	HO	8.75	SI	8.25		1	27.15
7	15005819	Nguyễn Ngọc Ánh	01/08/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	8.5		1	26.2
8	37009660	Phan Thị Hồng Ánh	06/04/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.25		1	26.5
9	40014266	Nguyễn Thiên Ân	01/05/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8	SI	8.5		1	26.25
10	40014269	Trần Thị Kim Ân	01/01/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.5		1	26.35
11	40014288	Huỳnh Quốc Bảo	06/09/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.5		1	26.15
12	40004837	Nguyễn Khắc Bảo	03/02/2001	Nam	B00	TO	9	HO	9	SI	8.25		1	27
13	35009082	Huỳnh Tô An Bình	20/08/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8.75		2NT	26.65
14	02040429	Đường Gia Bửu	29/07/2002	Nam	B00	TO	9.4	HO	8	SI	8.25	06	3	26.65
15	40014415	Nguyễn Phương Quỳnh Chi	05/09/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8		1	26.3
16	25010922	Mai Thị Tuyết Chinh	24/02/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	8		2NT	26.45
17	35000918	Huỳnh Ngọc Chương	07/01/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	9.25		2NT	26.65
18	63002919	Bùi Diên Cường	06/02/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.75		1	26.75
19	40002428	Nguyễn Thị Ngọc Diện	10/12/1994	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	9.25		1	26.65
20	40014918	Lê Thị Mỹ Dung	17/09/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	8.75		1	26.35
21	40007668	Nguyễn Thị Phương Dung	02/07/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.75	SI	8.75		1	27.25
22	63000128	Phan Thị Thùy Dung	30/09/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	8.75		1	27.2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
23	43008469	Đặng Anh Duy	09/10/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	7.75	SI	9		1	26.7
24	38004843	Lê Văn Duy	06/09/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.25		1	26.3
25	40007683	Nguyễn Tiến Duy	01/04/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.75	SI	8		1	26.5
26	45001114	Báo Ngọc Mỹ Duyên	19/05/2001	Nữ	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	7.25	01	1	26.15
27	40014976	Trần Thị Mỹ Duyên	29/06/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	9.5	SI	8.5		1	27.35
28	45003661	Bá Thị Mỹ Dư	11/11/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8	SI	7.5	01	1	27.05
29	40004998	Nguyễn Tấn Đạt	07/05/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	8.25		1	26.7
30	45003675	Trương Tuấn Đạt	17/08/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	8	SI	7.5	01	1	26.65
31	63004530	Lê Đăng Đức	12/09/2002	Nam	B00	TO	9.4	HO	8.5	SI	8		1	26.65
32	40007762	Nguyễn Thị Thu Hà	15/11/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.75	SI	8.75		1	27.25
33	63004101	Trần Hữu Hà	13/10/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	7.75	SI	9		1	26.3
34	45001161	Lương Sỹ Hạnh	14/02/2001	Nam	B00	TO	8.2	HO	8	SI	7.75	01	2	26.2
35	40000647	Cao Thị Thúy Hằng	19/01/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	7.75		1	26.45
36	38000318	Lê Bảo Hân	18/03/2001	Nữ	B00	TO	9.4	HO	8.75	SI	8.5		1	27.4
37	43001743	Đỗ Nhân Hậu	24/01/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	7.5	SI	8.75		1	26.2
38	43006061	Đỗ Thị Thanh Hiền	03/09/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	8.75	SI	9.25		1	26.75
39	39008370	Hồ Sĩ Hiền	05/11/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.75	SI	8.5		2	26.5
40	39004715	Trần Bích Hiền	10/10/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	9		2NT	27.2
41	40015672	Trần Thị Thúy Hiền	07/02/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8		1	26.3
42	33004687	Trịnh Minh Hiển	06/08/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8.75		2	26.4
43	37008998	Đặng Thị Ngọc Hiếu	07/06/2002	Nữ	B00	TO	9.4	HO	8.75	SI	8.5		2NT	27.15
44	40015300	Trần Ngọc Hiếu	17/04/2001	Nữ	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.75		1	27
45	02073358	Trịnh Xuân Hiếu	02/01/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.75		3	26.25
46	43001756	Vũ Hữu Hoàng Hiếu	24/11/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	8.25		1	26.95
47	42000160	Huỳnh Hữu Hòa	03/05/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	8	SI	9		1	26.55
48	40015720	Nguyễn Bá Hòa	08/02/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	9	SI	8.5		1	27.05
49	45000002	Đàng Thị Thanh Hóa	26/07/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	7.75	01	1	27.55
50	40016137	Nguyễn Đức Hoàng	07/09/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	7.75		1	26.45
51	42006999	Đỗ Thị Khánh Hồng	23/02/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9.5		1	27.35

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
52	45001204	Mã Phi Hùng	14/05/2002	Nam	B00	TO	8	HO	8.75	SI	7.25	01	2	26.25
53	31010224	Nguyễn Đình Hùng	14/04/2002	Nam	B00	TO	9	HO	7.75	SI	8.75		1	26.25
54	40016186	Nguyễn Phi Hùng	21/09/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	7.75	SI	9		1	26.3
55	34012418	Bùi Văn Huy	03/02/2002	Nam	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9		2NT	26.2
56	40011247	Hoàng Xuân Huy	01/08/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	9		1	27.05
57	63000518	Nguyễn Lê Thúy Huyền	22/05/2002	Nữ	B00	TO	9.4	HO	8.5	SI	7.5		1	26.15
58	42012164	Nguyễn Ngọc Khánh Huyền	07/10/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8	SI	9		1	26.55
59	38001631	Phan Ngọc Huyền	01/10/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.5		1	26.4
60	37003621	Phan Thanh Thúy Huyền	12/12/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.75	SI	8		2NT	26.25
61	40015367	Tống Thị Mỹ Huyền	24/09/1999	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.25		1	26.15
62	38012902	Vũ Thanh Huyền	03/10/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.25		1	26.25
63	04005681	Đinh Quốc Hưng	15/02/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	9	SI	8.75		3	26.95
64	42003034	Đặng Hoàng Mai Hương	09/02/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	9	SI	8.25		1	26.8
65	35003868	Nguyễn Mai Thảo Hương	17/04/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	9		2	26.4
66	40007890	Nguyễn Thị Thu Hương	23/04/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	8.25		1	26.95
67	42005458	Trần Thị Lan Hương	20/01/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.75		1	27
68	39008542	Võ Đặng Quỳnh Hương	09/06/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9		2	26.35
69	38000378	Võ Lan Hương	02/11/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.5		1	26.4
70	45001664	Nguyễn Đăng Khoa	20/12/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	9.25	SI	8		2	26.3
71	37001263	Tô Anh Khoa	19/02/2002	Nam	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8.25	06	2	26.2
72	40015384	Trần Minh Khôi	12/03/2000	Nam	B00	TO	9	HO	9.5	SI	8.5		1	27.75
73	47001725	Lư Nữ Mai Khuê	27/12/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	7.5	SI	7.5	01	1	26.15
74	42010355	Trần Minh Khuê	25/05/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	8.75		1	26.15
75	43001193	Bùi Tuấn Kiệt	29/03/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	9		1	26.65
76	40016740	Lê Hoàng Anh Kiệt	21/11/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	8.5		1	27.2
77	40005361	Nguyễn Văn Kiều	26/07/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.5		1	26.5
78	38000058	Rơ Ô H' Kim	16/07/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	7.5	SI	7.5	01	1	26.15
79	39006158	Nguyễn Thị Thanh Lam	12/01/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.5		2NT	26.5
80	38000424	Đặng Phước Thành Lâm	31/07/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.25		1	26.25

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
81	40017150	Vũ Hoàng Lâm	02/09/2002	Nam	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	8.75		1	26.85
82	46002914	Vũ Ngọc Lâm	08/01/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.75	SI	8.25		2NT	26.5
83	40017161	Chẻo Trần Phương Linh	24/12/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	7.25	01	1	27.05
84	40017190	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12/08/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	9	SI	8.75		1	27.5
85	41009848	Nguyễn Thị Ngọc Linh	20/03/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.5		2	26.3
86	40017191	Nguyễn Thị Nguyên Linh	13/02/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8	SI	8.25		1	26.2
87	40017193	Nguyễn Thùy Linh	28/11/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.25	SI	9.25		1	27.25
88	29025676	Võ Thị Thùy Linh	06/10/2000	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9.25		2	26.35
89	39008980	Đoàn Võ Việt Long	28/12/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.75		2	26.15
90	40011474	Nguyễn Lê Thanh Lộc	09/02/2002	Nam	B00	TO	8.2	HO	9.25	SI	8		1	26.2
91	39003906	Trần Phước Lộc	09/01/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	9.25	SI	8.25		2NT	26.8
92	37006379	Hồ Diễm Lợi	20/12/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8	SI	8.75		2	26.2
93	52008884	Huỳnh Phúc Luân	29/08/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	7.75		1	26.45
94	39003924	Huỳnh Lê Trung Lưu	16/08/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.75	SI	8		2NT	26.25
95	36000259	Đoàn Vũ Minh Lý	25/09/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9.25		1	26.85
96	40017254	Lê Mai Niê	26/08/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	8.25	01	1	26.95
97	40017258	Nguyễn Thị Trúc Mai	24/10/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8		1	26.15
98	40008185	Trần Tô Xuân Mai	16/01/2002	Nữ	B00	TO	9.6	HO	8.5	SI	8.5		1	27.35
99	40017289	Nguyễn Hoàng Minh	21/09/2002	Nam	B00	TO	9.4	HO	9	SI	8.5		1	27.65
100	42009444	Nguyễn Thị Ngọc Minh	20/02/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	9.25	SI	8.5		1	27.1
101	39006374	Nguyễn Trương Ngọc Minh	21/07/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	8.5		2NT	26.7
102	39006375	Nguyễn Văn Minh	19/06/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	8.25	SI	8.25		2NT	26.2
103	35006137	Nguyễn Thị Diệu My	22/11/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.75		2NT	26.55
104	37014870	Nguyễn Trà My	02/04/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	8		2NT	26.45
105	40017312	Phùng Thảo My	19/04/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	8.75		1	27.2
106	37007774	Lê Cẩm Na	30/06/2002	Nữ	B00	TO	9.4	HO	8.25	SI	8.25		2NT	26.4
107	34012835	Lê Thuỳ Na	09/06/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9		2NT	26.35
108	36002512	Nguyễn Võ Lê Na	25/02/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.25	SI	8.5		1	26.7
109	38000502	Phan Huỳnh Vi Na	26/01/2002	Nữ	B00	TO	9.6	HO	8.5	SI	7.5		1	26.35

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
110	40005798	Phạm Ngọc Nam	28/02/2002	Nam	B00	TO	8.6	HO	8	SI	9		1	26.35
111	35005470	Đỗ Hạnh Nga	30/07/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.5	SI	9		2	26.75
112	39001853	Nguyễn Thị Nga	07/02/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.75		2NT	26.55
113	40017634	Nguyễn Thị Thuý Nga	14/03/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9		1	26.85
114	36000290	Phạm Thị Tuyết Nga	30/11/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.25	SI	8		1	26.2
115	35004022	Hồ Thị Tuyết Ngân	17/10/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	9	SI	7.75		2	26.2
116	39009375	Phạm Hiếu Ngân	02/06/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.75		2	26.5
117	59001609	Sơn Thị Tuyết Ngân	15/10/2001	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7	SI	8.75	01	1	26.3
118	40017646	Trần Thúy Ngân	21/10/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.5		1	26.5
119	38006430	Võ Thị Thu Ngân	12/07/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	8.75		1	26.45
120	40013582	Lý Chung Nghĩa	19/01/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	8	SI	7	01	1	26.15
121	40016497	Lê Thị Bích Ngọc	11/03/2001	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	9		1	27.7
122	41004087	Lê Thị Bích Ngọc	26/06/2001	Nữ	B00	TO	8	HO	8.5	SI	9.5		2NT	26.5
123	47001825	Lư Bảo Ngọc	10/07/2001	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7.25	SI	8	01	1	26.2
124	41007486	Nguyễn Hồng Hải Ngọc	05/12/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	9	SI	8.25		2	26.3
125	40006797	Nguyễn Mai Ngọc	25/09/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	9	SI	8.5		1	27.45
126	38009793	Phạm Lê Như Nguyệt	18/10/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	9	SI	8.25		1	27.2
127	02006760	Phan Thanh Nhã	16/03/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	9	SI	8.5		3	26.3
128	40013626	Trần Thị Thanh Nhàn	12/02/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.75		1	26.8
129	40013633	Huỳnh Phạm Thành Nhật	21/01/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	8.75		1	26.55
130	37009106	Nguyễn Hà Yến Nhi	06/10/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	9	SI	8.25		2NT	26.55
131	33005449	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	07/06/2000	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.5		2	26.3
132	40008279	Nguyễn Yến Nhi	27/11/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.5		1	26.35
133	40018288	Phạm Thị Hồng Nhung	02/11/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.25	SI	9		1	27
134	40018321	Trần Lê Kiều Oanh	13/01/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	9.25		1	27.05
135	39002412	Chăm Trần Hoàng Phúc	22/08/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	8.75	01	1	28.55
136	41004691	Nguyễn Văn Phúc	30/04/2002	Nam	B00	TO	9.4	HO	8.25	SI	8.5		2	26.4
137	40018727	Nguyễn Hoàng Anh Phương	05/10/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.25		1	26.6
138	39001960	Nguyễn Thị Xuân Phương	11/03/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	8.25		2NT	26.45

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
139	40017930	Nguyễn Hà Quang	16/12/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.75		1	27.05
140	38002396	Trần Quốc Quân	02/02/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.25		1	26.25
141	37009892	Võ Thị Quyên	10/01/2002	Nữ	B00	TO	9.4	HO	9	SI	7.5		1	26.65
142	38005463	Đinh Thị Quỳnh	01/07/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	7	SI	8	01	1	26.35
143	43002709	Huỳnh Thị Như Quỳnh	23/10/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	7.75		1	26.2
144	39009083	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	14/01/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	9.25	SI	7.75		2	26.45
145	42012535	Nguyễn Thanh Hải Sơn	20/11/2002	Nam	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	8.25		1	26.35
146	52004912	Huỳnh Tấn Tài	28/03/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	9	SI	7.75		2NT	26.45
147	63003815	Lê Tuấn Tài	10/08/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.5		1	26.75
148	36000396	Phạm Thị Ngọc Tâm	06/12/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8	SI	8.75		1	26.3
149	40000374	Vi Thị Tấm	17/03/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.5	SI	7.75	01	1	28
150	37000233	Thái Duy Tân	19/10/2002	Nam	B00	TO	8.6	HO	9.25	SI	8.25		2	26.35
151	40019055	Nguyễn Phúc Thái	31/07/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	8	SI	8.75		1	26.3
152	38006924	Nguyễn Thị Thu Thanh	01/10/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	7.75	SI	8.75		1	26.25
153	38013128	Phùng Thị Thanh Thanh	13/07/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	8		1	26.45
154	63001059	Trần Thúy Thanh	08/06/2003	Nữ	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8.5		1	26.65
155	40019085	Đặng Đức Thành	31/10/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	8	SI	7.5	01	1	26.65
156	35002574	Trần Trọng Thành	10/07/2002	Nam	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	8.75		2	26.35
157	38000718	Lê Nguyễn Vy Thảo	25/09/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8	SI	8.5		1	26.25
158	37009915	Nguyễn Thị Thảo	15/04/2002	Nữ	B00	TO	9.4	HO	8.75	SI	7.25		1	26.15
159	43006585	Nông Thị Thu Thảo	23/01/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8	SI	7.25	01	1	26.4
160	38008074	Hồ Đức Thắng	24/02/2001	Nam	B00	TO	9.4	HO	9	SI	7.5		1	26.65
161	38000727	Huỳnh Việt Thắng	14/11/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8	SI	8.5		1	26.25
162	47001951	Kim Thị Mỹ Thêm	07/04/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	8	01	1	26.9
163	41011601	Nguyễn Đặng Châu Thi	28/02/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8	SI	8.75		2	26.2
164	38006224	Nguyễn Đức Thịnh	27/04/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	9.25	SI	8.5		1	27.3
165	37009929	Đoàn Vũ Vi Thoa	26/03/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	8.5		1	26.95
166	38012292	Nguyễn Thị Bích Thuận	11/11/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.75		1	26.8
167	63001102	Bùi Thị Anh Thúy	26/03/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8		1	26.3

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
168	40017970	Lại Thị Thúy	07/11/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	9.5		1	28.2
169	45001462	Lưu Nữ Anh Thư	19/10/2001	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8	SI	8.25	06	1	26.4
170	52009141	Nguyễn Tuấn Minh Thư	05/03/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	7.5	SI	7.5	01	1	26.35
171	40017993	Phạm Thị Thiên Thư	03/11/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.25		1	26.5
172	36000452	Lê Công Thương	23/06/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.25		1	26.25
173	41003764	Lê Thị Hoài Thương	21/11/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	9.25	SI	9.25		2NT	27.6
174	40018015	Hoàng Thị Cát Tiên	20/10/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.5		1	26.35
175	40007025	Võ Thị Thanh Tín	21/10/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	8.25		1	26.35
176	02040843	Nguyễn Hồng Gia Tĩnh	26/07/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	9.25	SI	9		3	27.25
177	02040854	Võ Thành Tới	16/05/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.25		2NT	26.3
178	38008776	Bùi Thị Trang	11/06/2001	Nữ	B00	TO	9	HO	9	SI	7.75		1	26.5
179	63000841	Hoàng Thị Kiều Trang	24/11/2001	Nữ	B00	TO	8.6	HO	7.75	SI	8.25	01	1	27.35
180	41007774	Nguyễn Đặng Khánh Trang	08/03/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.75	SI	9		2	27
181	40012339	Nguyễn Thị Diệu Trang	30/04/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.25		1	26.3
182	38012497	Nguyễn Thị Huyền Trang	15/12/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.5		1	26.55
183	40018079	Nguyễn Thị Kiều Trang	23/01/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	9.25		1	26.9
184	44010303	Nguyễn Thị Tuyết Trang	05/11/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.25		2NT	26.25
185	29007064	Nguyễn Thương Thùy Trang	21/07/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9		2NT	26.35
186	40004703	Trần Thị Huyền Trang	09/03/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	8.5		1	26.3
187	40019188	Bùi Thị Diệu Trúc	29/06/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.75		1	26.75
188	37001680	Hoàng Thị Thanh Trúc	04/12/2002	Nữ	B00	TO	9.4	HO	8.5	SI	8		2	26.15
189	36000508	Nguyễn Thị Cẩm Tú	29/11/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8	SI	9.5		1	26.65
190	63003263	Thái Anh Tú	10/03/2002	Nam	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9.5		1	27.1
191	38011432	Mai Trần Anh Tuấn	11/09/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	7.5		1	26.2
192	40008538	Nguyễn Quốc Tuấn	31/01/2002	Nam	B00	TO	9.6	HO	8.5	SI	8.25		1	27.1
193	63000876	Phan Thị Tuyết	16/01/2001	Nữ	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8		1	26.15
194	02052974	Kiều Thảo Uyên	25/07/2001	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8	SI	7.25	01	1	26.8
195	35005759	Phạm Phương Uyên	29/10/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8.5		2	26.15
196	40016674	Trương Minh Uyên	29/09/2001	Nữ	B00	TO	9	HO	8	SI	8.5		1	26.25

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
197	38006290	Trương Thị Thùy Uyên	08/12/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8	SI	9		1	26.15
198	40007117	Hà Thị Thu Vân	08/07/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.75		1	26.6
199	43005668	Huỳnh Thị Tường Vi	22/05/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.25	SI	8.5		1	26.7
200	40009010	Nguyễn Thị Hà Vi	26/08/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	8.75	SI	7.75		1	26.25
201	43007005	Võ Thị Tường Vi	29/05/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.25		1	26.15
202	63004934	Phan Thị Cẩm Viên	09/07/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	7.75		1	26.2
203	38005207	Nguyễn Hoàng Việt	17/01/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.25		1	26.3
204	40019339	Nguyễn Lê Hoàng Việt	19/10/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.75		1	26.8
205	38010789	Hồ Đức Vinh	02/01/2000	Nam	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	9		1	26.9
206	40011821	Hứa Thị Trà Vinh	06/01/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	8	01	1	26.8
207	54006067	Lê Quang Vinh	25/12/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.5		1	26.5
208	39002599	Trần Quang Vinh	05/02/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.25		1	26.25
209	38012554	Hoàng Văn Vũ	21/12/2002	Nam	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	8.5		1	26.95
210	42012342	Tô Thị Kim Vượng	04/02/2001	Nữ	B00	TO	9	HO	9	SI	8.5		1	27.25
211	63001770	Đỗ Thị Yến Vy	25/11/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	9		1	26.2
212	41004335	Nguyễn Nhật Vy	02/10/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.5		2NT	26.15
213	39002617	Nguyễn Như Ý	20/09/2002	Nam	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8		1	26.25
214	35009735	Nguyễn Thị Như Ý	29/07/1998	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	8.5		1	26.3
215	37010361	Nguyễn Thành Ý	03/11/2002	Nam	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.25		1	26.55
**** 7720301 - Điều dưỡng***														
1	28013105	Nguyễn Ngọc Trường An	27/02/2002	Nam	B00	TO	7.8	HO	6	SI	6.25		2NT	20.55
2	63002825	Mai Hoàng Ngọc Anh	22/01/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	7.5	SI	8		1	24.25
3	01018488	Phạm Việt Anh	08/03/2002	Nam	B00	TO	7.8	HO	5.25	SI	8.5		3	21.55
4	41005988	Trần Vân Anh	09/09/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	6.75	SI	6		1	21.3
5	38009611	Ksor H' Bach	28/06/2002	Nữ	B00	TO	7	HO	4.75	SI	5.5	01	1	20
6	41010460	Trần Thị Quỳnh Chi	16/06/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	7.75		2	24.9
7	38010838	Ksor Mai Cơn	15/03/2002	Nam	B00	TO	7	HO	7.25	SI	6.5	01	1	23.5
8	42008198	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	25/04/2002	Nữ	B00	TO	6.6	HO	7	SI	6.75		1	21.1
9	42001393	K' Diếm	18/03/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	6.75	01	1	24.85

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
10	39003160	Lê Thị Mỹ Dung	28/06/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	6.75	SI	5.5		2NT	20.15
11	38004510	Võ Thị Mỹ Duyên	08/11/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	8	SI	6.75		1	23.5
12	43002451	H' Đuyên	10/11/2001	Nữ	B00	TO	6.2	HO	5.75	SI	5.25	01	1	19.95
13	40012755	Hà Thị Hiền Giang	01/04/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	7.75		1	24.05
14	42006975	Bế Ngọc Hà	06/05/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	7.25	SI	7.75	01	1	24.95
15	40015587	Bùi Thị Thu Hà	23/10/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	7.25	SI	7		1	24
16	38009660	Nay Hạ	15/11/2001	Nữ	B00	TO	6	HO	5.25	SI	5.5	01	1	19.5
17	30007699	Cù Thị Hải	02/02/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	6	SI	5		2NT	19.3
18	38000304	Hải	00/00/1999	Nữ	B00	TO	6.2	HO	5.75	SI	5.5	01	1	20.2
19	42007779	Nguyễn Hồng Hạnh	17/01/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	5	SI	7.5		1	21.45
20	63001308	Trần Thúy Hạnh	19/11/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	7.5	SI	6.25	01	1	24.5
21	39005848	Nguyễn Thị Diễm Hằng	29/07/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	5.75		2NT	22.3
22	40010820	Trần Thị Thu Hằng	04/04/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	7.75	SI	6.5		1	22.2
23	63001318	Lê Thị Hiền	14/07/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	7	SI	6.5		1	21.85
24	39006870	Trần Thị Bích Hoa	13/02/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	7.75	SI	6.75		2	23.35
25	41011862	Lê Thị Hòa	26/08/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7.5	SI	6.5		1	22.95
26	42011303	Trần Minh Hoàn	05/04/2002	Nam	B00	TO	7	HO	6.25	SI	7		1	21
27	40008807	Đinh Thị Kim Hồng	29/12/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	7	SI	5.75		1	21.1
28	42008252	Ka Hônh	10/11/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	5.75	SI	7.5	01	1	23.8
29	48008542	Trịnh Quang Huy	26/07/2002	Nam	B00	TO	8.2	HO	6.25	SI	6.25		2	20.95
30	40003915	Hoàng Thị Thanh Huyền	20/02/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	8	SI	5.75		1	21.9
31	63005195	Hoàng Xuân Huyền	05/12/2002	Nữ	B00	TO	6.8	HO	7	SI	6.75		1	21.3
32	63006095	Nguyễn Thị Huyền	18/08/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	6.75	SI	6		1	21.7
33	40000158	Hoàng Thị Xuân Hương	17/02/2001	Nữ	B00	TO	7	HO	6.75	SI	6	01	1	22.5
34	63001946	Nguyễn Thị Minh Hương	03/11/2002	Nữ	B00	TO	6.2	HO	7.5	SI	5		1	19.45
35	38009714	Ksor Khuyên	02/12/2001	Nam	B00	TO	7.6	HO	4.5	SI	6	01	1	20.85
36	40016757	Y Kuin Niê Êban	25/03/2002	Nam	B00	TO	7.8	HO	6.5	SI	4	01	1	21.05
37	40001949	Đoàn Thị Lĩnh	20/02/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	5.75		1	21.55
38	41011916	Phạm Thị Lụa	16/01/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	5.25		1	21.3

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
39	40004308	Nông Thị Lưu	05/09/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	7	SI	4.5	01	1	21.45
40	40004324	Nguyễn Văn Minh	20/01/2002	Nam	B00	TO	7	HO	7.75	SI	6.5		1	22
41	38009764	Kpă H' Mơ	31/08/2002	Nữ	B00	TO	6.2	HO	6.25	SI	6.5	01	1	21.7
42	43009266	Trần Thị Kiều My	19/09/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	8	SI	6		1	22.35
43	63004699	Đỗ Thúy Nga	08/04/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	4.5	SI	6.25		1	19.9
44	63003561	Phan Thị Nga	04/02/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8	SI	7.25		1	24.6
45	40017636	Bùi Thị Bích Ngân	14/11/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	6.25	SI	6.5		1	22.5
46	42008759	Diêm Thị Ngân	11/03/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	6.25	SI	7.5		1	22.1
47	38003810	Ksor H' Ngân	05/08/2002	Nữ	B00	TO	6.6	HO	6.5	SI	4.75	01	1	20.6
48	38003815	Ksor H' Nghim	13/08/2001	Nữ	B00	TO	6.4	HO	5.25	SI	4.75	01	1	19.15
49	38010975	R' Ô H' Nghim	14/08/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	6.5	SI	4.25	01	1	21.9
50	42013036	Ka Ngoãn	04/11/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	6.75	01	1	25.55
51	40006826	H Nhi Niê	27/08/2002	Nữ	B00	TO	6.8	HO	6	SI	6.25	01	1	21.8
52	40011988	Lê Thị Nhi	20/11/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	7		1	23.7
53	40018301	Trần Bảo Như	05/12/2002	Nữ	B00	TO	6.8	HO	6.25	SI	5.25		1	19.05
54	40018309	H' Nut Byă	24/03/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7.25	SI	6.75	01	1	24.95
55	38003861	Ksor H' Nuy	12/02/2002	Nữ	B00	TO	6.2	HO	6.25	SI	5	01	1	20.2
56	38011002	Rahlan H' Ơn	08/01/2002	Nữ	B00	TO	7	HO	6	SI	5.5	01	1	21.25
57	40018341	H Phi E Nuôl	24/02/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	6.5	SI	7.5	01	1	24.75
58	38011005	Ksor H' Phiơ	29/12/2002	Nữ	B00	TO	6.6	HO	7	SI	5	01	1	21.35
59	40001480	Đặng Thị Quỳnh	01/09/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	6.5	SI	5.25		1	19.7
60	40018858	Phạm Nguyễn Trúc Quỳnh	11/06/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	5.25	SI	6.75		1	19.95
61	40008376	Võ Ngọc Diệu Quỳnh	28/03/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	6.5	SI	7.25		1	21.7
62	40018879	Vũ Mai Ái Quỳnh	27/02/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	5.5	SI	6.25		1	19.7
63	38001902	Võ Thị Kim Thanh	08/03/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7	SI	7.5	07	1	24.45
64	37003788	Trần Thị Thu Thảo	27/08/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	6.25	SI	5.75		2NT	20.5
65	39009840	Ksơr Hờ Thiên	13/02/2002	Nữ	B00	TO	6.2	HO	5.25	SI	5.75	01	1	19.95
66	43005893	Nguyễn Thị Kim Thoa	14/05/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7	SI	5.5		1	21.05
67	40006210	H Thu Niê	03/04/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7.5	SI	6.75	01	1	25.2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
68	40017953	Phan Thị Bích Thu	09/08/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	5.25	SI	5.5		1	19.1
69	38001937	Lê Hữu Phước Thuận	02/12/2002	Nam	B00	TO	7	HO	6.5	SI	4.75		1	19
70	40016600	Thái Mai Thùy	04/10/2001	Nữ	B00	TO	8.6	HO	7.5	SI	7.25		1	24.1
71	47009701	Huỳnh Nguyễn Bích Thủy	29/04/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	7	SI	6		2NT	21.1
72	63003937	Lê Thị Thương	20/04/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	6.25	SI	5.5		1	20.3
73	40018008	Nguyễn Thị Thương Thương	29/10/2002	Nữ	B00	TO	6.2	HO	6.75	SI	5.75		1	19.45
74	40018016	Hoàng Vũ Quỳnh Tiên	27/10/2002	Nữ	B00	TO	7	HO	5.25	SI	6.75		1	19.75
75	42012877	Trương Thế Toàn	14/02/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	7.5	SI	4.75		1	21.4
76	38006246	Nay H' Mi Tra	15/02/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	5.75	SI	5.5	01	1	22
77	40018067	Hà Thị Kiều Trang	04/01/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8.5		1	25.95
78	40018069	Lê Thị Kiều Trang	06/08/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	7.5	SI	8.25		1	25.5
79	40001577	Lê Thị Thu Trang	24/04/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7	SI	5.25		1	21.2
80	40018093	Bùi Thị Ngọc Trâm	02/01/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	6.25	SI	5		1	20.2
81	42000648	Bùi Lệ Trinh	06/02/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	8.75	SI	5.75		1	22.45
82	52009186	Đào Thị Thanh Trúc	04/06/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	5	SI	6.5	01	1	22.05
83	02054555	Đặng Văn Ty	21/03/1999	Nam	B00	TO	6.8	HO	7	SI	6		1	20.55
84	40016671	Huỳnh Thị Phương Uyên	29/11/2001	Nữ	B00	TO	7.4	HO	5.75	SI	6.75		1	20.65
85	38011110	Ksor H' Vay	06/03/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	6.25	SI	6.25	01	1	22.65
86	40011826	Bùi Thị Thái Vy	11/05/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	6.25	SI	6.75		1	21.35
87	41004974	Lê Nguyễn Hoàng Vy	19/05/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	7.25	SI	6.25		2	22.15
88	40011833	Võ Thị Thảo Vy	23/06/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	6.5	SI	7.25		1	21.9
89	40002310	Đặng Thị Thanh Xuân	10/04/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	6.5	SI	5.5		1	20.15
90	38011139	Đinh Thị Xúc	06/07/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	7	01	1	24.8
91	40004274	Hoàng Thị Hải Yến	18/09/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	7	SI	4.75	01	1	21.7
7720601 - Kỹ thuật xét nghiệm y học														
1	40014876	Đỗ Thị Vân Anh	12/06/1997	Nữ	B00	TO	8.4	HO	7.5	SI	7.75		2NT	24.15
2	40014152	Nguyễn Huỳnh Duy Anh	29/09/2002	Nam	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	7.75		1	24.95
3	40004799	Phạm Thị Phương Anh	29/05/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	7	SI	6.25		1	21.6
4	47001555	Thổ Hoàng Bửu	14/06/2001	Nam	B00	TO	7.6	HO	6.5	SI	6.5	01	1	23.35

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
5	44002001	Lê Huỳnh Linh Chi	08/04/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7	SI	6.25	06	2	22.3
6	63004054	Bùi Ngọc Kiều Diễm	18/08/2000	Nữ	B00	TO	7.2	HO	7.25	SI	7.25		1	22.45
7	38008854	Đinh Thị Kim Dung	02/02/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	6		1	21.6
8	38004242	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	16/10/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	8.5	SI	7.5		1	24.35
9	41010531	Trần Đặng Thùy Dương	25/03/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7	SI	7.5		2	22.95
10	44009322	Trần Thị Thùy Dương	23/09/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	7.5		2NT	24.45
11	63004077	Vũ Bảo Đại	13/10/2002	Nam	B00	TO	9	HO	7.25	SI	6.75		1	23.75
12	38008880	Đặng Thị Hà Giang	29/11/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	7.5	SI	7.25		1	23.9
13	38007782	Tạ Thị Thu Hà	28/12/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	8.25		1	24.05
14	40006597	Phạm Nguyễn Thị Mỹ Hằng	15/03/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	7.5	SI	6.25		1	22.9
15	63000290	Lê Thị Thu Hiền	16/05/2002	Nữ	B00	TO	6	HO	8	SI	7		1	21.75
16	40015684	Đinh Thị Hiếu	19/07/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8	SI	8.75		1	25.9
17	43004963	Lương Thị Thúy Hoa	23/03/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	6.75	SI	7.25		1	22.75
18	40015722	Nguyễn Thị Hòa	13/07/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	6.75		1	23.05
19	40015344	Võ Thanh Hoàng	08/04/2001	Nam	B00	TO	8.2	HO	8	SI	6.75		1	23.7
20	40016162	Nguyễn Thị Ánh Hồng	09/08/2002	Nữ	B00	TO	9	HO	7.75	SI	7.75		1	25.25
21	45000008	Phú Thị Kim Huệ	19/04/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	4.25	01	1	22.35
22	38006092	Huỳnh Tấn Hữu	18/06/2002	Nam	B00	TO	9	HO	7.75	SI	7.75		1	25.25
23	40016324	Y Jimy Niê	04/12/2002	Nam	B00	TO	7	HO	6.25	SI	5.5	01	1	21.5
24	40016753	Võ Thị Diễm Kiều	04/05/2001	Nữ	B00	TO	8.6	HO	7.75	SI	6.25		1	23.35
25	42008738	Nguyễn Ngọc Bảo Kim	17/06/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	6.75		1	22.8
26	40004291	Nguyễn Thị Lệ	06/01/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	6.25		1	22.3
27	63000399	Hoàng Thị Liên	24/03/2001	Nữ	B00	TO	8	HO	6.5	SI	5.75	01	1	23
28	45000034	Hải Nữ Hoàng Linh	01/09/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	8	SI	7.5	01	1	26.05
29	29019205	Ngô Thị Linh	20/10/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	6.75		1	23.55
30	40017188	Nguyễn Thị Hồng Linh	22/04/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7.5	SI	9		1	25.45
31	47001762	Ức Xuân Long	05/10/2001	Nam	B00	TO	8	HO	8	SI	6.75	01	1	25.5
32	37014841	Đinh Thị Mỹ Lợi	21/11/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	7.5	SI	7		2NT	23
33	40000222	Nguyễn Hữu Lương	09/12/2002	Nam	B00	TO	8	HO	8.25	SI	6.5		1	23.5

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
34	40005725	Ngô Thị Trúc Ly	20/06/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	6.75	SI	6		1	21.5
35	63000641	Phan Thị Khánh Ly	21/11/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	7.75	SI	6.75		1	23.25
36	40011885	Thái Thị Cẩm Ly	26/06/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	7	SI	7.25		1	23
37	40017310	Nguyễn Thị Trà My	26/11/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8	SI	8.25		1	25.4
38	42003753	Nguyễn Thị Kim Ngân	21/06/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	7.5	SI	6.75		1	23.6
39	40005832	Nguyễn Ý Ngân	02/01/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	7.5	SI	6.75		1	23
40	42012781	Trương Thị Mai Ngân	01/12/2001	Nữ	B00	TO	8.6	HO	7	SI	7.5		1	23.85
41	40004370	Trần Đăng Nghĩa	11/08/2002	Nam	B00	TO	7.8	HO	6.25	SI	7.25		1	22.05
42	38010973	Ksor Nghiêm	05/01/2002	Nam	B00	TO	8.4	HO	5.75	SI	4.75	01	1	21.65
43	38010974	Ksor H' Nghiên	14/10/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	6	SI	6	01	1	21.95
44	40016496	Lê Thanh Ngọc	02/10/1998	Nam	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	7		1	24.8
45	63000704	Nguyễn Huỳnh Giáng Ngọc	25/02/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	7.25		1	23.55
46	40010034	H Ngot Êñuôl	15/03/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	7.5	SI	6	01	1	24.25
47	34012042	Dương Thị Ánh Nguyệt	28/02/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	7		2NT	22.8
48	35001117	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	01/01/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7	SI	7.5		2NT	23.2
49	48014704	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	18/04/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7	SI	7.25		2	22.7
50	42002222	Nguyễn Minh Nhân	15/05/2002	Nam	B00	TO	7.4	HO	7	SI	6.75		1	21.9
51	40018243	Dương Thị Xuân Nhi	06/06/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	5.75		1	21.8
52	38007975	Đỗ Thị Cẩm Nhung	01/02/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	6.75	SI	6.5		1	22
53	36003754	Hoàng Thị Nhung	02/09/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	8	SI	7.25		1	24.2
54	40018281	Nguyễn Hồ Cẩm Nhung	16/03/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8	SI	7.25		1	24.4
55	37009114	Nguyễn Thị Hoàng Nhung	13/07/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	6.5	SI	7.75		2NT	22.35
56	40004453	Tô Thị Nhung	08/12/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7.5	SI	7.25		1	23.7
57	40018311	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	21/10/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	6.5	SI	6.5		1	21.95
58	38009077	Hoàng Kim Phượng	23/03/2002	Nữ	B00	TO	8.2	HO	9.5	SI	7.5		1	25.95
59	40005469	Mai Như Quỳnh	15/09/2001	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7.5	SI	5.75		1	22.2
60	45001404	Báo Thị Hồng Sớm	10/09/2001	Nữ	B00	TO	8.2	HO	7.25	SI	7.5	01	1	25.7
61	63003798	Nguyễn Ngọc Sơn	04/10/2001	Nam	B00	TO	8	HO	7.75	SI	5.75		1	22.25
62	40019004	Đỗ Đức Tâm	23/09/2002	Nam	B00	TO	8.2	HO	8	SI	5.5		1	22.45

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
63	40019013	Nguyễn Băng Tâm	12/12/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8	SI	8.25		1	25.8
64	37006851	Trần Tô Ngọc Thạch	01/05/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	7		2	22.55
65	42013442	Nông Mạnh Thành	23/04/2002	Nam	B00	TO	9	HO	7	SI	6	01	1	24.75
66	38001911	Đỗ Vũ Thanh Thảo	06/07/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8	SI	8		1	25.55
67	41011581	La Thị Xuân Thảo	18/01/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	6	SI	8		2	22.25
68	40017427	Nguyễn Thị Thanh Thảo	07/02/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8	SI	6		1	23.35
69	58005805	Sơn Thị Ngọc Thảo	14/06/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	6.75	SI	5.25	01	1	23.55
70	41011600	Nguyễn Ánh Thi	08/10/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	7.75		2	24.65
71	63000800	Bùi Thị Diệu Thiện	07/10/2002	Nữ	B00	TO	8.4	HO	5.75	SI	8		1	22.9
72	63003890	Trương Thị Mỹ Thoa	04/04/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	6.75	SI	7		1	21.9
73	42002362	Nguyễn Thị Thanh Thúy	07/05/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	6.25		1	22.35
74	38008115	Lê Thị Hoài Thư	05/03/2001	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7	SI	7		1	22.55
75	43002771	Nguyễn Thị Minh Thư	16/07/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	6.75		1	23.05
76	43001511	Cáp Thị Thủy Tiên	14/01/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	8	SI	6.75		1	22.9
77	43000452	Nguyễn Duy Tín	22/11/2002	Nam	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	6.75		1	23.95
78	37011163	Võ Nguyễn Huyền Trang	22/03/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	8	SI	6.75		2NT	22.65
79	02024529	Phạm Diễm Huyền Trâm	22/09/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	6	SI	7.5		3	22.3
80	40019158	Nguyễn Thị Linh Triều	11/03/2002	Nữ	B00	TO	8.8	HO	8	SI	5.25		1	22.8
81	40019168	Nguyễn Lê Tuyết Trinh	17/12/2002	Nữ	B00	TO	8	HO	7.5	SI	7.75		1	24
82	40019202	Trần Quang Trung	26/09/2002	Nam	B00	TO	8.2	HO	6.75	SI	8		1	23.7
83	40008530	Nguyễn Cẩm Tú	08/01/2002	Nữ	B00	TO	7.8	HO	7	SI	7.75		1	23.3
84	47006302	Nguyễn Ngọc Tùng	29/08/2002	Nam	B00	TO	8	HO	7.5	SI	7.25		2	23
85	40019277	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	25/09/2002	Nữ	B00	TO	9.2	HO	7.25	SI	6.25		1	23.45
86	40019280	Cao Thị Bích Tuyết	24/10/2002	Nữ	B00	TO	7.2	HO	8	SI	5.75		1	21.7
87	40001080	Trương Thị Minh Tưởng	27/03/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	8	SI	7		1	23.15
88	41010065	Tạ Huỳnh Anh Văn	17/09/2002	Nam	B00	TO	8	HO	8.75	SI	8.25		2	25.25
89	42006671	K' Vân	26/07/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	6.25	SI	6.75	01	1	23.35
90	41010951	Trương Thị Hồng Vi	25/07/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	8	SI	6.25		2	22.1
91	45002819	Kiều Long Vũ	23/09/2002	Nam	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	6.75	01	1	25.05

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã tổ hợp	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
92	63006225	Đinh Thị Thảo Vy	05/12/2002	Nữ	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	7.5		1	23.1
93	40019397	Trần Mai Vy	04/11/2002	Nữ	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	7		1	24.85
** 7850103 - Quản lí đất đai*														
1	63004983	Cao Thị Ngọc Ánh	14/05/2002	Nữ	A00	TO	7.4	LI	5.75	HO	7.5		1	21.4
2	38003637	Siu Dĩu	20/12/2002	Nữ	A00	TO	8	LI	7.75	HO	7	01	1	25.5
3	40015709	Vũ Đình Hiếu	04/03/2002	Nam	A00	TO	8	LI	4.75	HO	4.75		1	18.25
4	40002875	Lương Thị Ngọc Hoài	16/05/2002	Nữ	A00	TO	7.2	LI	7.5	HO	6.75	01	1	24.2
5	41009825	Nguyễn Minh Hy	08/12/2002	Nam	A02	TO	8.2	LI	7.25	SI	5.75		2	21.45
6	38001072	Đặng Nguyễn Thanh Lâm	17/07/2002	Nam	A00	TO	8.8	LI	8.25	HO	5		1	22.8
7	38003240	Nguyễn Thành Lân	09/04/2002	Nam	A00	TO	7.6	LI	5.75	HO	5.5		1	19.6
8	40017308	Nguyễn Thị Diễm My	04/02/2002	Nữ	A00	TO	6.6	LI	6	HO	6.25		1	19.6
9	40017469	Trần Bảo Thiện	14/06/2002	Nam	A00	TO	5.8	LI	4	HO	6.75		1	17.3
10	40010260	Thái Thị Anh Thư	12/10/2002	Nữ	A00	TO	7.6	LI	6.75	HO	6		1	21.1
11	40019225	Lê Nguyễn Cẩm Tú	27/09/2002	Nữ	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	8.5		1	24.15
12	40001074	Nguyễn Văn Tuệ	14/10/2002	Nam	B00	TO	7.2	HO	3.75	SI	4.75		1	16.45

Danh sách gồm 1887 thí sinh.